

BÁCH KHOA

SỐ 91 — NGÀY 15 - 10 - 1960

KHAO-LUẬN

HOÀNG-MINH-TUYNH	Tình - hình nước Nhật (III).
NGUYỄN-PHÚC-SA	Vấn - đề già - tăng dân số.
PHẠM-HOÀNG	Nhắm mắt trước sự thật.
BỬU-KẾ	Từ - điện Voi Ré đến Hồ Quyền.
PHẠM-TRỌNG-NHÂN	Bài học của Thánh Gandhi.
ĐOÀN-THÊM	Bức thư gửi cho một sinh-viên du-học.
H. Đ.	Loại sách cho Thanh-thiếu-niên bên Pháp.
QUÝ-BẢO	Một tháng ở Nhật-Bản.
NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	Thành - tích 50 năm khoa-học.

VĂN-NGHỆ — SINH-HOẠT

CÁT-SĨ	Đọc « Tò Ám » của Anh-Tuyển.
PHƯƠNG-LONG	Lồng đèn ông sao.
ĐOÀN-THÊM	Vô đề.
KIM-TUẤN	Huả-Lư-Posát.
HUY-LỰC	Mưa thu.
NGUYỄN-VĂN-XUÂN	Hương máu.

RƯỢU :— Rượu Âu m^{ạnh} « **EAU DE VIE CŨ** » 40° và 50°

— Rượu Tàu « **LÀO-MẠNH-TỬU** »

— Rượu Tàu « **ÍCH-THỌ-TỬU** »

SI-RÔ « **VERIGOUD** » :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm « **DISTAROME** »

DISTILLERIES **DE L'INDOCHINE**



NƯỚC HOA và DẦU
THƠM « D.I.C. »

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở **NAM-PHẦN** : **HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)**

135, đường *Paspeur* — SAIGON

ở **TRUNG-PHẦN** : **CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHIỆP**
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG

HÃNG RƯỢU NHIỀU-BÁ

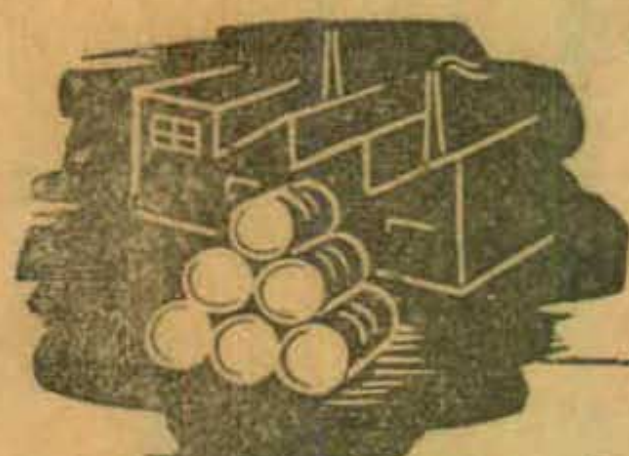
6, đường *Hoàng-Hoa-Thám* — NHA-TRANG



Để dùng vào
KỸ - NGHỆ
NÔNG - NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG TY SHELL VIỆT NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá phẩm
do dầu hỏa chế ra.



Chất để pha trộn,
Acétone, glycéline, toluène



Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MÁY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MÁY CHỮ, MÁY TOÁN
MÁY VIỄN ẮN
MÁY BƠM NƯỚC
MÁY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA

NECCCHI

MARELLI

OLIVETTI

LOMBARDINI

MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine



78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON



TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VON 560.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Edén, Saigon



TẤT CA CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân Hàng thừa nhận do Viện Hối Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về
Xuất-cảng — Nhập-cảng



DU - NGOẠN HUẾ VÀ ĐÀ - NẴNG

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

TỜ - CHỮ C

NHỮNG CUỘC DU - NGOẠN CUỐI TUẦN
ĐI HUẾ VÀ ĐÀ - NẴNG

1) Du-ngoạn 2 ngày ở Huế

— Khởi-hành tại SAIGON mỗi sáng Thứ Bảy : 07g15

— Ở HUẾ trở về chiều Chúa - Nhật : 16g50

Giá tính chung **3.000\$** mỗi người

2) Du - ngoạn 3 ngày ở HUẾ và ĐÀ - NẴNG

— Khởi-hành tại SAIGON mỗi sáng Thứ Bảy : 07g15

— Ở ĐÀ - NẴNG trở về chiều Thứ Hai : 13g45

Giá tính chung **3.400\$** mỗi người

kể cả tiền vé phi - cơ khứ - hồi, ăn ở, du - ngoạn
có hướng - dẫn - viên.

Mỗi cuộc du - ngoạn cần số người dự ít lắm : 5 người

XIN HỎI CHI-TIẾT và LẤY VÉ NƠI :

Tổng Đại-Lý VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ T. : 22.446-47. 21.624-25-26

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Hentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

**AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE**

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

44-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

SẢN PHẨM CỦA HÀNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° C. 4 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

TÂN-ĐÌNH : 415-417 đường Hai Bà Trưng
Tél. : 25.172

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON. KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cofres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

*Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime.*



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*



PHÒNG

UỐN

TÓC



SỬA

SẮC

ĐẸP



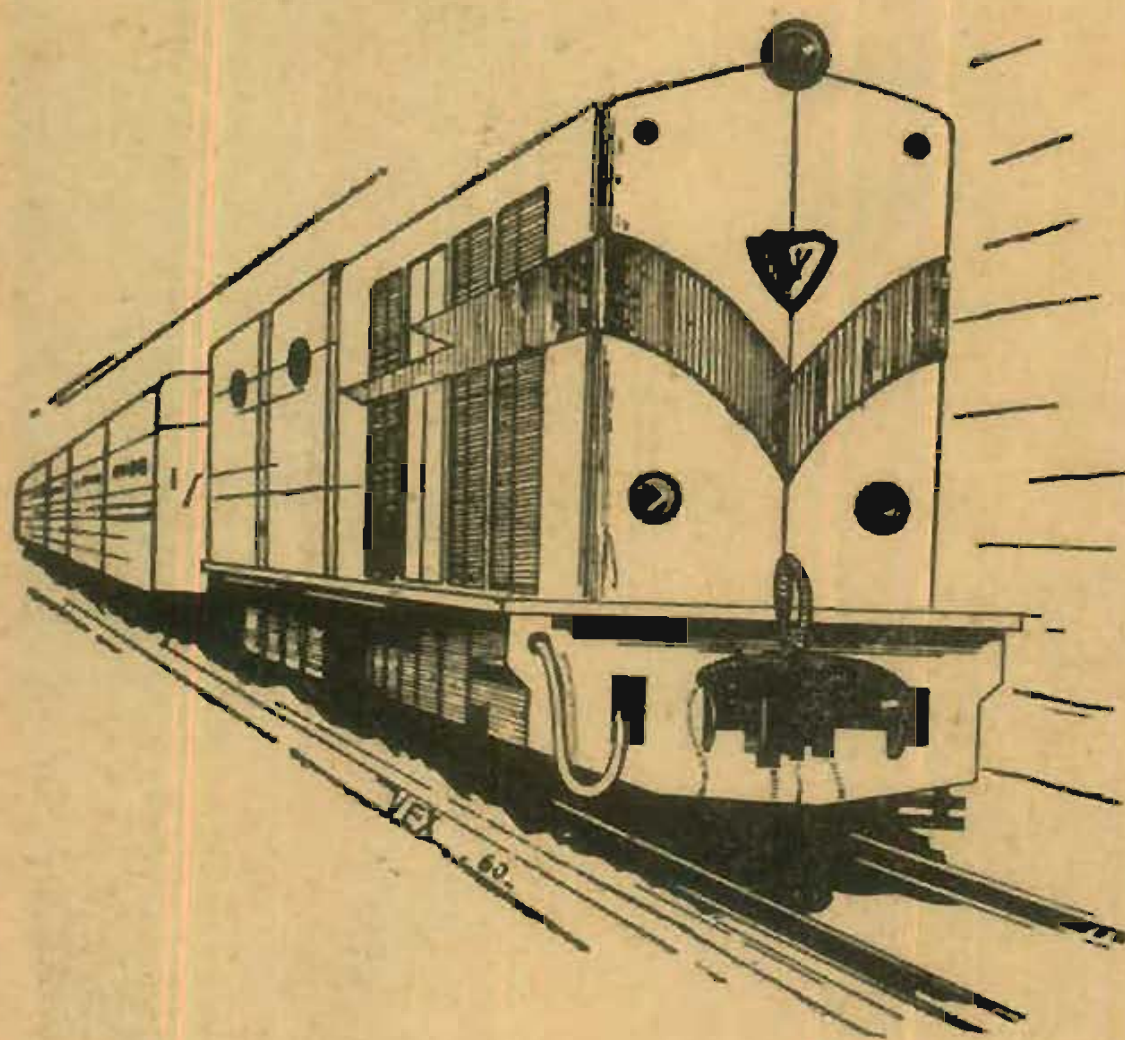
BẢO AN



213^D Tự Do
SAIGON

ĐƯỜNG XE LỬA XUYỀN VIỆT

Đường Xe lửa Xuyên Việt là một nguồn lợi
tối quan trọng cho nước nhà.



Dưới quyền điều khiển của
kỹ-sư và kỹ-thuật gia Việt-
Nam, Đường Xuyên Việt nỗ
lực kiến-thiết để góp phần
độc-lập kinh-tế.

Từ Saigon đến Đông-Hà,
Nha Hòa-Xa Việt Nam đã
đặt và sửa lại 1.110 cây số
đường sắt, 20 vầy cầu sắt
mới, 75 cầu sắt Krupp, 68
cầu đúc và bêton ...

Phương tiện giao thông
và chuyên chở này cũng
như các kỹ nghệ khác đều
cần đến dầu để chạy máy
và giữ gìn dụng cụ.



HANG DẦU STANVAC

góp phần khuếch-trương kỹ-nghệ

STANDARD VACUUM OIL COMPANY và các sản-phẩm MOBILGAS — MOBIL OIL — MOBIL DIESEL, v.v...

BÁCH-KHOA

Số 91 — Ngày 15-10-1960

	Trang
HOÀNG-MINH-TUYNH	<i>Tình-hình nước Nhật (III)</i> . . . 3
NGUYỄN-PHÚC-SA	<i>Vấn-đề gia-lăng dân số</i> . . . 10
PHẠM-HOÀNG	<i>Nhắm mắt trước sự thật</i> . . . 17
BỬU-KẾ	<i>Từ-diện Voi Rẻ đến Hồ Quyền</i> . . 18
PHẠM-TRỌNG-NHÂN	<i>Bài học của Thánh Gandhi</i> . . . 27
ĐOÀN-THÊM	<i>Bức thư gửi cho một sinh-viên du-học</i> . . . 34
H. Đ.	<i>Loại sách cho Thanh-thiếu-niên bên Pháp</i> . . . 39
QUÝ-BẢO	<i>Một tháng ở Nhật-Bản</i> . . . 51
NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	<i>Thành-tích 50 năm khoa-học</i> . . . 57
CÁT-SI	<i>Độc Tổ Ấm của Anh-Tuyển</i> . . . 63
PHƯƠNG-LONG	<i>Lồng đèn ông sao (truyện ngắn)</i> . 74
ĐOÀN-THÊM	<i>Vỏ dẻ (thơ)</i> . . . 82
KIM-TUẤN	<i>Huả-Lai-Posát (truyện ngắn)</i> . . . 83
HUY-LỰC	<i>Mưa thu (thơ)</i> . . . 88
NGUYỄN-VĂN-XUÂN	<i>Hương máu (truyện ngắn)</i> . . . 89

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

HOÀNG-MINH-TUYNH

: Hợp chúng quốc trước ngã ba đường

BỬU-KẾ

: Cái chết bi đát của 108 người Trung-Hoa thờ tại đền Chiêu-Ứng ở Huế.

NGUYỄN-ANH-LINH

: Nietzsche, con người siêu-việt.

ĐOÀN-THÊM

: Câu chuyện chủ-nhật.

NGUYỄN-PHÚC-SA

: Công - cuộc viện - trợ các nước kém mở mang.

NGUYỄN-CHÂU

: Nữ sĩ Nhật.

NGUYỄN-VĂN-HẦU

: Nguyễn-Hữu-Cảnh

NGUYỄN BẠT-TỤY

: Tên cá trong Ngũ-Việt.

NGUYỄN-VĂN-THU

: Đồ sứ Đại-Tổng và tranh Đại-Tổng.

TRƯƠNG-ĐÌNH-CỬ

: Đôi nhận-xét về âm-diệu Vọng-cồ.

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

: Nhân loại học — Nhân chủng học.

TRẦN-VĂN-KHÉ

: Lối « Ca Huế » và lối « Nhạc tài tử ».

VŨ-HẠNH

: Vàng Hời (truyện ngắn).

XUÂN-TÙNG

: Trận banh đầu (truyện ngắn).

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

: Mưa (truyện dịch).

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

: Khóc đầu tri kỷ (truyện ngắn)

PHAN-DU

: Tình người (truyện ngắn).

CHỦ-TRƯỞNG

CỦA NGƯỜI NHẬT TRUNG-LẬP

HOÀNG-MINH-TUYNH

Như chúng tôi đã trình bày trong số trước, đa số quốc dân Nhật hiện nay có khuynh hướng thân khối Tây-phương, và chính đảng hiện đang nắm chánh quyền nước Nhật là đảng Dân-chủ — Tự-Do, từ trước tới nay, vẫn tỏ ra trung thành thể hiện đúng khuynh hướng đó. Tuy nhiên, ngoài đa số trên, vẫn có một thiểu số chủ trương trung lập và đại biểu cho khuynh hướng này, một bên là Đảng Xã-hội và Đảng Cộng sản, một bên là những phần tử quân phiệt mới. Mặc dù tương đối kém thế, khuynh hướng trung lập không phải là không, có uy tín lớn lao trước quốc dân Nhật. Vậy chúng ta thử tìm hiểu chủ trương trung lập của thiểu số này thế nào để kết thúc thiên khảo cứu về tình hình nước Nhật.

Ba hình-thức trung-lập

Từ khi ý-niệm trung-lập được nâng lên hàng quốc sách của một số nước, ta thấy ý-niệm ấy được áp-dụng theo nhiều thể thức khác nhau, tùy theo hoàn cảnh và bản chất đặc thù của mỗi dân-tộc. Như ở thời đại chúng ta, Thụy-Điển, Thụy-Sỹ và Ấn-Độ, mỗi nước đều thi hành một chính sách trung lập theo đường lối riêng biệt. Vậy chính sách của người Nhật trung lập lúc này có ý nghĩa gì và họ muốn cho nước Nhật trung lập ra sao? Ý tưởng của

người Nhật trung-lập rất phức tạp nên lời giải đáp cho câu hỏi trên không phải dễ dàng. Tuy nhiên, ta có thể dựa theo nguyện vọng và đề nghị của một số chính đảng trung-lập Nhật mà xếp sắp và thu tóm ít nhiều điểm đại quan dưới đây để tìm hiểu lập trường của họ.

— Trước hết, theo thứ tự tầm mức quan trọng, hiệp ước an-ninh và thỏa-hiệp hành chính đã ký kết trước đây giữa hai nước Nhật-Mỹ, người Nhật trung lập cho là không thể gia hạn thêm nữa và quyền của người Mỹ được đặt căn cứ quân sự trên đất

CHỦ-TRƯỞNG CỦA NGƯỜI NHẬT...

Nhật, cần phải thu hồi. Ngoài ra, còn phải loại trừ ảnh-hưởng của Mỹ đối với quốc sách Nhật, nhất là về phương diện quân-sự. Chủ trương đó thể tất dẫn đưa tới chỗ thiết lập quan-hệ ngoại giao đầy đủ và trọn vẹn với Trung - Hoa Cộng - sản và, do đấy, tới chỗ thủ tiêu sự thừa nhận chính phủ Trung-Hoa quốc-dân tại Đài-Loan. Nước Nhật phải được tự do thông thương với Trung-Hoa Cộng-sản và các nước Cộng-sản khác. Nước Nhật sẽ phát động một phong trào quốc gia rộng lớn nhằm thu hồi chủ quyền của Nhật tại Okinawa (Xung-Thăng) và tại các đảo hiện vẫn còn nằm trong tay người Mỹ. Để bù đắp lại sự giảm trừ quan hệ ngoại giao với khối Tây-phương, nước Nhật sẽ tăng cường quan hệ ngoại giao với các nước Á-Châu, Phi-Châu và A-Rập. Tại Liên-hiệp-quốc, chính sách tổng quát của Nhật sẽ hướng theo chính sách của khối Á-Phi. Nước Nhật sẽ đem kinh nghiệm và kỹ thuật của mình phục vụ công cuộc hợp tác giữa các dân tộc Á-Châu để nâng cao mức sinh hoạt của họ lên và lần lần khai trừ ảnh hưởng và can thiệp của các nước bên ngoài Á-Châu.

Đặc-biệt về vấn đề quan yếu bậc nhất hiện nay, là vấn đề nước Nhật phải làm sao để bảo đảm an ninh cho mình, một khi liên

minh với Mỹ-quốc không còn nữa, chúng ta thấy công luận của các khuynh hướng trung lập có chiều như không được nhất trí — Bởi vậy, về điểm này, cần phải phân biệt ba hình thức trung-lập chính của người Nhật và chúng tôi xin tạm dùng ba « nhãn hiệu » để mệnh danh ba khuynh - hướng chính : khuynh-hướng thứ nhất gọi là *trung lập nguy trang*, khuynh hướng thứ hai gọi là *trung lập tình cảm* và khuynh hướng thứ ba gọi là *trung lập cương liệt*.

Trung-lập nguy - trang

Chủ-nghĩa trung-lập nguy trang do các phần tử tả phái chủ-trương gồm cộng-sản, xã-hội tả khuynh (đôi khi cũng có cả hữu-khuynh), một số nhân viên liên-hiệp nghiệp-đoàn Sohyo (Tổng Bình) và liên-hiệp giáo giới Nhật-Bản, v.v. Mục-đích cuối cùng của nhóm này là làm tăng-gia lực lượng của Cộng-sản thế-giới lên và làm suy giảm lực lượng của Tây-phương đi. Nhóm này nhận định thấy rõ hiện nay, về phương-diện chính-trị, chưa thể đòi hỏi nước Nhật từ khước hết mọi liên-minh, nên họ chỉ cố-gắng làm sao phá đổ liên-minh giữa Nhật với khối Tây-phương trước đã; trong thâm tâm, họ cho đó là bước đầu thiết yếu để đặt nước Nhật vào hàng - ngũ của khối

PHẠM-HOÀNG sưu tập

Danh ngôn, danh lý

THUẬT LỰA NGƯỜI CỘNG TÁC

- ★ Có những đức-tính chuyên môn không đủ để trở thành một người cầm đầu giỏi. Nhiều nhà học-giả, bác-học, chuyên-viên khi giúp việc cho một người cầm đầu thì tỏ ra đặc lực tới khi bước ra cầm đầu thì lại tỏ ra rất kém khả-năng. Có những người làm việc ở bậc dưới thì hay, lên bậc trên lại hóa dở (Courtais).

Cộng-sản. Họ biết rằng vận-động cho nước Nhật trở nên trung-lập và không vô trang là cách thể hay nhất để đưa Nhật lần lần vào khối Cộng-sản; theo cách thể này, họ có thể dùng áp-lực kinh-tế và chính-trị để chi-phối hữu hiệu mà không cần phải dùng đến chiến-tranh khốc-liệt để đi tới kết-quả. Dù cho tính toán của họ có sai lạc chăng nữa, nguyên sự kiện nước Nhật bãi bỏ cuộc liên-minh với Tây - phương cũng đủ làm cho cán cân lực lượng tại Á - châu nghiêng lệch về khối Cộng-sản rồi.



Cuộc ám-sát

Ông Kishi (Ngạn), nguyên thủ-tướng chính-phủ Nhật, một trong những lãnh-tụ có uy tín nhất của đảng Dân-chủ — Tự-Do (Bảo thủ) có chủ-trương giữ nguyên hiện trạng liên-minh với khối Tây-phương. Nhân cuộc bạo-động hồi tháng sáu vừa qua gây nên bởi các đảng phái cực tả chủ-trương trung-lập, ông bị một phần tử cuồng tín ám-sát bằng dao găm, ngay trước ngày ông đệ đơn từ chức.

Trung - lập tình - cảm

Sau chủ-nghĩa trung-lập nguy trang, tới chủ-nghĩa trung-lập tình-cảm, là chủ-nghĩa trung-lập của đại đa-số tả phái Nhật và đồng thời cũng là chủ-nghĩa được nhiều người Nhật không đảng phái hưởng ứng nhất. Chủ-nghĩa này ăn sâu vào trong hầu hết các tầng lớp dân chúng, từ bà nội-trợ tin-tưởng nước Nhật trung-lập sẽ tránh cho gia-đình bà khỏi những tàn phá khốc-liệt của chiến-tranh, cho tới vị giáo-sư đại-học tuyên-bổ tán-thành nước Nhật phải đứng ngoài cuộc xung-đột giữa Đông-Tây, và làm sao cho cả hai phe ấy phải lấy nước Nhật làm một thứ kiểu mẫu đáng khâm phục của sự trung-hòa.

Chủ-nghĩa trung-lập tình-cảm không có căn-cứ vững chắc và hầu như không có đủ khả năng hay can đảm nhận định rõ vị trí hiện nay của Nhật bản trong hoàn-cầu. Trái với chủ-nghĩa trung-lập nguy trang biết rõ khuynh hướng và mục-tiêu của họ, chủ-nghĩa trung-lập tình-cảm không biết rõ mình muốn cái gì, nên thường nhìn tương-lai một cách hỗn độn đến mịt mờ. Tổng-quát mà xét thì chủ-nghĩa ấy mơ hồ chủ-trương thủ tiêu liên-minh

CHỦ-TRƯỞNG CỦA NGƯỜI NHẬT...

Nhật-Mỹ, và nếu ta muốn có một hình ảnh rõ rệt hơn, thì hình ảnh ấy có thể phác họa đại khái thế này : một khi giải thoát được các dây nhợ ràng buộc mình vào với Tây-phương, Nhật-Bản sẽ thiết-lập lại các mối bang-giao thân hữu với Trung-Hoa và các nước Cộng-sản khác.

Một chính sách như vậy chắc sẽ khiến cho Hiệp-chúng-quốc nản lòng, không muốn viện-trợ kinh-tế cho Nhật-bản nữa, song sự thiệt thòi đó sẽ được đền bù xứng đáng bằng cuộc giao thương vĩ-đại với Trung-quốc đem lại phồn-vinh, sung mãn cho xứ sở, đó là chưa kể sự kiện các nước Đông-Nam-Á-Châu sẽ sẵn-sàng hợp tác đặc lực với một nước Nhật không còn lệ thuộc quá chặt chẽ vào Tây-phương nữa. Trung-lập Nhật-bản sẽ được bảo-đảm bằng một hiệp-ước cộng-đồng bất xâm-phạm ký-kết với Hiệp-chúng-quốc, Trung-Hoa, Liên-xô và Anh-cát-lợi ; liên-minh Trung-Xô sẽ không còn lý-do tồn tại, khu-vực giải trừ nguyên-tử sẽ mở rộng ra, bao gồm cả Nhật-Bản cùng toàn bộ Á-Châu. Lực-lượng quốc phòng nhờ đấy lần lần giảm bớt và các quân phí sẽ được dùng vào nhiều công cuộc xây-dựng hòa-bình và xã-hội khiến cho mức sinh-hoạt của nhân dân tấn tới khả-quan hơn. Vạn nhất có xảy ra chiến tranh giữa hai khối, Nhật nhờ hiệp-ước bất xâm-phạm vẫn có thể đứng ngoài vòng chiến và chắc chắn các nước giao chiến sẽ tôn trọng thái-độ hòa-bình của Nhật. Sự thiết-lập một khu-vực giải trừ nguyên-tử, cũng sẽ bảo-đảm cho Nhật được ở ngoài tầm vũ khí hạt nhân.

Trái ngược với chủ-trương trung-lập nguy trang triệt để theo khối cộng-sản, chủ-trương trung-lập tình-cảm tỏ ra thân

thiện với các nước dân chủ Tây phương. Người trung lập tình cảm thường là một người có tư tưởng tự do và nhân bản; họ rất e ngại trước viễn tượng quốc gia bị kết nạp vào hàng ngũ các nước Cộng-sản. Tâm-lý và thể-thức sinh-hoạt của họ khác xa với những chủ-trương của người Cộng-sản. Tuy nhiên, họ luôn luôn theo đuổi một chính-sách đem lại kết-quả tối nguy hại cho khối Tây-phương vì làm suy-yếu lực-lượng của khối này một cách ghê gớm, đồng thời lại tăng-cường lực-lượng của khối Trung-Xô lên một cách đáng sợ. Mâu thuẫn nội tại này, người Nhật trung-lập thường không nhận thấy rõ rệt chính vì chủ-trương trung lập vụ vào tình cảm của họ rất mực mơ hồ.

Trung-lập cương-liệt

Chủ-trương trung-lập cương-liệt là chủ-trương của nhóm quốc-gia hữu phái, trong đó có nguyên đại-tá Tsuji Masanobu (Thập Chính Tín) (1) và nhiều người Nhật thuộc hữu phái tân quân phiệt. Đặc trưng của hình-thức trung-lập này là chủ trương tái vũ trang thật mạnh. Ông Tsuji vẫn thường nhắc đi nhắc lại rằng sự bùng nổ của chiến tranh thứ ba chỉ là vấn đề thời gian. Nước Nhật phải mạnh và phải trung lập để khỏi bị lôi cuốn vào một lò thiêu sinh có năng lực tàn phá cực kỳ khủng-khiếp. Nước Nhật phải chuẩn

(1) Đại-tá Tsuji, có chân trong bộ Tham mưu Nhật-Hoàng là một trong những sỹ quan trẻ tuổi có năng lực nhất đã đem lại thành công chớp nhoáng cho nước Nhật trong trận chiến tranh Thái-bình-dương trước đây. Bị quân lực Anh khép vào hàng tội nhân chiến tranh, ông trốn thoát, cải trang làm một vị sư, du hành khắp Đông-Nam-Á và Trung-Hoa trong suốt ba năm từ sau ngày Nhật đầu hàng. Trở về nước, ông được « rửa oan » và quay ra làm chính trị. Ông được bầu vào Quốc hội Nhật với một số thăm rất lớn nhờ khẩu hiệu : « Trung-lập và Độc-lập ».



Cuộc biểu-tình

Do các đảng phái cực tả Nhật phát-động chống lại cuộc thăm viếng của Tổng-Thống Hiệp-chúng-quốc và hiệp-ước an-ninh Nhật-Mỹ. Luồng gió trung-lập khởi sự thổi trên dân chúng Nhật ; nhiều người băn khoăn tự hỏi luồng gió ấy rồi sẽ đưa nước Nhật tới đâu ?

bị một lượng hùng hậu vô trang bằng những vũ khí tối tân nhất. Quân đội Mỹ quốc phải rời bỏ các căn cứ tại Nhật và Nhật phải có đủ sức để buộc các nước khác tôn trọng chủ trương trung lập của mình. Một khi giai đoạn đó đã thực hiện xong, nước Nhật có thể trở thành cường quốc có uy thế hết sức lớn lao. Với uy thế ấy, Nhật sẽ đứng lên khởi xướng một cuộc liên minh với các nước Á - Châu, nhằm giải phóng các nước này khỏi sự lệ thuộc vào các cường quốc Tây-phương và tiếp tục công cuộc xây dựng các nước trước đây đã nhờ sự hy sinh của Nhật mà thu hồi được nền độc lập. Mặc dù ở kề cận một lục địa Cộng - sản, nước Nhật hùng

cường và trung lập vẫn có thể hợp tác được với Trung-Hoa để tiêu trừ mọi sự xâm nhập của người Nga và người Mỹ. Thắng hoặc các nước Cộng-sản có tấn công Nhật, thì khi cần, chắc chắn Mỹ sẽ phải nhảy vào giúp đỡ Nhật mặc dù chẳng có hiệp ước quân sự nào kết thúc giữa hai nước. Hơn thế, Nhật trở nên trung lập, chưa chắc khối Tây-phương đã dám bỏ Nhật về phương diện kinh tế, bởi sợ Nhật bị nguy ngập về kinh tế tất sẽ rơi vào khối Cộng-sản một cách dễ dàng. Hiện nay, chủ-trương trung-lập cương liệt chưa được nhiều phần-tử lãnh-đạo bảo thủ và công luận Nhật hưởng ứng mãnh liệt bao nhiêu. Tuy nhiên, cứ coi những

thắng lợi ông Tsuji đã thu - hoạch được trong các kỳ tuyển-cử từ năm 1952, nhất là thắng lợi quan trọng hồi tháng 6 năm 1959, khi ông được xếp vào hạng ba trong toàn số ứng-cử-viên thượng nghị-viện, ta có thể ngờ rằng chủ-trương trung-lập của ông đã bành trướng khá sâu rộng trong dân-chúng Nhật. Nếu trong tương lai, các trào lưu quốc-gia chủ-nghĩa trở nên sôi nổi, và nếu chính sách nước Nhật có chiều khuynh-hữu thì chủ-nghĩa trung-lập cương liệt chắc sẽ gây ảnh-hưởng rất lớn lao trong chính sách ngoại - giao của nước Nhật sau này.

Chúng ta đã hiểu rõ những động cơ chính làm phát sinh ra chủ-nghĩa trung-lập tại nước Nhật. Động-cơ của chủ-nghĩa trung-lập nguy trạng thật rõ ràng và thuận lý, tuy nội-dung chứa đựng sâu đậm tính bất « khẩu thị tâm phi ». Mục tiêu của nó theo đuổi cũng thật dung-dị, và chỉ gồm có việc liên-kết với các phần-tử trung-lập thành thực để bẻ gãy các quan-hệ bang giao giữa Nhật với khối Tây-phương, gây thắng lợi quyết định cho chủ-nghĩa cộng-sản ở Viễn-Đông.

Còn lý do khiến các phần tử trung-lập chân chính, dụng tâm làm suy yếu các quan hệ bang giao Nhật-Mỹ, thì nằm trong sáu điểm : thứ nhất đó là bởi người Nhật muốn thỏa mãn một nhu cầu quốc-gia, làm sao cho nước mình được hoàn toàn độc-lập. Thứ hai là họ cần tránh nguy - cơ lâm vào cuộc chiến-tranh nguyên-tử có thể xảy ra giữa Tây-phương và các nước Cộng-sản (1) Thứ ba là họ nhằm cải thiện cuộc thông thương mậu-dịch với Trung - Hoa cộng-sản. Thứ bốn là họ quyết thân thiện với các nước Á-Châu, cạnh-tranh với Ấn-

Độ về vai trò « lực lượng thứ ba » để kết nạp các nước hiện chưa gia nhập khối nào. Thứ năm là họ tính đóng vai trò trung-gian trong cuộc chiến-tranh lạnh để hưởng viện-trợ của cả hai khối Đông Tây. Thứ sáu là họ cố tìm cách làm giảm tình - trạng căng thẳng trong thế-giới hiện nay và đứng vào hàng ngũ các nước chưa tham gia mà dẹp mọi nguy của một cuộc đại - chiến thứ ba.

Những điểm trên đây, dưới hình-thức khác nhau ít nhiều, vẫn thường là đầu mối các cuộc luận đàm hội thảo của những phần tử trung-lập theo khuynh-hướng tình cảm hay cương-liệt. Chúng tôi cuốn được một thiểu số cử-tri quan-trọng, nhất là đối với 33% số thăm của đảng Xã-hội. Chính các người bảo - thủ, tuy không chấp-thuận chủ trương trung lập, nhưng vẫn ý-hức được rằng sáu điểm kể trên thật có ma lực hấp dẫn được quần chúng Nhật rất mực nhiệm mầu.

*
* *

KẾT LUẬN

— Bây giờ chúng ta có thể kết luận được rằng, mặc dù chính phủ bảo thủ và đa số dân chúng Nhật hiện nay vẫn còn muốn giữ nguyên hiện trạng thân thiện với khối Tây-phương và tỏ ra đối lập rõ ràng với một chính sách trung lập, một hình thức mờ hồ về một chủ nghĩa trung lập hiện đang

(1) Nhiều người vẫn nghĩ bang giao giữa Nhật với Hiệp-chủng-quốc tuy chỉ có mục-dịch bảo vệ Nhật chống lại cuộc xâm-lăng của Cộng-Sản, song thật ra đã trở thành nguyên nhân xúi giục cho Cộng sản xâm lăng đất Nhật : họ cho rằng, nếu một cuộc chiến tranh lớn có xảy ra giữa Cộng sản với Hiệp-chủng-quốc, nước Nhật sẽ trở thành tiền tuyến của lực lượng quân bị Hiệp-chủng-quốc, trong thế thủ cũng như trong thế công.

hình thành và đang được phổ biến rộng rãi trên đất Nhật. Đảng Xã hội và gần đây, đảng Cộng-Sản đang ra công cổ xúy dân chúng chấp thuận chủ nghĩa ấy và họ không bỏ lỡ một dịp nào để quảng bá cho nó ăn sâu vào tâm trí người bình dân Nhật.

Tình cảm trung lập ấy thực tế sẽ gây ra những ảnh hưởng gì trong chính sách ngoại giao của nước Nhật? Đó là điều thực tế khó đoán biết, vì khác với những năm trước, đường lối chính trị của nước Nhật hiện nay không được hoạch định một cách dứt khoát, rõ ràng.

Tuy nhiên, như chúng tôi đã trình bày trên, chúng ta có thể tin rằng, nhờ những lợi ích thu hoạch được do cuộc liên-minh với Tây - phương, nước Nhật vẫn còn giữ nguyên hiện-trạng thân - thiện với Tây - phương, ít ra trong khoảng thời gian mấy năm tới đây nữa. Mặc dù chính-sách thân Tây - phương của nguyên thủ-tướng Kishi (Ngạn) trước đây đã gây nên nhiều sóng gió và mặc dù hiệp-ước an-ninh Nhật-Mỹ mới đây đã phải trải nhiều khó khăn mới ký - kết lại nổi, người ta vẫn không nghĩ rằng công - luận nước Nhật đã có thể nhất đán đi tới chỗ cắt đứt mọi giường mối liên-lạc với khối Tây-phương, để toàn bộ quốc-gia phải lâm vào tình-trạng rối rắm về kinh-tế và xã-hội không lối thoát.

Dân Nhật vốn là một dân có tiếng thực-tế nhất hoàn-cầu, hẳn không khi nào chịu đánh một lá bài nguy-hiểm mà không chắc

ăn : cuộc liên-minh với khối Tây - phương của người Nhật hiện nay tuy là một miếng mồi không lấy gì làm ngon lành và vinh - dự cho lắm, nhưng vẫn là miếng mồi thiết-thực, người Nhật không dại gì thả ra để bắt một cái bóng, mà tất cả giá trị chỉ là một cái bóng thôi.

Tuy nhiên, khối Tây phương, tưởng cũng không nên kỳ vọng quá nhiều vào chính sách ngoại giao tương lai của nước Nhật. Nước Nhật hiện nay có thuận theo chính sách của Tây-phương, thì đó không phải là bởi tại nước Nhật cũng có những tập tục cổ phong như Tây-phương hay cũng có chung một lý tưởng hoặc một nguyên tắc với Tây phương và cảm thấy lý tưởng hoặc nguyên tắc ấy đang bị đe dọa trong khắp hoàn cầu mà phải ra công bảo vệ. Lý do khiến Nhật chấp nhận Tây phương hầu hết nằm trong địa hạt thực tế và tâm lý. Có người bảo các nhà lãnh đạo Nhật bản hiện nay đang ủng hộ hoặc tán thành cuộc liên minh với Tây phương phần nhiều là những người có những quan niệm khác biệt hẳn với những quan niệm dân chủ theo kiểu Tây phương, nếu không gọi là đối lập. Chẳng biết công cuộc « dân chủ hoá » nước Nhật của người Mỹ chiếm đóng trước đây tiến hành ra sao tại nước Nhật, kết quả đã đi tới đâu, và người Nhật hiện nay đã « dân chủ hóa » theo kiểu Tây phương được tới mức độ nào ?

HOÀNG-MINH-TUYNH

✱ Muốn thấu triệt bí quyết thành-công của Lyautey phải tìm trong cái thuật « biết người » của ông. Về thuật ấy, Lyautey đã đạt tới độ tối cao. Không những ông xét đoán người rất hay, ông còn ước lượng họ rất đúng, ông biết ông đòi hỏi họ đến mức nào là mức tối đa (De Tarde).

NHỮNG VẤN-ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN GIA TĂNG DÂN SỐ

NGUYỄN - PHÚC - SA

TRƯỚC đây ít người đặt rõ tương-quan giữa sự gia-tăng dân-số và tiến-bộ cả về hai phương-diện kinh-tế, xã-hội. Đối với dân chúng, phúc nghĩa là nhiều con, đứng đầu trong các điều mong ước. Người ta thường nói: « một cửa, một con ai từ ». Xét cho kỹ, trong điều - kiện sinh sống cách đây năm sáu chục năm, sự tồn tại và trưởng-thành của một người cần nhiều may mắn. Nạn yếu-tử là điều lo sợ của tất cả gia-đình. Bệnh-hoạn, thiên - tai, dịch-tễ mỗi năm giết hại nhiều người, khiến cho yếu-tổ sinh-đẻ nhiều trở thành vô hiệu. Cũng vì dân số tăng lên chậm, người ta không lo lớp người mới lớn lên không có phương kế sinh-nhai. « Giời sinh voi, giời sinh cỏ », chết đói thế nào được! Ý - thức nhân-mãn với hậu quả đương-nhiên của nó, sự nghèo nàn, hầu như không có vì đa số sống trong cảnh thiếu-thốn, chỉ thỏa - mãn

được những nhu-cầu thiết-yếu nhất và đơn-giản.

Trong khoảng hai Đại-Chiến thế-giới, một số kinh-tế-gia và học-giả bắt đầu lưu-tâm đến mật-độ dân-số quá cao tại mấy tỉnh trung-châu Bắc - Việt và bắc Trung - Việt. Tuy vậy không ai ý-niệm rõ rệt tầm quan-trọng của sự-kiện để đi đến kết - luận rằng nó có thể cản trở sự tiến-bộ của toàn dân. Những tỉnh Nam - Định, Thái - Bình phải nuôi sống hơn một ngàn người trên một cây số vuông thì trái lại còn nhiều miền dân - cư thưa thớt. Vấn-đề chính hồi ấy là phân - phối lại dân - số trên lãnh-thổ. Vả chính - quyền thực - dân đâu có nhận định quyền của mọi người được hưởng một đời sống xung-mãn. Thực-phẩm nước ta có thừa, hàng năm dư gần triệu tấn gạo để xuất cảng, dân chúng không bị đói, như vậy tin sao có nạn nhân-

mãn được? Dân-chúng không có thể đòi hỏi cải-thiện điều-kiện sinh-hoạt của mình, nên nhiều người tin rằng họ yên vui với cảnh nghèo khổ. Trong số những người này phải kể Ô. P. Gourou, một người biết rõ miền Trung-Châu Bắc-Việt hơn hết.

Vả lại thời ấy, chính-sách khuyến-khích tăng gia sinh sản của Pháp, không thể không có phản-ảnh ở Đông-Dương. Từ đầu thế kỷ thứ 20 và nhất là sau Đại-Chiến 1914-1918, dân số Pháp không tăng mà còn tổ triệu chứng sút giảm. Nhiều biện pháp nâng đỡ gia-đình đã được ban hành để chống lại lòng không muốn có nhiều con. Chính quyền Đông-Dương đã phỏng theo chính sách ấy một phần nào và quên mất rằng tình-trạng dân-số nơi đây, nhứt là ở Việt - Nam, khác hẳn.

Ngày nay, chúng ta đã dành lại được chủ-quyền, toàn dân nỗ-lực thực-hiện kế-hoạch phát-triển kinh-tế xã-hội để nâng cao mức sống, để đưa nước nhà ra khỏi tình-trạng kém mở mang, dân số là một yếu-tố căn-bản trong việc hoạch-định. Nền kinh-tế có tiến-bộ mau hơn nhịp gia tăng dân-số mới đem lại kết-quả thực-sự. Ta hãy lấy một thí-dự cụ thể : từ ngày độc-lập, Ấn-Độ đã hoàn - thành hai kế - hoạch ngũ-niên 1951 - 1956, và 1956 - 1961. Nhờ hai kế - hoạch này, Ấn - Độ đã ghi được nhiều thực - hiện đáng kể về mọi phương-diện. Tuy nhiên vì không kiểm- soát được nhịp dân số gia tăng, ảnh hưởng đối với đời sống dân chúng không thấm tháp vào đâu. Có chuyên-gia còn cho rằng hai kế-hoạch này đã không mang lại kết-quả thực sự gì vì sự tiến-bộ của nền kinh - tế Ấn không bù lại sự tăng-gia dân-số. Cho nên biện-pháp hạn-chế sinh đẻ, được thí-

nghiệm trong thời gian kế-hoạch thứ hai, sẽ được tích-cực phổ-biến với kế-hoạch thứ ba.

Dân-số nước ta đã tiến-bộ như thế nào? Dưới thời Pháp thuộc, người ta chỉ biết một cách khá xác-thực số đàn ông từ 18 tuổi trở lên vì nhà chức trách lập sổ đinh để đánh thuế thân. Chưa bao giờ có cuộc kiểm tra dân-số theo phương - pháp thống - kê ; những con số về dân-số chỉ là ước lượng. Trong những năm chiến-tranh, những bảng kê-khai dân-số các tỉnh thường ghi một phần đề « dân-số tại các vùng chưa kiểm-soát » Dù cho việc kiểm-tra có thể tiến-hành, một cuộc kiểm - tra không bao giờ nắm hẳn được sự thực. Giữa những cuộc kiểm-tra định kỳ — vì mỗi cuộc kiểm-tra tốn nhiều tiền và thì giờ — mỗi năm người ta phải cập thời hóa các con số bằng tài-liệu sinh-tử để theo sát tình-trạng dân-số. Sau khi lãnh-thổ bị phân chia, trên phần đất Việt-Nam Cộng-Hoà, với những tài liệu không tránh khỏi khuyết điểm, người ta đã ước-lượng mỗi năm dân số tăng thêm từ 1,2 đến 1,5 phần trăm. Tỷ số 1,5 phần trăm đã tìm thấy ở Đô-thành Saigon trong những năm 1955-1956. Dự án kế-hoạch năm năm căn cứ vào tỷ số 1,2 phần trăm cho toàn quốc vì lẽ các tỉnh, với điều kiện ăn ở và vệ sinh, y-tế không bằng Saigon, chắc chắn nhịp gia-tăng dân-số phải chậm hơn.

Sau đó, với những tài liệu ngày thêm đầy đủ khả dĩ so sánh với những con số vào khoảng năm 1940, và sau khi đã tách riêng số người di-cư vào Nam sau hiệp-định Genève, ta có thể kết-luận tỷ-số gia-tăng hàng năm đã cao hơn 1,5 phần trăm. Viện Thống-Kê gần đây công-bố kết quả cuộc ước lượng dân-số Việt-Nam Cộng-Hòa.

NHỮNG VẤN-ĐỀ LIÊN QUAN...

Mặc dầu giá-trị một cuộc ước-lượng không chắc chắn như giá-trị một cuộc kiểm-tra, ai cũng có thể nhận thấy những sự sai-biệt đáng kể giữa những con số mới nhứt và những điều ta thường quen chấp nhận trước đây. Trong khi dự án kế-hoạch phông-định dân số sẽ tăng từ 12.300.000 năm 1957 lên tới 13.038.000 người

vào năm 1961, thì đến năm 1959, nước ta đã có 13.789.000 người. Những con số này không có nghĩa là sự ước lượng trong dự-án kế-hoạch đã không thận-trọng. Tại Ấn-Độ chẳng hạn, sự ước lượng của cơ quan soạn thảo kế-hoạch đã không phù hợp hẳn với thực tế như bảng so sánh dưới đây chứng tỏ:

	<u>1951</u>	<u>1956</u>	<u>1961</u>	<u>1966</u>	<u>1971</u>	<u>1976</u>
Dự trù của Hội			(triệu)			
Đồng Kế-hoạch	362	384	408	434	465	500
Ước-lượng của Sở Thống-Kê						
Trung Ương	362	391	431	480	528	568

Cuộc ước-lượng của Viện Thống-Kê cũng cho biết dân số Saigon chỉ có 1.383.200 người, kém xa con số hai triệu vẫn được đưa ra tới nay.

Năm 1959, tuy không thu-thập được tài-liệu đầy đủ về số sinh và số tử trong một ngàn người, các chuyên-gia đều tin chắc dân-số mỗi năm tăng thêm lối 2 phần trăm. Tỷ-số gia tăng này không quá cao so với Đài-Loan (3,2 phần trăm) Phi-Luật-Tân (2,8 phần trăm) Tân-Gia-Ba (trên 4 phần trăm) An-Độ (1,9 phần trăm). Tại một vài nơi, sự gia tăng, ngoài số sanh nhiều hơn số tử, còn do sự di-dân ở các nơi khác tới.

Sinh xuất cao nhứt ở Việt-Nam đã được ghi Saigon: trên 40 phần ngàn, sắp xỉ với Ấn-Độ năm 1960 (40,7 phần ngàn). Ta cũng không nên quên rằng Saigon có nhiều tiện nghi y-tế nên một số sản-phụ ở nơi khác

cũng về thủ-đô sinh đẻ, vì vậy Saigon có sinh-xuất khá cao,

Dù sao, số người tăng lên hàng năm đặt cho nền kinh-tế nước nhà những vấn-đề rất cụ-thể.

Trung-bình hiện thời mỗi người mỗi năm ăn hết khoảng 140 ki-lô gạo hay 220 ki-lô thóc. Ông K. Ramiah, một chuyên-viên Ấn-Độ nổi danh, khi qua Việt-Nam với Phái-đoàn nghiên-cứu kinh-tế Liên-Hiệp-Quốc hồi cuối năm 1955, đã đưa ra những con số tiêu-thụ cao hơn nhiều. Như vậy, mỗi năm trong nước tiêu-thụ thêm khoảng 40.000 tấn gạo, hay nói một cách khác, nếu sự thu-hoạch không thay đổi, khả-năng xuất-cảng gạo của ta mỗi năm giảm mất số-lượng ấy. Theo thống-kê của Bộ Canh-Nông, số lúa thu-hoạch trong năm 1959-1960 ước 5.300.000 tấn. Đây là số sản-xuất tại ruộng. Kỹ-thuật và thời biểu gặt

sự chuyên chở, chuột tọt ăn trong kho chiếm một phần hiện chưa ước-lượng rõ rệt được. Số lúa thực thu sẽ chia ra các mục sau đây: nuôi sống đồng bào, để lúa giống, chăn nuôi gia súc và xuất cảng. Với số sản xuất trên, khả-năng xuất cảng của ta từ 350.000 tấn đến 400.000 tấn gạo. So với hồi tiền chiến, khả-năng xuất cảng chưa được 50 phần trăm, chính vì số lượng tiêu thụ trong nước đã tăng lên cùng một nhịp với dân số. Nếu việc sản xuất lúa không tăng tiến một cách khả quan, số thặng dư của ta sẽ nhỏ dần với thời gian, tức là ta mất đi một nguồn ngoại-tệ để nhập-cảng những thứ cần-thiết.

Kế - hoạch thứ ba của Ấn-Độ (1961-1966) dự liệu cho mỗi người mỗi năm 15 thước 75 vải. Tạm lấy con số này làm căn bản, vì mức sống của người dân Ấn tương đối chưa bằng ta, mỗi năm ta cần dệt hay nhập cảng thêm 4 triệu 300 thước.

Nói chung tất cả những số lượng tiêu-thụ đều tăng lên vì lẽ số người thêm lên. Cố gắng sản-xuất của những lớp người đến tuổi làm việc sẽ phải tích-cực hơn là khi họ chỉ nhằm mục-đích nâng cao mức-sống cá-nhân của họ. Không khác gì con ốc ngoài việc kéo vỏ của nó lại còn phải chuyển vận một khối nặng buộc lên trên. Nếu bản-thân của họ không được hưởng sự tăng - tiến gì, họ sẽ không thoát khỏi tình-trạng kém mớ mang.

Viễn-tượng của công-cuộc giáo-dục có phần gay go hơn vấn-đề thực-phẩm. Mặc dầu nền tiểu học đã bành-trướng khả-quan trong mấy năm qaa, ta không nên quên rằng ngày nay có lẽ chỉ một nửa trẻ em từ 5 tuổi đến 11 tuổi được thu nhận vào các trường công tư. Chương-trình cắt thêm

lớp học, huấn-luyện thêm thầy giáo không những căn-cứ vào số trò chưa được may mắn đến nhà trường này mà còn phải lưu ý đến con số khá cao trẻ em hàng năm đến tuổi đi học. Thời gian trừ tính để thanh-toán tình-trạng trẻ em thất học, lẽ dĩ-nhiên dài thêm, năm nào cũng sẽ phải cắt thêm lớp học, tuyển-dụng thêm giáo-viên.

Sự bành-trướng nền tiểu-học sẽ đưa đến sự bành-trướng nền trung-học và cứ thế mà lên đến bậc đại-học hay các trường chuyên-nghiep.

Vấn-đề lao-động cũng chịu ảnh-hưởng trì-trệ của sự gia-tăng dân-số. Trước đây, với tỷ-số khiêm tốn 1, 2 phần trăm mỗi năm, người ta ước-lượng dân-số hoạt-động, nghĩa là số người đến tuổi làm việc và cần có một công việc, hàng năm tăng lên ít nhứt 60.000 người. Trong khi ấy, tình-trạng khiếm dụng nhân-công cần được giải-quyết cấp-bách bằng cách tạo thêm công ăn việc làm. Trung-bình, đại đa-số đồng-bào lao-động, nhứt là ở thôn-quê, mỗi năm làm việc chưa tới 150 ngày. Nếu những người này không có thêm nhiều công việc để sản-xuất thêm, họ không thể đồng-thời cải-thiện đời sống của họ và chu cấp những người quá tuổi hay chưa đến tuổi làm việc.

Đời sống con người càng thêm dài nhờ phát-minh của khoa - học và tiến - bộ trong ngành y-tế, giới hạn tuổi để nghỉ ngơi dưỡng-lão phải lùi theo. Tại các nước tân-tiến, người ta tìm cách tổ-chức công việc cho người già để những người này khỏi trở thành một gánh quá nặng cho xã-hội. Mặt khác, để giảm bớt sự cạnh-tranh trên thị-trường lao-động và tận-dụng những người cường-tráng, người ta lùi hạn tuổi giáo-dục cưỡng-bách. Thí

NHỮNG VẤN-ĐỀ LIÊN QUAN...

đ luật định rằng trẻ con đến 14 tuổi bắt buộc phải đi học, nghĩa là không được đi làm. Về điểm này ta nhận thấy ở Việt-Nam luật lao - động bắt buộc một số xí - nghiệp không được dùng trẻ em, nhưng trong thực-tế ở thôn-quê hay ở thành - thị, thiếu - nhi được giao-phó rất nhiều công việc phức tạp. Đây là một hiện-trạng xã-hội tại các nước hậu-tiến; những biện-pháp cứng rắn để thủ-tiêu tình-trạng ấy có thể gây nhiều sáo trộn, hoặc đặt ra những vấn-đề khó giải - quyết khác.

Áp-lực trên thị-trường lao - động có thể đưa lên cái vòng luẩn - quẩn. Muốn thoát khỏi tình-trạng chậm tiến, phải đầu-tư nhiều để tạo thêm công việc, để mọi người lao-động sản xuất thêm lên. Một phần sản-xuất tăng - gia sẽ dùng để đầu - tư ngò hầu giữ vững nhịp thăng tiến. Nhưng khả-năng đầu-tư có đủ để xử-dụng tất cả những người có đủ sức - lực để làm việc không? Nếu tình-trạng khiếm - dụng nhân - công, tuy có được cải-thiện nhưng vẫn tồn - tại một cách đáng kể, một trong những vấn-đề then chốt liên-quan đến tình - trạng hậu - tiến không giải-quyết được.

Thực ra nói rằng cải-thiện tình-trạng lao-động sẽ tăng-cường khả-năng đầu-tư là kết-luận hơi vội vã. Nhiều kinh - tế - gia cho rằng công cuộc phát - triển kinh - tế trước hết sẽ làm tăng sự tiêu - thụ; nhu - cầu cần thỏa - mãn cấp bách thường lớn hơn phần sản xuất gia-tăng mà dân-chúng tạo ra. Và lại, về phương-diện hiệu xuất, trong khi nền giáo dục, nhất là giáo-dục kỹ thuật, chưa được phổ-cập, người ta không thể đặt quá nhiều hy-vọng trong một tương-lai gần được.

Căn cứ vào những yếu-tố trên đây, ta có thể quan-niệm những giải-pháp nào?

Trước hết, có thể hạn chế sự sanh đẻ để hãm bớt nhịp dân số gia tăng được không? Dân số các nước chậm tiến mỗi năm tăng lên ít nhất 2 phần trăm, vì lẽ số tử giảm đi mau hơn số sanh. Một vài nước đã nghĩ đến, hoặc đã thực-sự áp-dụng, phương-pháp được mệnh-danh bằng uyển-từ kế-hoạch gia-đình. Thực ra, với những quần chúng chưa được giác-ngộ nhiều, biện-pháp này không mang-lại nhiều kết-quả. Phương-pháp trị-liệu sẽ đụng chạm lương-tâm; phương-pháp căn cứ trên chu-

- ✱ Kẻ sợ trách-nhiệm, thiếu ý chí, lùi bước trước trở lực, tìm dõn trước hết sự an toàn, không thể trở thành người cầm đầu giỏi (Courtois).
- ✱ Kẻ không có khả-năng quyết-định, lúc nào cũng phân vân, lưỡng lự, hay dời việc lại ngày sau và luôn luôn thay đổi ý-kiến, không thể trở thành người cầm đầu giỏi (Courtois).
- ✱ Xung quanh một người cầm đầu đủ tư cách, bao giờ bạn cũng thấy có một tập thể gồm những người chuyên môn trung-thành mà đầy đủ năng lực. Đối với những cộng sự viên chuyên môn này, người cầm đầu để cho họ được hoàn-toàn tự-do vì biết họ là những người, trong bất luận hoàn cảnh nào, cũng đem hết sức mình ra mà phục vụ (Maurois).

kỳ của người đàn bà rất phức tạp, đòi hỏi nhiều kiến-thức. Cách đây mấy năm, chính Đức Giáo Hoàng PIO XII cũng không lên án phương-pháp, thứ hai.

Ấn-Độ chủ trương kế-hoạch gia-đình ; kết quả trong những năm qua rất mong manh, nhưng nhà chức trách Ấn-Độ dự định phổ-biến rộng rãi hơn trong thời gian kế-hoạch thứ ba (1961-1966). Trung-Cộng đã một hồi theo con đường này, sau lại thay đổi thái-độ. Với chính-sách hạn-chế tiêu thụ đến tột độ và cưỡng-chế lao-động để bóc lột nhân công, những tay trùm cộng-sản như Lưu-thiếu-Kỳ lại còn hoan hỉ khi thấy dân số Trung-Hoa lục địa tăng lên rất mau.

Chắc chắn rằng sự hạn-chế sinh đẻ đối với đại-đa số đồng bào ta không được hoan-nghênh, vì những lý-do luân lý, tín-ngưỡng, xã-hội, tập quán cổ truyền. Sinh xuất có hy-vọng giảm đi trong những gia-đình hưởng mức sống cao hoặc nhờ công cuộc bền-bỉ giáo-dục quần chúng để mọi người ý-thức vấn-đề và tự-ý kiên cữ.

Biện-pháp thứ hai có thể gọi vắn-tắt là hy-sinh hiện-tại để xây dựng tương-lai. Cộng-sản đã biến biện pháp này thành chính-sách, hệ-thống. Sự tiêu thụ bị rút xuống mức thấp nhất ; mọi người bắt buộc phải làm việc ; bao nhiêu phương-tiện và năng-lực được dồn vào việc xây-dựng cơ sở kinh-tế. Con người bị mất hết phẩm-giá, tự-do, chỉ được hứa hẹn một hạnh phúc không biết bao giờ thực hiện. Ai cũng phải công nhận rằng những thực hiện của các nước Cộng-sản, bất luận Nga-sô hay Trung-Cộng, đã phải trả một giá kinh-khủng.

Biện pháp này trái hẳn với lý-tưởng dân chủ của chúng ta, nên không thể nào chấp nhận được.

Tuy nhiên, tình-trạng kém mở mang cũng như sự kiện dân số tăng mau không phải là những vấn-đề không giải quyết được. Mặt khác giải pháp Cộng-sản không phải là giải pháp tuyệt vọng, duy nhất để tiến tới. Chúng ta có thể dung-hòa những đòi hỏi của công cuộc phát-triển với những lý-tưởng cổ-hữu và quyền-lợi căn-bản của con người,

Xứ sở chúng ta có nhiều tài-nguyên phong phú, đã được khai thác hay còn tiềm tàng. Cố gắng làm việc hơn nữa, ta chắc chắn phát triển nền kinh-tế Việt-Nam với một nhịp mau hơn nhịp dân-số gia tăng hiện nay. Tăng lợi tức quốc-gia 5 phần trăm là việc có thể làm được ; điều cốt-yếu là đặt rõ mục-tiêu ấy và nỗ-lực thực-hiện.

Việc đầu tư cần được tích-cực thúc đẩy để khai phá những đất đai còn hoang vu, khai-thác khoáng-sản, mở-mang công kỹ-nghệ.

Ai cũng thấy trong nước có nhiều tư-bản nổi quan-trọng, thường được dùng vào việc cho vay hay buôn bán có tính cách đầu cơ, chứ không sẵn sàng đầu tư vào các xí nghiệp có ảnh hưởng sâu rộng.

Việc dùng thì giờ nhàn rỗi của dân chúng để tạo thêm vốn sản xuất, một khía cạnh của phong - trào phát triển cộng-đồng, là một biện-pháp hữu-hiệu, được áp-dụng tại nhiều nước kém mở mang.

Trước áp-lực nhân số, mọi giai cấp cần cần phải hạn-chế đòi hỏi để chia sẻ cơ-hội tốt một cách đồng đều và để khỏi cản trở

sự tiến-bộ. Trong tình trạng hiện thời, mọi công-cuộc phải chú-trọng đến khía-cạnh nhân công, cốt sao thâm dụng được càng nhiều người càng hay. Sự cơ-giới quá mạnh, tuy sẽ tăng hiệu-xuất, sẽ không giải quyết được tình trạng khiếm dụng nhân-công. Vì tận-dụng một thiểu-số chưa chắc đã có lợi như giảm bớt sự khiếm-dụng một cách tổng-quát. Đòi hỏi nâng cao lợi tức và sức tiêu-thụ cho một giai cấp không những sẽ gây thêm chênh-lệch với những người chưa được tận-dụng mà lại còn giảm bớt khả-năng đầu tư để tạo cơ-hội làm việc cho những người trưởng thành.

Trở lại vấn-đề gia-tăng dân-số, quần-chúng cần được giáo-dục để hiểu rõ ảnh-hưởng của sự sinh đẻ quá nhiều. Những gia-đình ít lợi tức không thể nào nuôi nấng và giáo-dục đến nơi đến chốn 6, 7 đứa con; bặt nhiều con mọn, những cha mẹ này không thể còn thì giờ và trí óc rảnh rang để lo thăng tiến. Công cuộc này đòi hỏi nhiều năm; nhưng chắc chắn nó sẽ mang lại những kết quả mà ta từ chối dùng những biện-pháp khác để đạt được.

NGUYỄN-PHÚC-SA

- ★ Trước hết nên kiếm những người thật khí khái, dù sau này có phải chịu đựng những điều quá đáng do tính khí khái gây ra. Khí khái chỉ nên ngăn chặn khi nào nó biến thành ngoan cố (Courau).
- ★ Những người cộng sự biết quên mình và tận tâm chính là những người có một tâm hồn tế nhị; mà phàm tâm hồn tế nhị thường hay dễ hờn, dễ tủi, dễ đau đớn vì những lời nói vô ý, vô tình. Nhiều người cho tính dễ hờn, dễ tủi là một thứ cảm tính lố bịch và không chịu lưu ý tới. Song nếu bạn có một tâm hồn tế nhị, bạn mới thấy cảm tính ấy có chỗ đáng nên lượng thứ (Couroits).

Cảm-giác đầu tiên

Bà De Sévigné trong một bức thư gửi cho ông De Pomponne, có thuật lại truyện sau đây :

Vua Louis XIV làm một bài thơ tình, bị thống chế De Gramont bẻ bắt, chê bai đến điều, vì thống chế không ngờ đó là bài thơ ngụ chế. Kịp tới khi biết rõ ai là tác-giả, ông toát mồ hôi, áp-úng nói chưa ra lời thì Louis XIV ôn tồn phủ dụ : « *Les premiers sentiments sont toujours les plus naturels !* », Cảm-giác đầu tiên bao giờ cũng là cảm-giác tự nhiên, chân thành nhất !

Dòng tư-tưởng...

Nhắm mắt trước sự thật

Diêm-thiết-luận có câu : « Con ve sầu không biết tuyết cho nên không tin có tuyết ». Tập danh ngôn Tây-phương cũng có câu : « Không phải vì tôi nhắm mắt mà mặt trời bị hủy diệt ».

Đại ý đều cho rằng trước một sự thật, người ta dù muốn chối bỏ, sự thật vẫn là sự thật và sự thật không vì người ta chối bỏ mà không có nữa !

Tuy nhiên, bao lâu chúng ta còn là chúng ta, chúng ta hay có khuynh hướng nhắm mắt, nhắm mắt rất chặt và đồng thời vẫn ngoan cố tưởng mình mở mắt trừng trừng. Rồi chúng ta phàn nàn không thấy sự thật mà tuyệt nhiên không ngờ chính mình đã tự cản mình mở mắt để thấy sự thật.

PHẠM-HOÀNG

TỪ ĐIỆN VOI RÉ ĐẾN HỒ QUYỀN

◎ BỬU-KẾ

Những kỷ-niệm

Cách đây ngoài ba mươi năm, hồi tôi còn bé, cứ vào khoảng nửa tháng thì vài ba con voi lại đi ngang qua trước vườn nhà tôi một dạo. Trên đầu voi, hai ông nài ngồi vắt-vèo, lưng voi chống-chất những thân cây chuối khiến voi đã to lớn sẵn, càng trở nên to lớn hơn.

Ngang qua vườn nhà tôi, thể nào voi cũng dừng lại để xin thêm năm ba cây chuối. Việc ấy đã hầu thành một cái lệ. Voi đi rồi, tôi liền chạy theo, nhưng cũng chỉ dám đứng xa xa mà nhìn. Đền một cái máy nước công-cộng, voi dừng lại uống nước. Nó đưa vòi vào trong thùng để hút nước, có khi cao hứng muốn đùa bỡn, dùng vòi phun nước tung tới khắp nơi, bấy con nít vừa la hét vừa chạy tán loạn. Có những người đàn bà vội-vã trở về

nhà, bồng con đèn. Toàn là những đứa bé oặt-ẹo, nước da vàng, bụng ỏng, mắc chứng bệnh thường gọi là bệnh Quan-Sát. Các bà đó biểu mấy ông nài một số tiền, yêu cầu bảo voi đứng yên để các bà bồng con chạy qua chạy lại dưới bụng chừng vài ba dạo. Thế rồi nài bắt voi há lớn mồm ra để chuối con vào. Tôi đứng xem chỉ sợ voi ngậm mồm lại thì không còn gì là tánh mạng đứa bé nữa. Nhưng việc ấy chưa bao giờ xảy ra.

Có những kẻ muốn thử tài voi bằng cách vùi mấy đồng xu xuống đất. Voi dùng vòi đánh hơi, bươi đất, kệp lầy đồng xu, đưa ngược lên cho nài. Theo tôi thấy thì voi hiền lành lắm. Nhưng lâu lâu tôi lại phải một phen khủng-khiếp., khi nghe những người xóm trên, xóm dưới truyền miệng nhau kêu la râm-rĩ : « Voi sỏ mạch », « Voi

sổ mạch ». (1) Nhà nhà đều đóng cửa, con nít, người lớn đều phải tìm nơi ẩn núp, vì voi sổ mạch gần như điên cuồng, có thể phá nhà, chà đạp người trong lúc chạy rong như mất trí.

Tôi hỏi một vài cụ già trong xóm : Thê này mấy ông nài không làm gì được sao cụ ? Đã sổ mạch thì nó còn coi ai ra gì nữa ? Nhiều khi nài vô đền phun máu đầu nó cũng chẳng xem vào đâu ! Nhưng có một điều lạ lắm, cứ kêu cầu ở điện Voi Ré là yên cả !

Lúc bây giờ tôi cũng chẳng hiểu rõ vì sao lại gọi là điện Voi Ré và điện ấy ở chỗ nào ? Và lời nói của các cụ có đúng với sự thật không ?

*
* *

Điện Voi Ré

Điện Voi Ré thuộc làng Nguyệt-Biêu, tỉnh Thừa-Thiên. Chỉ mất 4\$00 xe đò để đi từ bến xe lên chợ Long-Thọ rồi từ đó, đi bộ chừng 500 thước thì tới. Gần điện này là Hồ-Quyển, nơi ngày xưa đã diễn ra những trận voi cạp đánh nhau.

Điện Voi Ré nằm trên một thửa đất cao, từ mặt đường đi lên phải qua nhiều tầng cấp. Bên kia đường, phía dưới thấp có hồ sen, xa xa là rừng núi.

Voi Ré là danh từ theo thói quen. Chính tên Điện là Long - Châu. Ngày nay, nói đền chữ Voi Ré người ta chóng biết hơn cái tên văn-hoa Long-Châu ấy. Ré có nghĩa : Rồng lên. Một

con voi dưới triều Minh - Mạng, đi đánh trận bị thương, chạy về phủ-phục trước đền, rồng lên mây tiếng rồi ngã lăn ra chết. Từ đó voi được mệnh-danh là Ré và dân chúng gọi luôn đền này đến Voi Ré.

Đền gồm có một ngôi nhà chính ở giữa, lối thờ phụng gần như ở các đình làng, cũng hương-án, bài-vị, cờ quạt lỗ-bộ. Trên các cột đều có treo liên gỗ sơn son thếp vàng. Vì trải qua thời gian khá lâu không tu bổ nên đồ vật trưng-bày trông có vẻ tiêu - tụy, mái ngói đã lũng nhiều nơi khiến nền nhà bị loang lỗ vì mưa chan nắng dọi.

Đền Long - Châu do các ông nài trong đôi kinh-tượng (tức là mấy ông Quán - tượng) chung tiền lập ra dưới triều Gia - Long (1802 — 1820) để thờ 15 vị thần, theo họ, có thể dùng oai linh để bảo - vệ cho voi trong khi lâm trận cũng như trong đời sống hằng ngày :

- 1^o Thiên-sư Quán - vận Cao - minh quang chánh chí thánh đức chi tôn thần.
- 2^o Cao các linh-ứng quảng độ đại vương phúc đức chi tôn thần.
- 3^o Bốn xứ Thành-Hoàng Đại vương hiền nhân chi tôn thần.
- 4^o Cửu thiên Huyền nữ diệu ứng hiền hựu mặc tướng thiên quân.
- 5^o Thiên Y chúa ngọc từ thực tinh-túy phu-nhân chi thần.
- 6^o Quán Chú Ngạn Thượng Chúa Động Phước Đức Chi Thần.

(1) Voi được càn đến voi cái hay Voi cái càn đến voi đực.

TỪ ĐIỆN VOI RÉ ĐỀN HỒ QUYỄN

7^o Chúa Tiên Trinh Liệt Oai Minh
Chí Nhân Hậu Trạch Tuyên Hòa
Phổ Hóa Chi Thần.

8.— Hồng Nương Quảng Tề Diệu
Hoá Ân Quang Chi Thần

9.— Thúy Long Ngọc Nữ Quảng
Trạch Huệ Tề Phổ Hóa Linh
Ứng Chi Thần

10.— Nán Thiên Ngộ Dậu Phần Chí
Quả Vương Chi Thần

11.— Ngũ Hành Lực Bộ Liệt Vị
Chi Thần

12.— Tiễn Hiễn Khia Khản Hậu
Hiễn Khai Khản Liệt Vị Chi
Thần

13.— Bác Ba cậu Tài cậu Quý Liệt
Vị Chi Thần

14.— Ngũ Phương Ngũ Vị Thỏ
Công Chi Thần

15.— Ngũ Phương Trị Lộ Hà Bá
Thủy Quan Liệt Vị Chi Thần

Trước mặt điện có một cái sân, bên
tả và bên hữu xây hai ngôi miếu dài
thờ bài vị để tên các voi đã có công
và được phong tước :

1.— Hùng Tượng Ré Thần Vị

2.— Tứ Phong Vị Đô Đốc Hùng
Tượng Bích Thần Vị

3.— Tứ Phong Vị Đô Đốc Hùng
Tượng Nhĩ Thần Vị

4.— Tứ Phong Vị Đô Đốc Hùng
Tượng Bôn Thần Vị

Ngoài các thần vị còn có mỗi bên
tượng voi trên lưng có nai cỡi.

Thừa đất bên mặt có mộ chôn voi
Ré và Voi Ô Long. Trong cuộc chiến
tranh Việt-Pháp vừa qua, quân Pháp
đóng ở một cái đồn gần đây. Binh
sĩ Pháp làm mộ voi là nơi chôn đầu
đạn được nên đã cày lên. Ông thủ-
tù chạy đền khiêu nài với viên sĩ
quan Trưởng đồn và đã kịp cứu thoát
ngôi mộ kia khỏi sự tàn phá. Nền giờ
đây chúng ta chỉ còn trông thấy một
tấm bia khắc mấy chữ Ô Long Tượng
Mộ, còn ngôi mộ bên cạnh đã bị san
bằng với gạch mặt cả chỉ còn một
khoảng đất trống.

Sau khi đến nầy lập ra, chính-phủ đã
ban cấp tiền bạc để mỗi năm mùa
xuân và mùa thu, hai lần tế lễ. Năm
Minh-Mạng thứ năm (1825), tháng bảy,
Vua xét các vị thần đều có công trong
việc bảo hộ voi, nên đã Sắc phong
cho đền Long Châu và ban cấp tiền
bạc. Đến năm Thiệu-Trị thứ 2 (1842),
vị Vua nầy phong thêm cho các vị
thần tước vị : Trợ Oai Tượng Võ
Linh Ứng Hộ Tượng Chi Thần.

Năm Tự-Đức thứ 32 (1879) Chính-
phủ đã bỏ tiền ra để tu bổ ngôi đền
nầy. Nhưng qua đền triều Thành-Thái,
sở tiền chi phí về việc cúng tế giảm-
lấn xuống cho đến thời kỳ Việt-Minh
thì dứt hẳn.

Tuy không có tiền của Chánh phủ,
nhưng mấy ông trong đội Kinh-
tượng ngày trước, có ông còn tỏ lòng
thành bằng cách tới lui thăm viếng,
góp tiền để lo việc cúng tế. Lại thêm
cái hồ sen phía trước, thuộc quyền
sở hữu của đền, tuy không đem được
một mồi lợi lớn lao nhưng cũng đủ

tiền hương đèn trong những ngày rằm, mừng một.

Cách đến Long-Châu chừng vài chục thước là Hồ Quyền, nơi mà ngày xưa đã diễn ra những trận đánh nhau những voi và cọp.

Hồ là cọp, quyền là cái cũi nhốt súc vật. Theo từ nguyên thì hai chữ đi liền với nhau (hồ-quyền) lại có nghĩa là chỗ nuôi cọp. (Hồ quyền: Dưỡng hồ chi sở giả).

Hồ quyền làm theo lối lộ thiên, trông giống như một cái giếng xây bằng vôi gạch, đường kính 50 thước chu vi 158 thước, cao hơn sáu thước và gồm có hai tầng. Tầng trên là khán đài bề rộng hai thước, riêng chỗ vua ngồi có một cái bệ cao, phía trước và hai bên có tay vịn. Lúc vua ngồi xem, bốn bề bỏ sáo, lại có chỗ dành cho nhân vật cao cấp trong triều. Tầng dưới, mặt trước có cửa chính, phía sau có năm cửa ăn thông với các chuồng voi và chuồng cọp.

Trận đánh giữa voi và cọp diễn ra lần cuối cùng vào năm 1904 (Thành Thái thứ 16), rồi từ đó về sau Hồ Quyền bị bỏ phế cho thời-gian, cỏ cây hoang dại mọc lên khắp nơi. Có nhiều chỗ, phía trong lòng chảo, dân chúng đã bắt đầu trồng cây để kiếm hoa lợi.

*
* *

Đối với nước ta, Voi là một con vật rất được trọng dụng. Trong thời-bình, gặp những ngày tiết lễ lớn, Voi đóng dàn hầu hoặc theo châu đạo ngự nhưng quan hệ nhất là ở vào thời

chiến, lúc võ khí còn thô sơ, Voi đã tham-gia chiến cuộc một cách rất đặc lực.

Người ta thường kể lại rằng, trong những trận đánh nhau với quân Tàu, mỗi khi thất bại, ta dùng voi để cản đường quân địch. Voi có thể sử dụng các voi để phân biệt quân ta và quân Trung-hoa, khác nhau ở cái đuôi chuột. Hễ bắt gặp kẻ nào trên đầu có đuôi chuột, Voi liền dùng chân để chà đạp hoặc dùng vòi cuốn lại quật chết.

Các vị vua, hay các tướng lĩnh, trong khi lâm trận cũng thường thân tự cỡi voi để chiến đấu. Từ ngàn xưa thời bà Triệu khởi nghĩa, voi đã có mặt ở trận tiền rồi :

Đầu voi phất ngọn cờ vàng,

Sơn thôn mấy cõi, chiến trường xông pha.

(Đại Nam Quốc-sử diễn ca)

Trong Hoàng Lê nhất thống chí, có một đoạn khá hào-hung, miêu tả Quận Huy, cỡi voi chiến đấu với Quân Tam Phủ :

« Chư quân vốn đã biết tay Quận Huy, lại thấy voi ra, ai nấy đều khiếp sợ ngồi xuống, không dám lên tiếng, cũng không ai dám xông vào.

Một lát, bao nhiêu người ngồi lại cùng nhao nháo đứng dậy, kéo ập vào trước đầu voi. Con voi vươn đầu ra thúc. Quân sĩ vì tránh ngà voi, rầm rập chạy quanh chân voi. Rồi thì kẻ giơ gươm chém, kẻ giáo đâm, nhiều người lại bầy gạch ở Phủ đường ném vào chân chan-chát. Con voi co vòi

TỪ ĐIỆN VOI RÊ ĐỀN HỒ QUYÊN

mà găm không dám húc nữa. Quận Huy dương cung định bắn chẳng may cung bị đứt dây, lại toan lấy súng nạp đạn, nhưng mà mỗi lần đã tắt. Chư quân thừa dịp dùng câu liêm lói người quân tượng xuống đất mà chém. Con voi bước lùi trở lại. Quân sĩ xúm đến vây kín chân voi. Quận Huy vội vớ lấy chiếc mũi lao, lao xuống, trúng luôn vài người. Quân lính kéo đến càng đông, lại có một đoàn ở cửa Tuyên Vũ xông vào đứng chắn ở đằng sau voi, khiến cho con vật cứ phải đứng im không thể nhúc-nhích được. Lúc ấy quân lính cho dùng câu liêm móc cổ Quận Huy kéo xuống. »

*
* *

Về các triều đại trước, tôi không rõ, nhưng từ triều Nguyễn trở về sau, Voi có cả một qui-chế hẳn hoi.

Nhận-thức vai trò quan hệ của voi trong chiến trận Triều đình đã phải bỏ ra một ngân khoản rất lớn để tổ chức sở Kinh-tượng tại Thuận-Hóa và các Sở nuôi voi hầu khắp các tỉnh.

Voi một phần do các lân bang như Ai Lao, Cao-Miên hoặc tù trưởng các miền thượng công hiến, nhưng một phần phải bỏ tiền ra mua, có khi các ông nài trong đội Kinh-tượng vào rừng để dụ voi hoang về. Tài dụ voi chúng ta không sở trường bằng những người mọi nên thường hay nhờ đến họ giúp sức.

Người nài nằm dưới bụng voi, dùng dây mây ràng buộc lại như nằm trong chiếc võng. Trên lưng voi hai người mọi ngồi. Con voi nhà tiến vào rừng

sâu đến lúc nào gặp được đàn voi hoang thì dừng lại. Người nài, khi đã chọn được một con voi vừa ý liền dùng hai sợi dây mây to lớn, đầu có thông lọng, trồng vào một chân trước và chân sau của voi. Lúc ấy, hai người mọi, kéo người nài lên ngồi chung trên mình voi, rồi miệng thì hát những bài êm dịu như để dụ dỗ, bỏ mạnh vào đầu voi, tay siết chặt hai sợi dây mây để lói voi đi. Con voi nhà có nhiệm vụ vừa kèm voi rừng vừa bảo vệ cho những người ngồi trên lưng. Lúc voi rừng về đến sở Kinh tượng, người ta bắt nó nhịn đói cho bớt tánh hung hăng, đoạn lần lần đưa các thức ăn vào làm quen và dụ dỗ nó.

Mỗi khi có nơi nào đem voi đến công hiến, Vua thường thân hành ra xem, đặt tên voi và ban thưởng các sứ giả rất hậu. Những con nào xuất sắc như Voi Ô Long, Thiện Long, Thái Bình v.. v.. đều sung vào đội ngự tượng. Theo cái lối định nghĩa ngày trước, một con voi hay cần phải có những điều kiện: Cao hơn sáu thước ta, mạnh khỏe, hiền lành, lanh lợi, ngồi trên lưng, mặc dầu voi chạy mau nhưng vẫn đảm, cốt nhất là nghe tiếng súng không hoảng sợ.

Từ Bắc đến Nam, những tỉnh lớn đều có nuôi voi, ngạch số phòng lói roo con. Tại Nam Kỳ, vì nhiều sông ngòi, lấy thủy chiến làm trọng, nên tương đối ít voi hơn các nơi khác.

Tại Kinh-đô, lẽ dĩ nhiên là nhiều voi hơn đâu cả. Trong những ngày lễ lớn như Vạn-Thọ, Nguyên-Đán, Đoan - Dương, những ngày có thiết

Đại-triều (thường mỗi tháng hai kỳ, rằm và mồng một), voi đều phải đóng dàn hầu. Mỗi khi vua đi đâu, voi lại theo chầu để tăng uy-nghiêm cho đạo ngự. Như năm Minh-Mạng thứ hai, (1822), vua Minh-Mạng ra quan sát tỉnh hình Bắc-hà, voi theo hầu đến 80 con, đi đến đâu đã có quan địa-phương dự liệu mua cỏ tích trữ.

Ngoài những người nài, mỗi con voi bao giờ cũng trang sức bằng những dây vải hoặc hàng lụa nhiều màu sắc, vắn trên lưng ở cổ và phía trước voi. Voi thường mang cò, hai cái lưng, một cái bành bằng gỗ sơn son thếp vàng, vẽ rồng, trước sau và hai bên lát nệm bọc gấm. Để phân biệt, bành voi ở các tỉnh không được sơn màu vàng, không được vẽ rồng, cò thề dùng các màu đỏ xanh lục thay thề và vẽ mây vẽ sóng, con giao, kỳ-lân, long-mã, thiên - cầu v.v... Còn cò thì tỉnh nào thêu tên của tỉnh ấy, như Quảng-Nam thì thêu Nam - tượng, Gia-Định : Gia - tượng, Bình-Định : Bình-tượng.

Ngoài ra, tại Kinh và các tỉnh đều có thiết một cái ty gọi là Tượng-Y, các viên chức như Tượng-Y, Tượng y phó, Tượng y sanh, có bốn - phận săn sóc voi, mỗi khi voi lâm bệnh, dùng thuốc Nam hoặc thuốc bắc để điều trị.

Những viên chức ở Tượng-y - ty như Tượng-y phó, Y-sanh đều được phẩm hàm, lương bổng. Trong suốt cả năm, nếu voi không bị chết thì sẽ được thưởng thêm hai tháng bổng, nếu rủi ro, săn - sóc không cẩn-thận

khiến voi chết thì sẽ bị phạt xuy, phạt trượng (đánh bằng roi, đánh bằng đui) còn nếu chết mất một số nhiều thì có thể bị tù tội. (Luật lệ luôn luôn thay đổi ; trên đây chỉ là những nét đại-cương mà thôi)

*
* *

Như trên đã nói, công dụng của voi là dùng vào chinh chiến, nên việc thao diễn voi được nhà Vua rất chú trọng.

Dưới triều Gia - Long mỗi năm ba lần : Tháng Giêng, tháng Tư và tháng Bảy.

Qua triều Minh-Mạng, ban đầu còn một năm tập trận bốn đạo nhưng rồi tăng lần lên, thành hai đạo mỗi tháng. Sau vì tốn kém nhiều cho ngân - quỹ nên đã phải giảm bớt xuống như trước.

Chapman, một nhà thương-mãi Anh đến Huế năm 1778, Crawford, trưởng phái bộ Anh đến Saigon vào khoảng năm 1818 đều được chứng kiến các cuộc thao diễn voi. Sau đây, tôi dịch một đoạn của Dutreuil de Rhins miêu tả một cuộc tập voi tại Saigon.

« Cuộc tập trận này xảy ra trên một khoảnh đất rộng và bằng phẳng ở phía nam của tỉnh thành; ngày nay là đường Paul Bert và đường Không-Tử.

« Sau khi từ giả sứ quán, nghe « những tiếng lệnh nổ, tôi chạy đến « bên tàu, và nhận thấy trên khoảnh « đất rộng, chỗ dùng vào việc tập trận « — những thân hình đen và to lớn

TỪ ĐIỆN VOI RÉ ĐỀN HỒ QUYÊN

« đang chuyển động giữa đám bụi mù
« và thuốc súng. Chúng tôi vội vã qua
« sông để xem cuộc thao diễn voi được
« gần hơn. Phóng vào lối vài chục con,
« trong đó có ba bốn con hết sức to
« lớn. Một trong những con đó hình
« như hung tợn lắm nên chân nó phải
« mang một thứ xiềng thật to. Trên
« lưng voi, những người lính Việt,
« cầm cờ và giáo mác, những toán
« lính khác chạy theo sau để thúc đẩy
« voi. Voi sắp hàng hai, tiến tới để
« phá những thành lũy làm bằng tre,
« do những hình nhân to lớn cầm súng
« gỗ, giáo mác để chống giữ. Sau
« lưng các hình nhân lính đột pháo
« và bắn súng chỉ thiên đoạn kéo nhau
« bỏ chạy, vì voi tiến tới rất nhanh,
« những bước chân làm rung chuyển
« cả mặt đất. Voi vùng vẫy trong đám
« mây bụi và thuốc súng, phá thành
« lũy, chà đạp hoặc tung hình nhân
« lên trời. Tiếng súng, tiếng pháo,
« tiếng binh hò hét, chiêng trống, voi
« gầm, tạo thành những tiếng ồn ào
« ghê gớm. Sau khi phá xong ba thành
« lũy, cuộc tập trận chấm dứt, một
« buổi lễ nhỏ được đặt ra để khao
« thưởng ».

Tại Kinh, cuộc tập trận có vẻ đại-
quy-mô hơn. Thường thường Vua
thân hành ra chứng kiến, nhưng cũng
có khi phái một viên Đại-thần thay
thế.

Ngoài những ông quân vệ. 150
người lính trong đội Kinh tượng, lại
còn có sự tham gia của lính các đội
Võ Lâm, Thần Cơ, Long Võ, Tiền
Phong. Súng trường vào lối 350
khẩu, hàng trăm phong pháo, 60
cái đuốc, 10 khẩu đại bác, lại có
hỏa vũ pháo bắn lửa ria ra như mưa...
Cuộc tập trận khởi sự vào lúc trời
mới tờ mờ sáng. Người ta dựng sẵn
ba cái đồn : tiền, trung và hậu. Đồn
làm bằng tre, cao 1 thước 6 tây, có
hai cửa để ra vào. Chung quanh và
trong đồn có lính cầm đuốc và khí
giới để chống giữ và do một ông
quân vệ điều khiển. Cánh đồn chừng
trên một thước, người ta đặt vô số
hình nhân, tay cầm khí giới, cùng là
những hình sư tử và cọ. Voi ở riêng
một đồn gọi là Tượng đồn. Trên lưng
mỗi con voi có hai người nài, sau lưng
voi có quân lính mang khí giới kèm
giữ để voi khỏi chạy loạn.

Đàn Lòng

Tư-mã - Tương-như là một văn nhân đời Hán, có ngón đàn
tuyệt luân. Ông đánh khúc Phượng-cầu-hoàng, làm cho nàng Văn-
Quân say tiếng đàn bỏ nhà theo ông. Người đời bảo sở dĩ ngón
đàn của ông kêu gọi được Văn-Quân là vì ông đã dùng được
tiếng đàn mà bày tỏ được hết nỗi lòng thầm kín. Do đấy có câu :
« cảm tâm », đàn lòng, chỉ sự nhờ tiếng đàn mà phổ diễn được
ý tứ ra.

Sau khi viên lãnh binh phát cờ ra lệnh, quân lính kéo đến tượng đồn để khiêu chiến. Viên quan trong đồn nẩy, đánh lên ba tiếng trống, lính liền nhảy lên lưng voi, phát cờ ứng chiến. Voi kéo ra khỏi đồn, bốn lính giả làm quân địch reo hò ầm ỹ, đốt pháo, bắn súng, chiến trống vang trời, nhưng vừa chiến đấu vừa chạy về đồn. Đoàn voi dưới sự điều khiển của những ông quân tượng đuổi theo, sau lưng lại có lính cầm khí giới thúc dục, voi gặp những hình nhân liền dùng chân chà lấy ngà tung lên đoàn xông thẳng vào đồn. Quân lính trong đồn giả vờ chống giữ, bắn súng chỉ thiên, đốt pháo, nhưng rồi lần lượt kéo chạy. Voi phá xong đồn thứ nhất, kéo qua hai đồn kia và lúc nào cả ba đồn đều bị phá tan tành cả thì cuộc thao diễn chấm dứt.

* *

Ngoài những cuộc thao diễn nói trên, muốn cho voi trở nên thiện chiến không khiếp sợ, người ta còn tập luyện bằng cách cho đấu với cạp.

Năm 1748, Poivre đã được trông thấy cuộc voi cạp đánh nhau tại Huế, và Crawford năm 1822 đã dự cuộc tranh đấu tương tự ở Saigon.

Ở Huế, riêng có đội lính Vọng thành và dân làng Thủy-Ba chuyên môn đi bắt hổ. Khi đã bắt được một sỏ cạp, người ta bỏ chúng vào cũi mang sang một cái cồn, cây cỏ rậm rạp. Cạp đều bị cột lại, nhưng cột bằng một thứ dây rất dài để có thể tiến thoái dễ dàng. Nhưng cạp còn bị thêm một điều

thiệt hại nữa là các móng nhọn đều bị cắt sạch. Chung quanh còn có lính cầm binh khí vây ba mặt, chừa lại một mặt để voi kéo vào.

Vua đi một chiếc thuyền rồng cùng các quan văn võ đến tham dự. Chính vua cầm hai thanh tre gõ vào nhau để ra lệnh cho voi với cạp tranh đấu. Lính thúc voi đến đấu với cạp. Cạp luôn luôn bị bại, có ngày chết đến 18 con.

Trong những trận đấu tranh này nếu voi tỏ ra nhát gan, sợ cạp, quân tượng hoặc những người nài đều bị phạt roi hoặc phạt bổng.

Mặc dầu được hưởng ưu thế, nhiều con voi vẫn tỏ ra sợ sệt khi trông thấy cạp. Những ông nài, do đó cũng bị khổ lây. Crawford, năm 1821 tại Saigon đã được chứng kiến một cuộc tranh đấu giữa hai con mãnh thú ấy. Ông thuật lại rằng : « Con voi đầu tiên « dẫn tới để đấu với cạp đã hoảng sợ « bỏ chạy. Mặc dầu không hề bị « thương tích nó vẫn kêu la rên rĩ và « không thể nào bắt nó trở lại để « chiến đấu được nữa. Một lát sau, « chúng tôi thấy một người bị trói, do « hai viên quan võ dẫn đến trước mặt « ông Tổng Trấn. Đó là viên quân « tượng của con voi khiếp nhược. Lệnh « truyền ra quát ngay viên quan tượng « 100 roi tại chỗ. »

Ở Huế, dưới triều Gia-Long có một con cạp rất dữ. Ngay lúc bắt được nó về, hai ba mạng người đã chết về tay nó. Lúc sắp đấu với voi, nó bứt dây vọt chạy, nhảy lên đánh người

TỪ ĐIỆN VOI RÉ ĐỀN HỒ QUYỂN

nài ngồi trên mình voi một tát, lăn nhào xuống đất. Dân chúng đi xem hoảng sợ chạy đạp lên nhau khiến kẻ bị thương, kẻ chết. Vua tức giận ra lệnh nếu không giết được con cọp ấy, sẽ bị nghiêm trị. Quan quân nghe thế đồ xô đuổi theo bao vây lấy cọp, nhưng cũng phải mất mấy tiếng đồng hồ mới hạ được nó.

Từ ngày thành lập hồ quyền thì voi cọp không đấu nhau ở ngoài nữa. Cọp nằm sẵn trong hang Hồ quyền, voi từ ngoài cửa đi vào và đánh nhau giữa lòng chảo.

Nhiều người dự cuộc đấu cọp cuối cùng dưới triều Thành-Thái (1904) hiện nay vẫn còn sống.

Họ thuật lại rằng voi phần nhiều nhát gan, (1) trông thấy cọp không

chịu đánh, tìm cách tránh đi nơi khác. Sau cùng một con voi cái bước vào có vẻ hiên ngang, đi qua đi lại trước mặt con cọp không chút sợ sệt. Vua Thành-Thái ngồi xem liền khen : Con này can đảm lắm ! Nhưng bỗng chốc, cọp đánh phốc nhảy lên trán voi, voi hất mạnh cho rớt xuống. Cọp lại nhảy lên bầu vào chỗ cũ. Voi tức giận rống lên một tiếng, vụt chạy đầy mạnh cọp vào thành Hồ Quyền, dùng sức lấy đầu vừa húc vừa ép, khi voi ngáng đầu ra, cọp liền té xuống, voi lấy chân chà chết. Cuộc chiến đấu đã xảy ra một cách ngắn ngủi. Và từ đó về sau mãi mãi không diễn ra một trận chiến đấu nào nữa.

Bửu-Kế

(1) Từ triều Tự-Đức về sau voi thiếu tập luyện nên hoá ra khiếp nhược.

✱ Nếu bạn muốn gây cho mình một tập thể gồm những người khí khái, thì bạn phải làm sao luyện lấy cho mình một tâm hồn cao thượng để chịu đựng được những lời mắng nhiếc, sỉ vả của một cộng sự viên khi quá nóng nảy nhưng tận tâm ; chờ khi cơn nóng nảy của người ấy tan đi, bạn sẽ ôn tồn phân trần trái phải (Courtois).

✱ Biết lựa chọn người cầm đầu chưa đủ, còn phải lựa chọn cho đúng lúc.

Lựa Chọn quá sớm có thể gây ra nguy hiểm vì người cầm đầu chưa đủ tư cách dễ bị suy đảo dưới trách nhiệm nặng nề không đáng nài, hay bị bó buộc phải dùng tới những thủ đoạn bất chính không lợi cho công việc. Lựa chọn quá trễ thì lại làm cho người được chỉ định cầm đầu mất hết khí lực và sáng kiến, không còn đủ hăng hái của một người nhiệt thành biết hăm hở đón lấy những công việc mới, trách nhiệm mới (Carrard).



BÀI HỌC CỦA

THÁNH GANDHI

PHẠM-TRỌNG-NHÂN

Vì ba bài đăng trong báo Young India khoảng cuối năm 1921 và đầu năm 1922, M. K. Gandhi và nhà xuất-bản của ông S.G. Banker, bị các nhà đương cuộc Anh truy-tố. Cứ kể ra, đúng như lời buộc tội của ông chủơng-lý J. T. Strangman, người ta chẳng thể để ý đến riêng ba bài báo đó mà không kể đến tất cả văn-nghịệp cùng thái-độ của M. K. Gandhi, kể từ khi ông bắt đầu hoạt-động về chánh-trị.

Chúng ta hãy sơ-lược hoạt-động chánh-trị của M. K. Gandhi trước khi thẩm-sát về ba bài báo bị khiển-trách. Và chúng ta sẽ có dịp nhận-chân tính-cách đặc-biệt của vụ án lịch sử Gandhi mà ảnh-hưởng còn lưu tới ngày nay, một vụ án đã một thời làm chấn - động dư-luận Anh, Ấn và cả hoàn-cầu.

*
* *

Mohandas Karamchan Gandhi sinh ngày 2 tháng 10 năm 1869 tại Porhandar, một tỉnh nhỏ trên bờ vịnh Oman, và bị ám-hại ngày 30 tháng 1 năm 1948 tại Delhi. Thân-phụ và tổ-phụ đã từng sung chức Tổng-trưởng, còn thân-mẫu vốn ngoan đạo chỉ biết lấy nhân-ái và thụ-trai làm lẽ sống.

M. K. Gandhi khai-tâm tại trường hàng tỉnh, rồi sau thụ-giáo tại trường trung-học và đại-học Ahmedabad. Cũng như nhiều trẻ Ấn-độ, Gandhi đính-hôn từ thuở nhỏ, và năm 13 tuổi đã sớm thành gia-thất. Ông sang London tiếp học, và bắt đầu tiếp-xúc với những văn-phẩm của Ruskin, Carlyle, Thoreau và Tolstoi. Cũng ở London, ông bắt đầu « khẩu tụng » để « tâm suy » những tư-tưởng tôn-giáo về sau này có nhiều ảnh-hưởng đến cả đời ông hoạt-động.

Năm 1891, M. K. Gandhi hồi-hương hành nghề luật sư và khởi tiếp xúc với các nhân-sĩ uyên-thâm trong nước, trong số ta phải kể Parsi Dadabhai, một chiến-sĩ xung-phong lãnh-đạo phong-trào quốc-gia thời đó. Cho đến năm 1893, đời sống của M. K. Gandhi vẫn có thể coi như bình-yên phẳng - lặng, mặc-dẫu những cơn dông ngầm-ngầm, không đáng kể, đã đôi phen làm ông rung-động tâm-hồn.

Năm 1893, ông có dịp sang Nam-Phi vì lý-do nghề - nghiệp. Chính Gandhi cũng không ngờ: ông sẽ lưu lại nơi kia thêm những 20 năm trời, và cuộc đời khẫu-lưu tình-nguyên đó sẽ là một lối rẽ của cả đời ông.

*
* *

Khi còn thơ-ấu, Gandhi đã khổ-tâm bao nhiêu trước tình-trạng giai-cấp phân-chia ở ngay Ấn-độ. Ông không thể hiểu tại sao người ta lại phải « tẩy-uế », sau khi gặp-gỡ hay tình-cờ đụng-chạm một kẻ tiện-dân » ! (1)

Sang tới Nam-Phi, ông có dịp nhận thấy đồng-bào của ông ở hải-ngoại còn khổ-nhọc nhiều hơn nữa. Đặt chân lên đất Natal, Gandhi đã từ địa-vị bàng-quang chuyển sang vai một nạn nhân: ông bắt đầu « sống » những nỗi chua-cay vô-đạo, nếm-trải những sỉ-nhục mà người ta đã dành cho những kẻ « da màu và tối-tớ »... như ông !...

Không được phép bước chân lên những toa xe dành riêng cho người da trắng, ông

(1) Giai-cấp cũng dính tại Ấn-độ, tiếng Pháp kêu là « Intouchable », Shri J. Nehru muốn chứng-minh quan-niệm thứ bậc xã-hội như vậy là phi-lý, đã tuyên một « tiện dân » làm chính-bộ, ngày ngày giội bản ăn, buông ngủ, nơi tư-thất.

còn không được vào những ca-lâu, hí-viện; đôi khi khác, ông bị hăm-dọa, hay nhận những viên đá sát-nhân hữu-ý hay vô tình rơi tới. Nói tóm lại, ông đã là nạn nhân của những thái-độ khiêu-kích và phương-sách xử-trí mà ở các nước văn-minh, người ta đã không nỡ dành cho giống vật!

Tuy-nhiên, về bản thân, Gandhi đủ nghị-lực và nhân-đạo để dẹp lòng công-phẫn: ông không hề và cũng không thêm trả lời những hành-vi hỗn-xược không đáng chấp. Tin ở Trời Phật, ông thường nói :

— Đối với tôi, đó là một vấn-đề tôn-giáo...

Nhưng nếu đủ tự-chủ để nuốt hận cho chính ông, thì trái lại, ông không thể dung thứ những hỗn-xược đối với mười hai ngàn dân Ấn, những đồng-bào của ông, trước đây đã dâng làm phu tại mỏ vàng Transvaal nhưng ngày nay mãn hạn, đều ở lại để lần hồi sinh sống. Qui-chế áp-dụng thực bạo-tàn hà-khắc. Những người dân Ấn lương-thiện kia chỉ vì màu da mà đến nỗi bị xem khinh như những tù-nhân ghê-tởm : đi đến đâu phải khai, ở nơi đâu phải báo, và cứ đúng kỳ-hạn là phải tới Ty Công-an trình-diện và điểm-chỉ !

*
* *

Xong nhiệm-vụ luật-sư, Gandhi sắp đáp tàu về nước, thì vừa dịp các nhà đương-cuộc địa-phương cho ban hành thêm mấy đạo-luật phủ-nhận cả những quyền sơ-đẳng làm người của những dân Ấn thuần-lương chất-phác. Ông bèn nhất quyết ở lại, đối-phó với những cách xử-trí vô-đạo đó.

M. K. Gandhi tổ - chức biểu - tình, làm dùm đơn thỉnh-nguyện, sáng-lập báo « Indian Opinion ». Rồi hy-sinh cả công-danh và sự - nghiệp, ông vui-vẻ can-đảm ở lại Nam-Phi, sống với những đồng-bào xấu-số của ông, để phấn-đấu cùng với họ và cho họ...

Tại Phoenix, ông tổ-chức đời sống tập-đoàn, dẫn-giải về sự cần-thiết của đức-tính cần-lao trong kỷ-luật, và dần dần tập cho các đồng-bào không cần bạo-động mà vẫn có thể-phản đối một cách hiệu-quả những chính-sách bất-công của các nhà đương cuộc Anh.

Cả gia - đình Gandhi đã sang Nam-Phi để cùng ông góp sức. Cuộc đời cứ như vậy tiếp-diễn, cho đến năm 1914, nghĩa là sau 20 năm trời tranh-đấu và sau khi đã thành-công, cùng với gia-đình, ông đáp tàu trở về Ấn-Độ, tìm những lẽ sống ở ngay nơi quê nhà.

Khi đó, Gandhi đau phổi.

Ông vừa hồi-hương thì thế-giới chiến-tranh bùng nổ. Ông đau đớn vô-cùng khi nhận được tin kia. Ông viết báo cổ-động hòa-bình, như muốn kêu to và hét lớn :

— Các người đừng chém giết lẫn nhau... Các người hãy nắm chặt tay nhau mà tỏ tình thân-ái, vì các người đều là anh em cả...

Lẽ dĩ-nhiên lời hiệu triệu của ông đã chỉ là những tiếng kêu ngoài sa mạc. Ông bèn tổ-chức bộ-đội cứu thương, nhưng mong hàn gắn vết thương tinh-thần cũng như vật-chất cho những quân-dân bị nạn. Có một số đồng bào của ông phản đối :

— Tại sao chúng ta lại viện-trợ cho quân-đội Anh ?

Và đi xa hơn, có người còn hỏi ông chưa quên những nỗi nhục-nhân ném-trải do người Anh thủ-xử ở Nam - Phi chăng ? Nhưng ông điềm-tĩnh trả lời :

— Chúng ta nên khoan - hồng . . . Ở đời không gì cao-thượng bằng quảng-đại . . .

Cũng như trước đây, trong khi tranh-đấu cho đời sống của đồng-bào, ông không bao giờ lơ dịp chứng-tỏ lòng quảng - đại cứu-trợ Anh - quốc khi ngộ biến : dịp loạn Boers năm 1899, ông đã tổ - chức bộ - đội cứu-thương ; dịp loạn Zoulous năm 1906, ông đã thành-lập đoàn y-tá gửi ra hoạt-động nơi tiền-tuyến ; dịp đại-chiến 1914, ông đã hô-hào các bạn sinh-viên và công - nhân Ấn lưu - trú tại London thành - lập đoàn cứu-thương trợ-lực quân - đội Anh chống quân Đức xâm-lăng ; rồi đến năm 1918, ông đang hoạt-động hô-hào thanh-niên Ấn ủng-hộ quân-đội Anh về phương-diện cứu-thương, thì chiến-tranh chấm dứt . . .

Sau đó, trong « Bức thư ngỏ gửi tất cả những người Anh sống trên đất Ấn », ông đã có dịp viết như sau :

« Tôi xin các người hãy tin cho rằng không phải vì sợ-hãi hay vị - kỷ mà tôi đã cùng các người cộng-tác. Nhiều lần, tôi đã coi thường tính-mệnh của tôi. Tôi đã tình-nguyện cộng - tác với các người, vì tôi tin rằng những hành-động như của tôi có thể cảm-hóa các người, khiến các người nâng xứ Ấn-độ của chúng tôi lên ngang hàng các quốc-gia trên thế-giới. Tôi đã tin-tưởng ông Lloyd George sẽ giữ lời cam-kết. Nhưng tôi đã lầm . . . vì thái-độ của ông Lloyd George cũng như chính - sách của các nhà cầm-quyền Anh ở xứ này đã khiến tôi thất-vọng . . .

BÀI HỌC CỦA THÁNH GANDHI

« Không, các người không thể tiếp - tục phủ-nhận phong-trào quốc-gia Ấn-độ. Nhân-danh là một người bạn, một người bạn ham-mộ công-lý và ham - chuộng hòa - bình, tôi đã đề - nghị với các người một giải - pháp thích-đáng và hiệu-quả cho một bài toán đã từ lâu làm các người bận trí. Tôi khuyên các người nên nhận - chân sự thực hiển-nhiên kia, bằng không, các người có thể cứ tiếp-tục mà thẳng tay đàn-áp. Nhưng ngay từ bây giờ, tôi có thể quả-quyết : các người sẽ thất-bại.

« Tôi tha - thiết, kính - cẩn yêu-cầu các người hãy noi theo chánh-đạo, hiệp - lực cùng dân-tộc Ấn-độ trong công-cuộc tranh-thủ tự-do và độc-lập . . .

« Sống trên đất Ấn, ăn cơm gạo Ấn mà phủ-nhận những nguyện-vọng chánh-đáng của dân - tộc Ấn, các người có biết chăng : đó không phải là thái-độ của người quân-tử . . . »

* * *

Năm 1921, ông lại viết một « Bức thư ngỏ thứ hai gửi tất cả những người Anh sống trên đất Ấn », Ông viết :

« Tôi đã khám phá ra một điều này : con người thực đáng giá hơn chế độ ! Tôi có cảm-tưởng mỗi một người Anh đều không đến nỗi như chánh-sách do toàn-thể người Anh chế-định. Một công-chức Anh tòng-sự tại Ấn-độ thật khác xa một người Anh sống tại nước-Anh. Ở đây (Ấn-Độ), các người chỉ là một thành-phần nhỏ của một tổ-chức lớn, xấu-xa và nhục-nhà. Tôi có thể kịch-liệt công-kích tổ-chức, nhưng tôi không thể do đó kết-luận các người đều là xấu xa, đáng bỉ, cũng như tôi không thể gán những danh-từ quá-khích đó cho hết

thầy mọi người Anh . . . Các người cũng như chúng tôi, chúng ta chỉ là những nạn-nhân, tuy mỗi người mỗi cảnh . . .

« Đời sống chung giữa người Anh và người Ấn đã xây đắp trên sự hiềm - kỵ lẫn nhau : các người phải đồng ý với tôi đó là một điều phản lương-tri và nhân-phẩm. Một chánh-sách đã gây nên thảm-trạng đó, là một chánh-sách dã-man, vô-đạo. Các người Anh sống ở Ấn-độ cần phải biết đồng-tâm hiệp-lực cùng dân-tộc Ấn, chớ không thể tự coi như những ngoại-nhân dị-chủng, làm giàu trên xương máu người Ấn-Độ.

« Các người có biết rằng trong trường-hợp hiện tại, tuân theo mệnh-lệnh của các nhà đương-cuộc Anh thật chẳng khác nào hạ mình làm những kẻ đồng-phạm tội-đòi. Có bao giờ một người cần xin phép một người khác, để thở khí trời và uống nước sông chẳng ?

« Tôi tha thiết cầu mong kẻ bạo-tàn hãy thôi làm điều ác. Kẻ bạo-tàn đây chẳng phải là Lord Reading. Kẻ bạo-tàn là chế-độ mà Lord Reading phụng - sự, là chánh-sách mà Lord Reading đại-diện, thừa hành... »

Cuộc đời lãnh - đạo dân - tộc của thánh Gandhi cứ như vậy mà tiếp diễn, với một phương tiện : đoàn-kết để tranh-đấu, nhưng ôn-hòa không bạo - động ; và nhằm một mục-tiêu : giải-phóng quốc-gia về đủ mọi phương-diện, cá-nhân cũng như đoàn-thể..

Ông thường nói : « Mỗi khi xung-đột, chúng ta hãy nên tìm cách thắng đối-phương bằng lòng nhân-ái. Trên đời, nhân-ái là một sức mạnh vô cùng, mà đồng thời lại lạ nhường khiêm-tốn. »

Ham chuộng hòa-bình, tranh-đấu cho tự-do, coi thường danh - lợi, nói tóm lại, Gandhi đã sống một cuộc đời đạo - lý khác thường, giữa một thế-giới hỗn-mang và phức - tạp. Đã sống một cách khác thường, Gandhi lại cũng đã chết một cách khác thường : Ngày 30 tháng 1 năm 1948, ba viên đạn sát-nhân của một tên quá-khích điên dại đã kết thúc cuộc đời Gandhi một cách bất ngờ, trước sự thương tiếc của toàn thế-giới.

Léon Blum viết trong báo « Le Populaire », ngày 31 tháng 1 năm 1948 : « Tất cả thế-giới để tang con người siêu-việt đó vừa khuất núi. » Và thi-hào M. Meille cũng viết như sau : « Ấn-Độ đã độc-lập... Và Gandhi từ-giã cõi trần sau khi vĩ-nghiệp đã hoàn-thành. »

Gandhi tuy khuất núi, nhưng những tư-tưởng cao-nhã của ông vẫn còn sống trong lòng nhân-loại, và nhất là trong lòng dân-tộc Ấn. Gandhi đã không từ trên cao xuống, ông cũng không từ phương xa lại : Gandhi đã thông cảm với những nỗi thống-khổ của kẻ thường-dân, và hơn nữa, của kẻ tiện-dân. Gandhi đã sống và đã chết trong lòng dân-tộc.

Thương tiếc GANDHI, ông NERHU viết như sau :

« Nhiều hay ít, hàng triệu dân Ấn đã chịu ảnh hưởng của Gandhi ; có người đã thay đổi hẳn quan-niệm về nhân-sinh, có người chỉ chịu ảnh-hưởng trong một phạm-vi nào đó, lại có người sau khi cải-hóa, đã không giữ vững được đức tin cho trọn vẹn, nhưng dù sao ảnh-hưởng vẫn tồn-tại một phần nào... »

Chúng ta nên nhớ Nehru là học - trò của Gandhi, và từ năm 1947, ông đã

ra cầm vận-mệnh nước Ấn-độ độc-lập.

* *

Chúng ta trở lại vụ án Gandhi năm 1922.

Ba bài báo bị khiển-trách đã mang những đầu-đề tạm dịch như sau : « Lòng trung-trực qua cơn khủng-hoảng », « Một bài toán nan-giải », và « Vuốt bờm sư-tử ». Cứ đọc qua những đầu-đề đó, chúng ta cũng có thể ước-đoán một phần nào về nội dung bài báo.

« Chúng tôi yêu cầu các nhà cầm-quyền hãy giam chúng tôi vào ngục-thất, vì điều mà các người ca-ngợi là tự-do thì thực ra chỉ là nô-lệ. Chúng tôi phản-đối chánh-phủ đã không làm tròn sứ-mệnh. Chúng tôi muốn lật đổ chánh-phủ ; chúng tôi muốn chánh-phủ phải chiếu theo nguyện-vọng quốc-dân. Chúng tôi muốn chứng-tỏ rằng chánh-phủ là để phụng-sự dân, chứ không phải dân là để phụng-sự chánh-phủ. Lord Reading cần hiểu rằng những phần-tử bất cộng-tác đã tuyên-chiến với chánh-phủ, vì chánh - phủ đã không giữ lời hứa-hẹn... »

Nhất là trong bài « Vuốt bờm sư-tử », ông đã viết :

« Làm sao có thể nói chuyện tương-phùng tương-đắc, nếu con sư-tử Anh cứ luôn luôn át vào mặt chúng tôi những nanh vuốt còn vấy máu ? Lord Birkenhead đã nhấn mạnh rằng nước Anh vẫn còn những « bắp thịt rắn chắc » ; cũng như Ông Montague vẫn hằng tuyên-bổ một cách rõ rệt : là một dân-tộc cương-quyết nhất trên thế-giới, dân-tộc Anh sẽ không tha-thứ những chướng-ngại gặp-gỡ trên con đường tiến-thủ.

« Lord Birkenhead và ông Montague đã không biết rằng Ấn-Độ sẽ sẵn-sàng đối-phó, đương-đầu với những « bấp thít rần chắc » của Anh.

« Đành rằng thiếu sót những « bấp thít rần chắc » như của các người, chúng tôi không muốn và cũng không thể trả lời những hành-vi vô-lẽ của các người bằng những hành-vi vô-lẽ khác. Nhưng chúng tôi có một sức mạnh tinh-thần mà các người chớ coi thường...

« Không một đế-quốc nào do sự đàn-áp thường-trực bằng võ lực mà nên, hay xây-đập trên sự bóc-lột những dân-tộc nhược-tiểu, lại có thể tồn-tại lâu dài. Đó là một sự-khien hiển-nhiên và đơn-giản mà những kẻ mệnh-danh đại-diện cho Quốc-gia và Dân-tộc Anh dường như không lưu ý... »

*
* *

Ngày 18 tháng 3 năm 1922, hai ông Gandhi và Banker (nhà xuất - bản của Gandhi) bị giải tòa. Hai bị cáo đã phạm một tội rất nặng, không thể nào tha thứ, vì nhân-danh là người Ấn-Độ, đã dám yêu nước Ấn-Độ và thương dân Ấn-Độ.

Viên chủ-ong-lý Sir Strangman buộc tội, yêu-cầu trừng-phạt phạm-nhân thật nặng để làm gương. Nghe xong lời buộc tội, Gandhi lễ-độ và bình-thản đáp lời :

« Tôi rất đồng ý với ông chủ-ong-lý về những lời buộc tội khe-khắt đó. Tôi không chối-cãi trước quý tòa, và tôi thú nhận : tôi như bị chút gì ám-ảnh khiến tôi luôn luôn cảm thấy cần cổ-động phản-đối chánh-quyền Anh. Đối với các ngài, tôi đã phạm tội. Đối với tôi, đó là một bổn-phận đáng buồn nhưng không kém về thiêng-liêng mà

tôi phải ráng làm cho trọn. Đêm này qua đêm khác, tôi đã suy nghĩ rất nhiều về những việc tôi đã làm, mà các ngài kết tội...

« Ông chủ-ong-lý nói rất phải khi ông tuyên-bổ : là một người có học-vấn, có kinh-nghiệm, đáng lẽ tôi phải biết cân-nhắc ảnh-hưởng của từng hành-động. Tôi biết tôi đã chơi với lửa, nhưng tôi đã tình-nguyện cam-nhận sự mạo hiểm rủi may kia. Và tôi có thể thưa với các ngài : nếu được trả lại tự-do, tôi sẽ lại sẵn-sàng tái phạm. Tôi có cảm-tưởng tôi sẽ thiếu thành-thực, nếu sáng này tôi đã không thưa với các ngài như vậy.

« Tôi buồn rầu và ân-hận vô cùng. Nhưng tôi không viện trường-hợp giảm khinh, cũng như tôi không kêu gọi lòng thương của một ai. Tôi đòi hỏi một hình-phạt nặng nhất để trừng trị điều mà các ngài coi như một trọng tội, nhưng đối với tôi chỉ là một bổn-phận thiêng-liêng bậc nhất của công-dân...

« Thưa ông Thẩm-phán, thái-độ của ông chỉ có thể : một là từ - chức, hai là kết án thật nặng, nếu quả thực ông tin tưởng luật-lệ mà ông có sứ-mệnh áp-dụng là phù-hợp với ý-nguyện của toàn-dân...

Về phần nhà xuất bản S.K. Banker, thái-độ cũng không kém phần khẳng-khái:

— Tôi chỉ có thể thưa với quý-tòa tôi rất ân-hận đã in những bài báo của M.K. Gandhi mà các ngài kết tội. Tôi xin nhận lỗi, và tôi thấy không cần thưa thêm điều chi khác...

Mọi sự-khien đã khiến viên thẩm-phán bản-khoản cảm-động. Nhưng đại-diện cho chánh-quyền Anh, ông có bổn-phận thừa-hành chức-vụ, áp-dụng pháp-luật và trừng-trị những hành-vi phi-pháp.

Và ông chậm rãi tuyên-án như sau:

— Thừa ông Gandhi, ông đã thú nhận tội-lỗi, và như vậy đã khiến công việc của tôi được dễ-dàng. Quốc-luật không hề chú - trọng đến các trường - hợp cá - nhân, nhưng hôm nay, tôi thú thực chẳng thể phủ-nhận: ông quả là một nhân-vật si-u-việt, khác hẳn những người mà tôi đã và sẽ xử-án tại pháp-đình này. Tôi không thể phủ-nhận tính-cách đặc-biệt của ông là một nhà ái-quốc chân-thành và một vị lãnh-đạo có uy-tín của hàng triệu công-dân Ấn. Đến ngay những người không tán-đồng chánh-kiến của ông, cũng đều thâm-phục ông là một siêu-nhân đức-độ, với những tư-tưởng thâm-trầm. Hôm nay tôi chỉ thăm-sát về một phương - diện: tôi không có quyền ra ngoài phạm-sự của tôi...

Tôi chỉ xử-đoán ông là một công-dân, có bổn-phận tuân-hành pháp-luật ; trong khi ấy, chính ông đã thú nhận tội-lỗi đã phạm. Tôi vẫn biết ông vẫn thường tuyên-truyền phản-đối bạo-động, và tôi tin rằng đã nhiều phen, ông mang hết nghị-lực và thiện-chí để ngăn-cản bạo-động. Nhưng cứ xét về tư-tưởng chánh-trị mà ông thường giảng-dạy, lại xét về tính-tình các môn-đệ của ông, tôi ngạc-nhiên không hiểu tại sao ông lại không thể tiên-đoán bạo-động sẽ là những hậu quả dĩ-nhiên và dễ hiểu của những hoạt-động ôn-hòa mà ông đã chủ-trương...

Tôi đã hết sức đắn-đo và cân-nhắc. Tôi dự-dịnh tuyên-án, căn-cứ vào một vụ-án tương-tự xảy ra cách đây đã được 12 năm.

Tôi muốn nhắc đến vụ-án Bal Gangadhar Tilak : bị cáo nhân đã phải phạt 6 năm tù. Tôi dám chắc ông sẽ không cho tôi là phí-lý khi tôi so-sánh ông với ông Tilak trước đây. Nói tóm lại, tôi sẽ tuyên án 2 năm tù ở về mỗi tội trạng của ông, tổng cộng là 6 năm như tôi quan-niệm đó là bổn-phận của tôi. Nếu sau đây, cục diện thay đổi, có thể cho phép tôi giảm nhẹ án đó, tôi thiết-tha mong ông hiểu cho rằng người sung-sướng nhất lại chính là tôi vậy...

Một lần nữa, nghe xong bản án Gandhi lại bình-thản đáp lời:

— Thật là một đặc-ân ông đã ban cho tôi, khi ông nhắc tên tôi cùng với tên ông Lockmanya Bal Gangadhar Tilak. Tôi rất hân-hạnh được hưởng điều vinh-dự đó, và tôi xin thú thực cùng ông : tôi đã không ngờ quý tòa đối với tôi lại có thể thịnh-tình như vậy...

Những bạn hữu xa gần tiến về phía Gandhi. Viên thẩm-phán ra khỏi căn phòng, và các bạn kể trên lại gần Gandhi gục đầu thốn-thức. Tuy nhiên, Gandhi vẫn mỉm cười, ông an-ủi và khích-lệ những bạn đồng chí-hướng đã vì lòng ngưỡng-mộ, tới nơi để chứng-kiến, để phân-ưu, để tạm-biệt, và để hẹn ngày tái-ngộ, ngộ hầu tiếp tục hành-trình...

Gandhi mỉm cười tạm biệt. Ông ra khỏi pháp-đình, và hai viên cai - ngục dẫn ông về khám lớn Sabarmati...

PHẠM-TRỌNG-NHÂN

1960



NÊN ĐỌC VÀ CỔ-ĐỘNG CHO TẠP - CHÍ M A I



BỨC THƯ GỬI MỘT SINH-VIÊN DU-HỌC

ĐOÀN - THÊM

VẮNG nhà ít lâu, lúc trở về mới rõ anh vừa đáp máy bay đi du học rồi, tôi rất tiếc không được tiễn anh, hoặc trả lời khi anh tới hỏi có điều chỉ cần khuyên bảo, như anh đã nhắn nhà-tôi.

Tôi không dám *khuyên* gì cả, mặc dầu hơn tuổi anh nhiều: chưa từng sống ở ngoại-quốc, biết về nước ngoài chẳng qua nhờ sách báo tranh ảnh nhiều nhất, lại không hiểu lắm về ngành kỹ-thuật mà anh theo học, thì có chỉ để dẫn dò chỉ dẫn cho anh?

Còn như khuyên chăm chỉ ngoan ngoãn, thì chắc hai bác bên nhà đã khiến anh chồi tai rồi; vả lại cũng thừa, đời với một thanh-niên từ nhỏ tới giờ vẫn nổi tiếng là học-trò tốt, đến nổi «gạo» và «si». Có lẽ vì thế mới hỏi đến những người như tôi.

Để đáp lại nhĩ-ý, tôi chỉ muốn bày tỏ ở đây vài *nguyện-vọng*, nghĩa là trình những điều mà tôi hằng chờ đợi ở một người được du-học nhiều năm như anh.

Nhưng trước hết, tôi xin anh xét xem ý-niệm riêng của tôi về sự du-học ra sao đã.

Du-học, theo tôi là ước mơ tươi sáng nhất của một thanh-niên Việt-Nam, thiết tha hơn cả mộng tình.

Được huấn luyện theo những phương-pháp tối-tân, đến giữa hoàn-cảnh đầy sự mới lạ, anh gặp may mắn hơn bao nhiêu bạn cùng tuổi, để học rộng, sống mạnh và biết nhiều hơn.

Sự may mắn đó sẽ giúp anh chóng thành tài, song theo thiên-ý cũng khiến anh có nhiều trách-nhiệm hơn về

phương - diện tinh - thần đòi với cả thể-hệ.

Ngày xưa, tôi đã ao ước mà không được du học để chiếm bằng-cấp cao và khi về nước hưởng lương bổng cao cùng mức sinh-hoạt cao cho bản-thân và gia-đình. Ngày nay, ngoài mục đích thiện-cận và quá thiết-thực đó, chắc anh còn có thiện-chí giúp ích nhiều cho đồng-bào.

Vì muốn thoát khỏi tình-trạng chậm tiến (sous-développement) của đất nước, thì số du-học-sinh đáng lẽ phải tăng gấp bội, gấp mười : song các gia-đình cũng như quốc-gia chúng ta đều chưa đủ phương-tiện tài-chánh.

Thành thử thiếu-số du-học-sinh có thể coi hoặc nên coi mình như đại-diện hàng vạn hàng triệu đồng-bào, mà đi học thay để rồi ra đem kết-quả truyền thụ lại cho bao người khác.

Trong 5 năm nữa, anh sẽ thành một kỹ-sư am hiểu khoa-học và kỹ-thuật trong ngành chuyên-môn ở giai-đoạn tiên-hóa mới nhất mà nhân-loại đạt tới. Dĩ-nhiên, khi hồi hương, anh sẽ giúp ích trong một nhiệm-vụ công tư nào đó : nhưng nếu chỉ có thể, thì anh cũng sẽ không hơn gì bác Xứng tốt-nghiệp kỹ-sư Công-Chánh 1932 ở Paris, rồi từ ngày đó trông nom về đường xá y như chuyên - viên lớp trước.

Nếu anh đồng-ý với tôi về nguyên-tắc du-học giúp nước, tôi sẽ cậy nhờ Anh một việc khó khăn, nhưng vô cùng khẩn-bách : là phổ biến lại, ở giữa các bạn đồng-nghiệp cũng như

ở các giới ngoài, những kiến-thức sau này của Anh bằng cách này hoặc bằng cách khác, nói chuyện, giảng dạy, viết báo, viết sách, hay cố áp dụng những phương-pháp mà anh học được để tìm tòi nghiên-cứu, phát minh thêm những điều gì hợp với nhu-cầu và hoàn-cảnh chúng ta : nếu chưa làm được ngay sau khi về nước, vì còn thiếu kinh-nghiệm và chưa thấu thập đủ phương-tiện, cũng phải gắng sức : chẳng chóng thì chày, chẳng được mười thì được một, chớ không thể nào chịu đựng mãi mãi một tình-trạng thụ-động rồi viện ra trăm ngàn trở-lực mà khoanh tay chếp miệng phàn nàn, rồi chán nản muốn trở ra ngoại-quốc. Vì dù thế nào chăng nữa, chúng ta cũng phải xây dựng hoàn-cảnh thành một quốc-gia đủ trang-bị mà sông, sông không bị đe dọa, sông với những với công-ích tiện-nghĩ sinh-thú mà anh thấy ở nước người.

Ở trường-hợp Anh chịu nhận lấy nhiệm vụ kể trên, tất-nhiên cách-thức học và sống của anh sẽ khác của bác Xứng ngày xưa. Theo chính bác thuật lại, thì ở Ba-Lê, bác chỉ húc đầu vào sách, ngoài ra còn chút thời-giờ, bác thầy cũng phải « biết mùi thể-vị » nghĩa là theo mấy anh bạn Pháp đi tìm những tiêu-khiển rẻ tiền. Tôi thấy nếu mùi đời của bác chỉ có vậy, thì không cần phải du học và chẳng ích gì cho ai. Trái lại, những sự khác mà tôi biết nhờ đọc sách báo, khi đem trộm hỏi lại để được xác-nhận hay phủ-nhận, thì bác trả lời chưa từng chú ý mặc dầu đã sống 7 năm trên đất Pháp, đã qua cả Ý-Đại-Lợi và Tây-

BỨC THƯ GỬI MỘT SINH VIÊN DU-HỌC

Ban-Nha: đời sống của các hạng sinh-viên bên đó khác của ta thế nào? nhu-cầu, thắc-mắc, nguyện-vọng, tư-cách ra sao? nhận xét gì về những gia-đình đã tiếp-xúc? hoàn cảnh có gì lợi có gì hại cho những người Việt-Nam sang đó? các tổ-chức văn-hóa, chuyên-môn, xã-hội v. v... liệu có thể phỏng theo ở Việt-Nam không và về phương-diện gì, với điều-kiện gì? ý-kiến về mọi trạng-thái sinh hoạt, phong-tục? Tại sao tiền hơn ta ở phạm-vi này hay phạm-vi khác? Ăn, ở, chơi, nghỉ, làm, có những gì không thể bắt chước? V. v... Bác Xứng chẳng trả lời nổi, hoặc chỉ có cảm-tưởng mập mờ.

Đã có ông bạn bảo tôi: muốn am hiểu như vậy, thì phải có thời-giờ, có cơ-hội, có tiền bạc để đi lại ra vào nhiều nơi, và nhất là có óc quan-sát? những sinh-viên du học, cũng như bao nhiêu các bạn khác ở trong nước, làm gì có nhiều lúc, nhiều dịp nhiều phương-tiện xem xét kỹ mà ghi nhận như người chuyên việc điều-tra? Ngoài việc học, may biết thêm được gì thì biết, chớ đừng nên đòi hỏi quá nhiều ở những người trẻ tuổi ra ngoài.

Khó thiệt đây, song Anh cũng cho phép tham lam, vì tôi chỉ ước ao, và khi ước ao tất cứ mong muốn để được hai ba thì vừa: chớ nếu chỉ đòi một vài, thì có khi chẳng được chỉ hết cả.

Nếu trong một trăm sinh-viên du-học, có được năm bảy người cho tôi thỏa nguyện, cũng đã quý hóa lắm rồi. Ngoài ra, tôi nghĩ chẳng nhiều thì ít,

người nào cũng cần luyện óc quan sát ở một khu-vực nào đó, để còn mạch bảo giúp bà con khi cần.

Tôi xin kể một tí-dụ: có những phụ-huynh muốn cho con đi du-học, nhưng phân vân không biết nên cho sang Pháp hay sang Mỹ, sang Úc, sang Đức, sang Nhật? Trường học nào tốt, về phương-diện giảng dạy, thì còn có thể hỏi các cơ-quan chính-quyền hoặc tìm tài-liệu mà xét. Song nhiều vị băn khoăn về đời sống, về ảnh-hưởng đối với hạnh-kiểm con em; ở đâu có kỷ-luật, có nề nếp tốt? Ở đâu có thể hư? cách ăn ở chơi bởi ra sao? chẳng biết ai mà hỏi, có hỏi, chưa chắc được chỉ dẫn rành mạch, mặc dầu ta có bao nhiêu thanh-niên đã từng học ở Sidney, San.Francisco, Paris hay Tokyo v.v... Không bao giờ thấy những bài báo chí sách vở tài-liệu gì do chính người Việt-Nam thu thập tại chỗ.

Mới đây, tôi có được coi một số đặc-san về trường Cao-đẳng Bách-Công Pháp (Ecole Polytechnique 1960) một tập dày đúng 100 trang lớn, với đầy đủ hình ảnh, và các mục nói rất tường-tận về tổ-chức nhà trường, chương-trình học, đặc-điểm các môn, cách giảng dạy, đời sống trong trường, phương-pháp rèn luyện nhân-cách, các ngành hoạt-động tương-lai của sinh-viên v.v... Tôi tưởng một người thông-minh linh-lợi như Anh, ở học-hiệu vài năm, tất có thể nhận xét chẳng kém các tác-giả cuốn đặc-san kia. Và nếu cho biết thêm những điều mắt thấy tay nghe khác nữa, thì càng hay;

có khi đối với chính Anh, cũng thiết thực hữu-ích hơn cả những điều học trong sách.

Nói một cách khác, tôi mong Anh trở nên một trong hàng vạn chuyên-viên mà nước nhà đương cần, nhưng còn muốn Anh thành một *con người* với những sự hiểu biết rộng rãi mới lạ mà ở xứ ta khó lòng thấu lượm được : nghĩ cho cùng, nếu không như vậy, thì Anh sẽ hơn gì các bạn học ở đây ?

* *
*

Nhưng con người đó sẽ đáng quý hơn nữa, nếu vẫn giữ được cốt-cách nhân-hậu mà hai Bác đã cõ rèn luyện cho Anh. Tôi tin rằng xã-hội phương Tây, sau sự cuống-loạn về trí-thức và dục-vọng do những thời-cuộc đảo-điên xui nên, sẽ bớt kiêu căng mà trở lại một đường sống hướng về ôn-hoà thăng-bằng khiết-tĩnh, để nhân-loại tìm thấy lẽ sống đã bị lu mờ nếu chưa mất hẳn.

Cho nên tôi xin Anh đề đặt trước những ngôn-ngữ, cử-chỉ, thái-độ, hoạt-động, tư-tưởng nào trái ngược quá với bản-tính hiền-lương của anh và nề nếp thuần-nhã khiêm-nhượng trong liêm sỉ mà nhiều gia-đình chúng ta may còn giữ được mặc dầu trải qua nhiều quốc-biến : mong Anh ghi nhận hết cả, để suy ngẫm hoặc cho hai Bác rõ, chưa chắc đã vô-ích. Hay là nếu Anh có thời giờ, thì cho biết nhận xét, cả phần hay lẫn phần dở, căn cứ vào những tiêu-chuẩn giản-dị mà chúng ta đã có dịp bàn qua : nếu theo phương

Tây về mặt này hay mặt khác, liệu có mà khổ những người thân yêu không ? có làm rầu lòng cha mẹ mà ta kính trọng không ? có hại gì cho những kỷ-luật chung mà ta phải theo để tránh gây thêm rối ren hỗn loạn cho các gia-đình Việt-Nam không ? Xã-hội ta đương cần yên ổn để hồi tỉnh, hoàn hồn, và tìm cách sống vui vẻ hơn, sau bao cuộc phá-hoại bằng súng đạn, bằng lời nói, bằng câu văn, bằng mọi sự buông thả, đèn nõi gần tiêu hủy hết tình thương đồng-chúng đồng-tông.

Những tiêu-chuẩn xét đoán kể trên chẳng có tánh-cách gì tân-kỳ để thích-thú, siêu-việt để tin tưởng, nhất là nếu Anh nhìn theo nhãn-quan của những hạng người quá kiêu nên đòi hỏi tự-do tuyệt-đối, quá tham nên mong đạt «những chân-lý mới» mà chỉ tới hoài-nghi và gieo rắc hoang-mang.

Giá thử có gặp những trường-hợp đó, tôi thiết nghĩ Anh không nên thắc mắc lâu như vài bạn trẻ của chúng ta : Anh nên để thời giờ đi ngắm cảnh, hoặc học thêm toán-pháp, môn sở-trường của Anh : chúng ta chỉ trông đợi ở người phương Tây những khoa-học kỹ-thuật và các phương-pháp tổ-chức kinh-doanh kiên-thiết mà ta đương thiếu; chúng ta đừng mong ước ở họ nữa những học-thuyết gì soi sáng được cho ta để tìm hạnh-phúc nhân-sinh; riêng tôi không sẵn lòng tin họ nữa, vì họ thiếu đột quá nhiều lần những thánh thần mà họ đã phụng thờ và bảo cả ta tôn kính.

BỨC THƯ GỬI MỘT SINH-VIÊN DU-HỌC

Đó là một trong những kết-luận của tôi sau baô năm ở trường rồi ra đời và liên-tiếp học hỏi mà lưỡng-lự phân-vân giữa những trạng-thái cùng quan-niệm Đông Tây nhiều khi trái ngược. Tôi trình ra đây để Anh giúp tôi cân nhắc lại giá-trị của nó, bằng cách rút kinh - nghiệm so-sánh những nề nếp trong 20 năm sống ở nhà, với những lẽ-lỗi mà từ nay anh phải theo, hoặc định theo ở nước người.

Nhưng vì sao đòi hỏi Anh như vậy ? Vì có đổi hoàn-cảnh mới thấy nhiều khía cạnh khác của những sự vật quen thuộc và nhận xét một cách đầy đủ khách-quan hơn. Những điều khiến ta

tự-hào ở nhà, có thể khiến ta hổ-thẹn ở ngoài : Há-Bà tưởng đã to lớn, ra biển thấy mình bé nhỏ. Nhưng ngược lại, biết đâu những nhân-vật, tập-quán, phong-tục, truyền-thông mà khi ở trong nước ta vẫn coi thường, sẽ hiện ra rõ ràng hơn khi ta rời xa vạn dặm và quay đầu ngắm lại chân trời cũ ? biết đâu không thấy nổi bật những đặt-sắc cao quý của ta, bên cạnh những sự thái-quá, quái-dị, vô-nghĩa của nhiều giống người văn-minh nông cuồng phá hoại rồi không dám tin ở tương-lai của mình và của nhân-loại nữa ?

Thân-ái.

Đ. T.

ĐÃ PHÁT HÀNH :

MAI SỐ 7 (10-10-1960)



Sáng-tác Văn-Nghệ :

XUÂN - TÙNG — VÂN - TRANG

MINH-HỮU — PHAN - ANH - HƯƠNG.

Những câu chuyện :

Văn-Nghệ : Quan-diểm khoa-học và trình-độ xúc-cảm trong một số tác-phẩm Văn-nghệ.

Khoa học : Giặc châu chấu

Giáo dục : Chuyển-ngữ ở Đại-học và quốc-văn ba lối

Phụ nữ : Người đàn ông mộng tưởng của bạn gái

Thơ : *HOÀI-HƯƠNG — ĐOÀN-THÊM — QUÁCH-GIAO
HOÀNG-KHANH.*

Phê-bình : Thử tìm hiểu hiện trạng truyện ngắn
(*NGUYỄN-V-XUAN*).

Phỏng-vấn : Phụ-nữ với chức-nghiep (*NGUYỄN-NGU-Í*)

Truyện vui : Phỏng-vấn Ông Lê-ốc-Phọc của *NGUYỄN-PHÚ.*

cùng các mục : **Điểm người điểm việc, Qua các hàng sách, Tin Văn, Tin Khoa học.**

★ **MAI** phát hành ngày **10** và **25** mỗi tháng. **GIÁ 5\$**

NGHỀ XUẤT-BẢN VỚI LOẠI SÁCH CHO THANH-THiếu-NHI BÊN PHÁP

H. Đ.

THEO tài-liệu của tạp-chí « Le Bulletin du Livre » ngành xuất-bản sách cho Nhi-đồng bên Pháp chiếm địa - vị thứ ba, sau ngành xuất - bản Văn-chương và xuất-bản Giáo-dục. Với con số 6 tỉ 653 triệu quan, tức là 14 phần trăm của tổng số thu được trong toàn thể nghề xuất-bản Pháp, ngành in sách cho trẻ em quả đã phát-triển mạnh mẽ. Nay nhân dịp Tết, chúng tôi xin lược đăng các loại sách dành riêng cho Thanh-thiếu-nhi bên Pháp để độc-giả có một khái-niệm về một phương diện giáo-dục trẻ em bên ấy. Có cả thấy 84 loại chính (collections) chia ra làm 5 hạng, tính theo tuổi. Sự phân hạng này cũng chỉ là đại-khái chứ không có gì là chắc chắn, nhất định cả, vì có nhiều loại sách có thể đem dùng cho nhiều hạng trẻ em (và ngay cho đến người người nhớn cũng được !) Dù ở hạng nào

chăng nữa, các loại sách đều theo mấy nguyên-tắc căn-bản : in đẹp, giấy tốt, nhiều tranh ảnh, và nhiều màu, chữ in to và rõ, tranh ảnh do nhiều họa-sĩ lành nghề chuyên môn vẽ cho trẻ em.

1) Loại tí-hon (trẻ dưới 8 tuổi).

Trong loại này phần nhiều là tranh ảnh và « tranh đĩa ». Có rất nhiều « collections » (bộ) xin kể tên vài collections :

A) *Tranh ảnh* (Albums).

1) Collection « Mon bel Album » nhà xuất-bản Bias.

2) — « Farandole » nhà xuất-bản Casterman : chữ in rất to, mỗi trang có một tranh vẽ nhiều màu. Có những chuyện như : Con thỏ trên nóc nhà (Le Lapin sur le toit).

Những tiếng động trong sáng sớm (Les bruits du matin) v. v.

NGHỀ XUẤT-BẢN VỚI LOẠI SÁCH TẾT...

3) Nhà xuất bản Clairefontanie phát hành những loại tranh ảnh Ylla (Albums photos d'Ylla) như: Con voi con (Le petit éléphant), Hai con gấu (Deux petits ours) — và những loại tranh vẽ như: « Guignol » của Jacques Prévert, « L'opéra de la Lune » cũng của J. Prévert, — « Farandoles et Fariboles » của Claude Roy. (Jacques Prévert và Claude Roy là hai nhà thi-sĩ có tiếng bên Pháp).

4) Collection « Albums du Petit Berger » (tủ sách của cậu bé chăn cừu) của nhà xuất-bản Desclée de Brouwer — Sách cỡ nhỏ, tranh in rất cẩn thận. Có mấy quyển như: « Isabelle », và « Les sept voiles de mon bateau » (Bảy cánh buồm của thuyền tôi).

5) Collection « Albums du Père Castor » do nhà xuất-bản Flammarion phát-hành. Tủ sách này rất nổi tiếng trong loại nhi-đồng. Có nhiều quyển cho trẻ bắt đầu tập đọc tiếng Pháp như những cuốn:

« C'est moi le chien » (Tôi là con chó), — « Les Bons amis » (những người bạn tốt) — « Un pantalon pour mon ânon » (một cái quần cho con lừa nhỏ của tôi), — « Le vilain-petit canard » (con vịt tinh quái), — « Le tapis volant » (cái thảm bay).

6) Collection « Les Albums merveilleux » của nhà xuất-bản Gautier - Languereau. Tranh ảnh nhiều màu, bìa bản có thể rửa sạch được (couverture lavable).

7) Collection « Grands Albums » của nhà xuất-bản Hachette. Có tranh ảnh và chuyện rất vui, như quyển « Caroline aux sports d'hiver » (cô bé Caroline đi thể thao mùa lạnh)...

8) Collection « La Ronde du Monde » nhà xuất-bản Mame-Dargaud — kể chuyện

trẻ con và giống vật các nước trên hoàn cầu Có những quyển như « Nam et le petit poisson » (Thằng Nam và con cá).

Willem et le petit veau (thằng Willem và con bê)...

9) Collection « jeunes lectures » (nhà xuất bản Willeb). Sách in khổ to, có tranh ảnh.

B) *Tranh đĩa* (Albums disques) Loại này vừa có tranh ảnh kèm theo cả đĩa hát, thu những bài ca, bài ru em, các điệu nhảy múa của trẻ con

1) Nhà xuất bản Desclée de Brouwer phát hành tranh đĩa: « 3 jeunes Tambours » (3 người lính đánh trống) gồm có 12 bài ca và điệu nhảy.

2) Nhà xuất bản « A la Farandole » phát hành tranh đĩa: « Contes de l'Inde » (chuyện cổ tích Ấn-Độ) có thu âm nhạc Ấn-Độ.

3) Nhà xuất-bản Gedalge phát hành một loạt tranh đĩa do cô J. Caurat ở đài vô tuyến điện truyền hình Paris (Télévision) kể. Cô Caurat có một giọng nói rất rõ ràng và ấm áp và vì thế được chọn để kể chuyện cổ tích cho trẻ em trong những đĩa « Rosalie va à la ville » (con bé Rosalie ra tỉnh) Rosalie et la vie de château (Rosalie và đời sống trong lâu-đài) ..

4) Nhà xuất bản Larousse cho phát hành cuốn tranh đĩa: Mon premier livre de chansons » (Quyển sách hát đầu tiên của tôi) có 2 đĩa thu những bài hát bình dân của trẻ con.

*
* *

II. Cho những trẻ em từ 7 đến 10 tuổi.

A) *Tranh* 1) « Collections Hergé » nhà xuất-bản Casterman. Có cho in lại hai cuốn trong loại rất nổi tiếng « Tintin et Milou » « Le seret de la Licorne » (Bí mật của con sư tử) và « Le Trésor de Rackham le Rouge » (kho vàng của thằng bé Rackham).

2) Collection « Spirou » của nhà xuất-bản Dupuis.

3) Collection « Bécassine » của nhà xuất-bản Gautier- Languereau.

B) *Loại Truyện cổ-tích*

1) Collection « Prince Eric » nhà xuất-bản Alsatia.

2) Collection « Anémones », nhà xuất-bản Bias. Sách có nhiều tranh vẽ, chữ in rất to. Có vài cuốn như « Contes de l'île lumineuse » (Truyện Hòn đảo đầy ánh sáng) « Le Mystère de la Mary Céleste »

3) Collection « Plaisirs des Contes » nhà xuất-bản Casterman : Loại này chữ in to, tranh vẽ thật đẹp và do những cây bút trứ danh viết : Như những cuốn : « Bras de Fer » (Cánh tay sắt) : tác-giả Henri Bosco, « Moustique et Barbe Bleue » (Muỗi và con yêu râu xanh) của Paul Guth.

4) Collection « Albums illustrés » của nhà xuất-bản La Farandole.

5) Collection « Pour les jeunes » nhà xuất-bản Flammarion.

6) Collection « Idéal - Bibliothèque » nhà xuất-bản Hachette. Loại này phát hành tiểu-thuyết cho trẻ em. Tỉ dụ : « Sissi l'impératrice » (Hoàng-Hậu Sissi) « Anne et le Roi des Chats » (Anne và Vua mèo)...

7) Collection « Nouvelle Bibliothèque Rose » cũng của nhà xuất-bản Hachette, có nhiều tranh màu ; như cuốn « Les Aventures de Babar » (chuyện phiêu-lưu của Babar).

8) Collection « Enfants du Monde » (Nhi-Đồng Thế-giới). Loại này mục-đích cho trẻ em biết văn-minh các nước trên thế-giới. Như cuốn : « Tacho, Le petit Mexicain » Tacho, thằng bé xứ Mễ-Tây-Cor), do nhà xuất-bản *Nathay* phát hành.

C) *Loại tranh-ảnh có tính cách giáo-dục (Albums-éducatifs)*

— Collection « je voudrais savoir » (Tôi muốn hiểu) của nhà xuất-bản Gautier-Languereau. Loại sách này cốt để giảng-giải cho trẻ con mỗi khi chúng tò mò hỏi « tại sao ». Các bậc làm cha mẹ, nhiều khi bị hỏi bất chợt, không biết thế nào mà trả lời. Bộ sách này chắc giúp ích được nhiều lắm. Có nhiều cuốn như :

« Montagnes et vallées » (Núi và thung lũng).

« Explorons le fond des Mers » (chúng ta hãy mò đáy bể).

« Comment les animaux voyagent-ils ? » (Loại vật du-lịch thế nào !)

D) *Loại tranh ảnh có tính cách tôn-giáo (Albums à caractère religieux).*

1) Bộ sách « Albums Religieux (Tranh Tôn-giáo) » nhà xuất-bản Bonne Presse. — phát-hành những cuốn do các tu-sĩ đạo ki-tô viết như những cuốn : « Jésus de Nazareth » (Đức Chúa Giê-su) của cha Sève, — « Marie, Mère de Jésus » (Bà Marie, mẹ của Chúa Giê-su) do cha Richard viết.

NGHỀ XUẤT-BẢN VỚI LOẠI SÁCH TẾT...

2) Bộ « La Terre Promise » (Đất thánh) của nhà xuất-bản Casterman. — có phát-hành cuốn : « La Belle histoire du Curé d'Ars do nhà văn Michel de St Pierre viết.

3) Bộ « Bibliothèque du Jerme Chrétien » (Tủ sách của người thanh-niên Công-giáo) của nhà xuất-bản Desclée de Brouwer.

4) Bộ « Albums Religieux » của nhà xuất-bản Mame — Phát-hành cuốn : « Et Dieu créa le Ciel et la Terre » (và Thượng-đế đã tạo ra giới đất).

*
* *

III — Loại cho trẻ em từ 9 đến 14 tuổi

A) Loại chuyện và tiểu-thuyết.

1) Bộ « L'alouette » (Chim sơn ca) do nhà x.b Bourrelier chủ trương. Bài hay, giấy tốt, đóng rất đẹp. — có những cuốn đã phát hành như : « L'oiseau bleu et autres contes » (con chim xanh và nhiều chuyện khác nữa), — « Le Royaume des Fleurs » (Xứ sở của trăm hoa !)

2) Bộ « Le Rameau vert » (cành xanh tươi) nhà x. b. Casterman. Sách in đẹp. Có những cuốn như : « Mission dans l'Arctique » (Thám-hiểm Bắc Băng dương)...

3) Bộ « Bibliothèque des Belles Œuvres » (Tủ sách những tác phẩm hay) của nhà x b Delagrave, có phát hành cuốn chuyện của nhà văn Anh Rudyard Kipling « contes ».

4) Bộ « Belle Humeur » (vui tính) của nhà x.b Desclée de Brouwer — Gồm những tiểu thuyết có tranh vẽ bàn về một công-nghệ, một việc làm, về thể-thao hay về lịch-sử. Đã có những cuốn như : « Toni Sailer,

champion Olympique » (Anh Toni Sailer, nhà quán quân đi tuyết), — « Les Trésors de la Mer Morte » (Những bảo vật của bể chết) .v.v...

5) Bộ « Bibliothèque Blanche » (Tủ sách trắng) của nhà x.b. Gallimard.

6) Bộ « Jean-François » của nhà x.b. Gautier -Languereau — Loại này kể những chuyện có thật, đã xảy ra. Có những cuốn như :

« Amérique An Mille » (Nước Mỹ, năm 1.000.) — « Les Seigneurs de la Jungle » (Những chúa-tể của rừng rậm).

7) Bộ « Nouvelle Bibliothèque de Suzette » (Tủ sách mới của cô bé Suzette) do nhà xuất-bản Gautier-Languereau chủ trương. Loại này dành riêng cho con gái.

8) Bộ « Rouge et or, Série Dauphine » (Vàng Son, Loại Dauphinie) do nhà x. b. G. P. chủ trương. Loại này có nhiều tiểu-thuyết kèm theo tranh ảnh như những cuốn : « L'île fantôme » (Hòn đảo Ma) « Jim-Clark au Grand Nord » (Thằng bé Jim Clark thăm Bắc-Cực)

9) Bộ « Bibliothèque Verte » (Tủ Sách Xanh) của nhà xuất-bản Hachette. Một loại sách rất nổi tiếng, được bọn trẻ hoan-ngênh lắm. Đã phát - hành thêm những cuốn như : « Champion Cycliste » (Quán-quân xe đạp) do Louison Bobet viết, — « Plein Ciel » (Giữa trời) của Marcel Dorret, — « Les Étranges vacances de Michel » (Những ngày nghỉ kỳ lạ của cậu bé Michel) do Georges Bayard viết.

10) Bộ « Nature et Beauté » (Thiên-nhiên và vẻ đẹp) do nhà Larousse chủ-trương. Đã phát-hành nhiều cuốn tranh

Ảnh cực đẹp như : « Le Livre du zoo » (Quyển sách các loài vật trong Sở thú) — « Le livre des Chats » (Sách nói về mèo)

11) Bộ « Ma librairie » (Hiệu sách của tôi) nhà xuất-bản Mame. Loại này gồm những tiểu-thuyết hay và viết rất cẩn-thận, như những cuốn : « Les clameurs se sont tues » (Tiếng ồn ào đã yên) của Jean Denys ; do P.Y. Trémois minh-họa ; — « Puck et la Joyeuse équipée » (Puck và chuyến mạo-hiểm vui vẻ) của Rudyard Kipling, tranh vẽ của A. du Mesnil.

12) Bộ « Monique » nhà xuất - bản Mame. Dành riêng cho trẻ em gái.

13) Bộ « Junior » nhà xuất - bản Nathan. Chuyên về đời sống loài vật-như chuyện « Mon gendre, l'hippopotame » (Con rể của tôi, con thủy-mã).

14) Bộ « Jeunes filles d'aujourd'hui » (Con gái thời nay) cũng của nhà xuất-bản Nathan. Cho trẻ em gái.

15) Bộ « Contes et Légendes » (Truyện cổ-tích) cũng của nhà xuất-bản Nathan như cuốn : « Contes et Légendes des peuples Turcs » (Truyện cổ - tích dân Thổ-Nhĩ-Kỳ), « Contes et Légendes du pays Niçois » (Truyện cổ-tích xứ Nice, một vùng ở bên Pháp trên bờ bể Địa-Trung-Hải).

B) Loại sách giáo-dục

1) Bộ « Encyclopédies » (Bách - Khoa) nhà xuất - bản Casterman. Có cuốn : « Curiosités du monde animal » (Những sự kỳ lạ của loài vật) do bà Marcelle Verité viết, tranh vẽ của E. Ivanovsky.

2) Bộ « Mon univers » (Vũ-trụ của tôi) nhà xuất-bản A. Colin, đã phát-hành « Le Théâtre » (Kịch), « Les arbres » (Cây cối)...

3) Bộ « Encyclopédies en couleurs » (Bách-Khoa nhiều màu) của nhà xuất-bản Hachette. Có những cuốn như : « Le Monde raconté à tous » (Thế-giới, chuyện kể cho mọi người) do hai tác-giả G. Monlaü và P. Probst, viết chung) — « Les Grandes industries » (Những kỹ-nghệ chính).

4) Quyển thứ Nhất bộ « Encyclopédie pour la Jeunesse » (Bách-Khoa cho thanh-niên) của nhà xuất-bản Larousse.

5) Bộ « Je sais... je sais » (Tôi biết,... tôi biết) nhà xuất-bản Mame, có những cuốn như : « Comment naissent les microbes » (Vi-trùng sinh sản ra sao ?) — « Soigner bébé comme Maman » (Chăm chút em bé như Mẹ)...

3) Loại tranh đĩa (Albums-disques) nhà x.b. G.T Rageot. Tranh vẽ kèm theo đĩa âm-nhạc về những nhạc-sĩ trứ-danh như : Lully, Hector Berlioz — Mozart,

IV Cho trẻ em từ 11 đến 15 tuổi

A) Tiểu thuyết và chuyện phiêu lưu.

1) Bộ « Junior-Club » nhà x.b. Brépols.

2) Bộ « Mistral » nhà x.b. Casterman, phát hành những chuyện phiêu lưu mạo hiểm có tranh vẽ, như cuốn :

« La Tempête de Neige » (Bão tuyết) của nhà văn Nga Pouchkine « L'homme à l'oreille cassée » (Anh chàng gãy tai) của nhà văn E. About.

3) Nhà xuất-bản « con sóc » (Editions de l'Ecureuil) phát hành những chuyện lịch sử, như « Roland » (Lịch sử một vị anh hùng Pháp).

4) Bộ « Les livres de Berthe Bernage » (Những sách của cô bé Berthe Bernage) nhà

NGHỀ XUẤT-BẢN VỚI LOẠI SÁCH TẾT...

x.b. Gautier-Languereau — dành riêng cho con gái.

5) Bộ « Rouge et or, série Souveraine » (Vàng son, loại Souveraine) nhà x.b. G.P

B) Loại sách thời sự

Bộ « Grand Pavois » của nhà x-b. Gedalge. Có những cuốn như : « Histoire du tour de France » (Lịch sử thi xe đạp vòng quanh nước Pháp), « Lutttes et jeux » (Đánh vật và trò chơi).

C) Loại sách đồ chơi (Livre jeu). Loại này do nhà x-b Hachette mới sáng chế ra. Nó vừa có một cuốn sách kể truyện kèm theo một bộ đồ chơi vui có liên quan đến truyện. Đã ra một cuốn. « Le Tour du Monde en 80 jours » (Vòng quanh thế giới trong 80 ngày); cho trẻ em gái, và một cuốn nữa cho con gái : « Laurette et la fille des Pharaons » (Cô bé Laurette và Công Chúa nước Cổ Ai-Cập)

* *

V. Loại cho thiếu niên từ 14 tuổi trở lên :

A) Tiểu-thuyết và chuyện :

1) Hai bộ « Rubans Noirs » và « Rives et Courants » của nhà xuất-bản Alsatia.

2) Bộ « Prélude » của nhà xuất-bản La Farandole. Có cuốn : « Voyage d'un naturaliste autour du monde » (Chuyện du lịch quanh hoàn-cầu của một nhà vạn-vật-học) tác-giả : Charles Darwin.

3) 2 bộ « Marabout junior » cho con gái và « Marabout Mademoiselle » cho con gái của nhà xuất-bản Gérard.

B) Loại sách đẹp :

1) Club des Jeunes amis du Livre » (Câu lạc-bộ những bạn trẻ yêu sách) — đã phát-hành cuốn « Ivanhoe » của Walter Scott...

2) Loại « Jeunes Bibliophiles » (những người thanh-niên yêu sách) của nhà xuất-bản Gautier-Languereau đã phát-hành.

« Vent d'Est, vent d'Ouest » (Gió Đông Gió Tây) của nữ-sĩ Pearl Buck. — « Nuits sans lune » (Đêm không trăng) của nhà văn Mỹ John Steinbeck.

C) Loại sách Tài-liệu :

1) Bộ « Tout par l'image » (Toàn tranh ảnh) của nhà xuất-bản Hachette, đã phát-hành : « Neige et Roc » (Tuyết và đá)..

2) Bộ « Vie active » (Đời hoạt-động) của nhà xuất - bản Larousse như những cuốn : « L'automobile et ses grands problèmes » (Ô - tô và các vấn - đề chính của nó), — « L'Aviation Nouvelle » (Hàng-không hiện thời) — Grandes découvertes du XX^e siècle » (Những khám phá của thế-kỷ thứ hai mươi.)

D) Loại sách về Mỹ-thuật (Livres sur l'art).

Loại « Petite histoire de l'art et des artistes » (Cuốn sử nhỏ về nghệ-thuật và các nghệ-sĩ.) Nhà xuất-bản : Nathan. Đã phát-hành.

« La Sculpture et l'Architecture » (Điêu khắc và kiến-trúc), — « La Musique et les Musiciens » (Âm-nhạc và các nhạc-sĩ).

* *

Đã nói đến sách nhi đồng, chúng ta cũng nên biết qua tình trạng báo chí cho nhi đồng ở bên Pháp. Theo một cuộc điều tra vừa mới đây, nhà xuất bản Hachette có cho ta

biết rằng tính trung-bình mỗi trẻ con Pháp từ 7 đến 15 tuổi đã bỏ ra hàng tháng 550 quan tiền túi để mua báo đọc (độ chừng 55 đồng bạc ta) biết rằng hiện giờ dân số Pháp là 45 triệu người trong đó có chừng 11 triệu trẻ con hạng ấy, ngành báo chí đã thu hút hàng năm 80 tỉ quan. (80 milliards de francs).

Với sự phát triển của mọi ngành sinh hoạt hiện thời, các trẻ con cũng đã tiến hóa một cách rất nhanh chóng. Càng ngày chúng càng đòi hỏi những thức ăn tinh thần hợp với chúng, và dành riêng cho chúng. Chúng cũng « khó tính » hơn xưa. Dù là sách vở hay báo chí, dù là đồ chơi hay dụng cụ, chúng cũng muốn người lớn nghĩ đến chúng, phải tự hạ đến trình độ của chúng để làm cho giới nhi-đồng được vừa lòng. Ta cứ xem hiện giờ bên Pháp có 150 tờ báo cho thiếu nhi. Tờ nào cũng do những người nhơn viết. Những người này đều là những nhà bình bút có tài, chuyên viết cho trẻ em và có thực học cả. Tờ báo nào cũng có mục văn chương, mục phê - bình nghệ

thuật, mục về khoa học, về ô tô, tàu bay, mục thể - thao. v. v... Làm một tờ báo cho nhi đồng cũng khó như làm một tờ báo cho người lớn, và có nhiều khi lại còn khó khăn hơn nữa, vì nếu hơi sai là bị chính-phủ, hoặc các nhà giáo, hay các độc giả cha mẹ của trẻ con phê-bình. Thêm vào đó vì sự cạnh tranh gay gắt trên phương diện thương mại, báo chí sống về nhi đồng lúc nào cũng phải cố gắng để càng ngày càng hay lên. Theo bản thống-kê của nhà xuất bản Hachette thì hiện thời bên pháp, có cho trẻ em :

— 23 tờ báo hàng tuần .

— 18 tờ báo nguyệt san (2 lần một tháng)

— 93 tờ nguyệt san

và — 24 tờ phát hành không có định kỳ chắc chắn.

Trong mỗi một tuần, có 23 tờ xuất bản, trong đó 11 tờ phát hành hơn 10 vạn số. Để độc giả có một ý niệm rõ ràng hơn, tôi xin lược đăng số in hàng tuần của 11 tờ đó :

	Số	Hàng tuần
1) Le Journal de Mickey	660.000	—
2) Tintin	230.000	—
3) Vaillant	210.000	—
4) Friponnet et Marisette	210.000	—
5) Coeus Vaillants	190.000	—
6) Âmes Vaillantes	160.000	—
7) Lisette	150.000	—
8) Spiro	140.000	—
9) Fillette	125.000	—
10) Nano Nanette	110.000	—
11) Bernadette	110.000	—

Trong 11 tờ đó, dĩ nhiên là tờ Mickey và Tintin bán chạy nhất. Tờ « Journal de Mickey » tuy gốc tích ở Mỹ (ai cũng biết là Walt Disney đã tạo ra nhân vật Mickey) nhưng Mickey Pháp khác hẳn Mickey Mỹ. Thằng bé Mickey Pháp có hoàn toàn điệu bộ, cử chỉ một đứa con Pháp. Nó chỉ còn giống thằng Mickey Mỹ ở hình dáng mà thôi. Tờ báo này có hơn một triệu độc giả nhi đồng đọc. Và hình ảnh Mickey chỗ nào ta cũng thấy. Trong hiệu sách, hiệu bánh, hiệu bán đồ chơi, chỗ nào cũng có. Có những thằng Mickey bằng cao su, bằng bìa, bằng giấy, bằng bánh ngọt. Có những «tem» Mickey trên nắp các hộp kẹo, hộp bánh, hộp sô-cô-lê (chocolat)...v.v...

Tờ Tintin tự nhận là tờ báo cho hạng trẻ từ 7 đến 77 tuổi » là tờ bán chạy nhất ở Pháp sau tờ Journal de Mickey. Nhân vật Tintin do một nhà họa-sĩ Bỉ tạo ra năm 1930. (có lẽ gần một thời với Lý Toét báo Phong Hóa ở Hà Nội). Nhà Họa sĩ này tên thật là Georges Rémy, sau đổi là Hergé (do 2 chữ R.G mà ra). Tờ Tintin đã được dịch ra 15 thứ tiếng. Tintin và Mickey là 2 nhân-vật được trẻ con biết đến hơn là các nhà chính trị đương thời. Kể cũng là một hiện tượng lạ, đáng để cho các nhà xã-hội

học nghiên cứu. Ngay đến các nước cộng-sản là những nước vẫn sợ sự xâm nhập văn hóa « tư bản », bây giờ cũng đã cho phép trẻ con đọc Mickey. Mickey có lẽ vì thế là nhân-vật độc - nhất được xã - hội Cộng-sản nhìn nhận... Muốn cho bài này được đầy đủ, tôi cũng cần phải nói là tờ báo thứ ba « *Vaillant* » do một nhóm biên tập có khuynh-hướng Cộng-sản và tờ thứ tư *Fripounet et Marisette* thì lại có tính cách tôn-giáo hơn. Tuy vậy hai tờ ấy đều bán chạy ngang nhau (210.000 số). Tuy mục-đích trái hẳn nhau, hai tờ báo ấy cũng rất thận trọng trong sự « tuyên truyền » và không bao giờ dám « làm quá » !

Để kết-luận chúng, ta thấy rằng bên Pháp, một nước ít trẻ con (so với những nước khác như Mỹ, Nhật, Anh, Đức) ngành in và xuất-bản báo - chí cho thanh thiếu nhi cũng đã đến một trình-độ khá cao. Nước ta với một số trẻ em ít bằng nửa bên Pháp, nghề xuất-bản báo chí cho nhi-đồng có thể tiến mạnh nếu các bậc phụ-huynh và các nhà thương mại biết noi gương các nước tiên tiến mà cùng nhau hợp tác để giúp bọn trẻ có một món ăn tinh-thần xứng-đáng.

*
* *

DANH SÁCH CÁC NHÀ XUẤT-BẢN VÀ CÁC BỘ SÁCH PHÁT-HÀNH (có nói đến trong bài này) :

- 1) *Alsatia* a) bộ « Prince Eric » (từ 7 đến 10 tuổi)
b) bộ « Rubans noirs » (từ 14 tuổi trở lên)
c) bộ « Rives et courants » (—)
- 2) *Armand Colin* : — Bộ « Mon Univers » từ 9 đến 14 tuổi)
- 3) *Bias* a) « Mon Bel Album » (Dưới 8 tuổi)
b) « Anémones » (7 đến 10 tuổi)
- 4) *Bonne Presse* : — « Albums Religieux (7-10 tuổi)
- 5) *Bourrelier* : « L'Alouette » (9-14 tuổi)

6) *Brépols* : « Junior-Club » (11 — 15 tuổi)

7) *Casterman* {
 a) « Farandole » (dưới 8t)
 b) « Collection Hergé » (7-10t)
 c) « Plaisirs des Contes » (7-10t)
 d) « La Terre promise » (7-10t)
 e) « Le Rameau Vert » (9-14t)
 f) « Encyclopédies » (9-14t)
 g) « Mistral » 11-15t)

8) *Claire Fontaine* : « Albums-Photos d'Ylla » (dưới 8t)

9) *Delagrave* : Bibliothèque des Belles oeuvres » (9-14t)

10) *Desclée de Brouwer* : a) Album du Petit Berger » (dưới 8t)
 b) « Albums-disques » (—)
 c) « Bibliothèque du jeune Chrétien » (7-10t)
 d) « Belle Humeur » (9-14t)

11) *Dupuis* : « Spirou » : (7-10t)

12) *Édition de l'écureuil* : « Contes » (11-15t)

13) *La Farandole* ; a) « Albums-disques » (dưới 8t)
 b) « Albums illustrés » (7-10t)
 c) « Prélude » (từ 14t trở lên)

14) *Flammarion* : a) « Album du Père Castor » (Dưới 8t)
 b) « Pour les Jeunes » (7-10 tuổi)

15) *Gallimard* : « Bibliothèque Blanche » 9-14 tuổi)

16) *Gautier-Languereau* :

a) « Albums Merveilleux » (Dưới 8t)
 b) « Bécassine » (7-10t)
 c) « Je voudrais savoir » (7-10t)
 d) « Jean François » (9-14t)
 e) « Nouvelle Bibliothèque de Suzette » (9-14t)
 f) « Les livres de Berthe Bernage » (11-15t)
 g) « Jeunes Bibliophiles » (từ 14 tuổi trở lên)

NGHỀ XUẤT-BẢN VỚI LOẠI SÁCH TẾT ...

- 17) *Gedatge* : a) « Albums-disques » (Dưới 8t)
b) « Grand Pavois » (11-15t)
- 18) *Gérard et C^{ie}* : a) « Marabout junior » (14 tuổi trở lên)
b) « Marabout Mademoiselle » (14 tuổi trở lên)
- 19) *G.P.* a) « Rouge et or, série Dauphine » (9-14t)
b) « Rouge et or, Souveraine » (11-15t)
- 20) *Hachette* : a) « Grands Albums » (dưới 8t)
b) « Nouvelle Bibliothèque Rose » (7-10 tuổi)
c) « Idéal - Bibliothèque » (7-10 tuổi)
d) « Bibliothèque verte » (9-14 tuổi)
e) « Encyclopédies en couleurs » (9-14 tuổi)
f) « Livre-jeu » (11-15t)
g) « Tout par l'image » (14 tuổi trở lên).
- 21) *Larousse* : a) « Albums-disques » (Dưới 8 tuổi)
b) « Nature et Beauté » (9-14 tuổi)
c) « Encyclopédie pour la jeunesse » (9-14 tuổi)
d) « Vie active » (14 tuổi trở lên)
- 22) *Mame* : a) « La Ronde du Monde » (Dưới 8 tuổi)
b) « Albums Religieux » (7-10 tuổi)
c) « Ma Librairie » (9-14 tuổi)
d) « Monique » (9-14 tuổi)
e) « Je sais... Je sais » (9-14 tuổi).
- 23) *Nathan* : a) « Enfants du Monde » (7-10 tuổi).
b) « Junior » (9-14 tuổi).
c) « Jeunes filles d'aujourd'hui » (9-14 tuổi).
d) « Contes et Légendes » (9-14 tuổi).
e) « Petite histoire de l'art et des artistes » (từ 14 tuổi trở lên).
- 24) *G.T. Rageot* : « Albums-disques » (9-14 tuổi).
- 25) *Willeb* : « Jeunes Lectures » (Dưới 8 tuổi).

H. Đ.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chieu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chieu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhất

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam-Vang Chi Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

PASTILLES: { **VANCO** MÙI • MENTHE •
 { **CAM** MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cường họng



VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯ'ONG-VĂN-CHÔM

Dược-khoa Tàn-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

● Hồi - ký của QUỲ-BẢO

MỘT THÁNG Ở NHẬT-BẢN

CẢM-tưởng đầu tiên của du khách khi bước chân xuống đất Nhật là sự đông đúc dân chúng. Thực vậy, ít nơi nào vấn - đề nhân mãn được phô diễn rõ rệt bằng tại các đô-thị Nhật-bản. Đường xá, bến xe, nhà ga, phi-trường, đâu đâu cũng đông nghẹt những người là người. Ngay cả đến những danh lam thắng cảnh, hay những di tích lịch-sử, bất cứ ngày nào cũng đầy rẫy từng đoàn người lũ lượt đến viếng cảnh, đông như những ngày hội lớn. Không cần phải nghiên-cứu các bản thống-kê, hay các báo cáo, chỉ nhìn qua, hay nói cho đúng, chen lẫn trong « ồ kiến » người ấy, du khách cũng có thể thông-cảm sự khó khăn của chính-phủ và dân-tộc Nhật trong công việc thỏa mãn mọi nhu-cầu, vật chất cũng như tinh-thần, cho linh trăm triệu người dân Nhật sống trên một diện-tích không lớn hơn Việt-Nam là bao nhiêu.

I Vấn-đề sống còn : Vấn - đề quan - trọng, và có lẽ nan-giải nhất cho một dân-tộc đông đảo như dân Nhật, chính là làm sao tìm đủ cơm ăn áo mặc cho hết thảy mọi người. Đất Nhật vốn đã hẹp, mà lại nghèo nàn. Núi non chiếm một phần lớn diện-tích ; phần còn lại thiếu chất bồi dưỡng. Một nhân-viên canh-nông Nhật nói với tôi rằng mặc dù có cải-thiện việc ăn uống mấy đi nữa, người Nhật vẫn thiếu chất bồi dưỡng vì đất đai quá nghèo nàn. Gia dĩ khí hậu cũng không rộng lượng gì với dân Nhật. Bầu trời Nhật thường lạnh lẽo, âm thấp và đầy sương mù.

Vì vậy, việc trước nhất người Nhật chú ý là cải - thiện nông - nghiệp và khoa - học hóa việc dinh dưỡng. Ruộng đất được khai thác đến triệt để. Từ những châu thổ nhỏ hẹp, đến những núi non cao chót vót, bờ đường, bờ đê, sau hè nhà, chỗ nào trồng

được là người Nhật không bỏ qua. Đất xấu, họ dùng phân bón để nuôi cây; khí hậu lạnh, họ dùng những cái màn bằng nhựa trong chụp lên ruộng cho mạ khỏi chết; họ ghép dưa hấu lên bí; đặt dây điện ngầm để sưởi ấm khoai lang; nói tóm lại chiến đấu với thiên nhiên không kém phần cương-quyết và bền bỉ như binh lính họ đã chiến đấu với địch quân trong trận chiến-tranh vừa qua vậy.

Thiếu thịt, họ dùng rong và cá. Rong, họ biến-chế thành từng tấm mỏng như giấy, dùng để cuốn cơm lại thành từng cuốn như ta cuốn thịt nướng và chấm xì - dầu. Cá họ ăn bằng nhiều cách, nhưng họ thích nhất món cá sống. Không những cá mà đến tôm, sò, mực, họ đều thích ăn sống cả. Họ cắt cá, tôm v.v. thành từng lát nhỏ, dài và to bằng một ngón tay, và dùng để kẹp với cơm mà ăn. Mặc dù nghèo nàn, họ cũng cố-gắng tổ-chức việc tiêu-thụ sữa thật chu đáo. Nhà nào cũng uống sữa tươi hằng ngày. Sữa được diệt - trùng, đựng trong những chai vuông, và mỗi sáng có người phân-phát tận nhà. Sự tổ-chức này chu đáo không kém gì ở Anh và Mỹ, chỉ khác một điều là nước Nhật nghèo nàn gấp bội. Để giúp việc tăng-gia sản-xuất, người Nhật đã hết sức lợi-dụng khoa-học.

Từ những cánh đồng rộng bao-la đến những mảnh vườn chỉ có vên - vên hai ba vòng cải, đều được vun trồng theo đúng phương - pháp. Những hợp-tác-xã đều có người phụ-trách nghe tin-tức khí-tượng mỗi đêm để loan báo cho xã viên ngay sáng hôm sau, trước khi họ ra đồng. Những máy cày nhỏ, mạnh độ một hay hai mã - lực, những máy bơm vừa đủ tưới một vài mẫu tá, nhan-nhan khắp nơi trong đồng quê Nhật-

Bản. Và điện! Điện khắp nơi. Trên khắp các nẻo, đi đâu bạn cũng gặp những tháp sắt cao ngất nối đuôi nhau chạy tận chân trời chuyền những bó dây điện lớn, đem điện có điện thế cao phân - phát cho mọi vùng. Người Nhật cũng không bỏ quên sông ngòi của họ. Họ uốn nắn "giáo-dục" từng cái suối con mọt, và tận-dụng khả-năng của chúng. Có lẽ không có một con sông, một ngọn suối nào, mà không được sửa sang lại cho ngay dòng, mà hai bên bờ không có thành xây hay đê đất để tránh sự xoi lở, mà không được dùng để tưới ruộng, chạy máy điện, hay ít ra là tô điểm cho một thắng cảnh nào đó. Nếu du - khách đi về miền núi, mà ở Nhật đi hướng nào chả gặp núi, thỉnh-thoảng khách sẽ thấy một ống lớn chạy từ trên núi xuống chân. Hỏi ra mới biết trên đỉnh những núi ấy có những dòng nước nhỏ. Người Nhật tụ họp những dòng nước đó lại, và để có thể tận dụng chúng, cho chúng chảy ngay vào những ống nọ dẫn đến những nhà máy thủy điện ngay dưới chân núi. Thật không phí một giọt nước!

II.—Thay đổi chính-sách thị-trường:
Chúng ta ai cũng biết hàng Nhật rẻ có tiếng, nhưng cũng ... xấu có tiếng. Nhưng sau chiến-tranh người Nhật thấy cái tiếng ấy không có lợi, họ bèn thay đổi hẳn chính-sách. Ngày nay, kỹ-nghệ Nhật cố sản xuất những hàng hóa thật tốt để cạnh tranh với các nước khác. Và họ đã thành công. Máy may Nhật tốt không kém gì máy may Ý, máy ảnh Nhật nổi tiếng khắp thế-giới, radio Sony là một vật thông dụng ở Việt-Nam. Ai cũng biết người Nhật xuất cảng xe buýt sang tận Nam Mỹ; ký giao kèo làm xe GMC chạy dầu nặng. Một vị đại - diện một công ty kỹ - nghệ Mỹ

mà tôi đã gặp ở Tokyo lại còn cho tôi biết rằng Nhật bán transistors sang Mỹ và nhiều nước khác để những nước này lắp vào radio họ để cung cấp cho cả thế-giới. Lý-do : transistor của Nhật vừa tốt vừa rẻ. Nước Nhật có lẽ là quốc-gia duy-nhất ở Á-châu có đủ mọi kỹ-nghệ năng-nhẹ để cung cấp tất cả máy-móc cùng dụng-cụ cần thiết cho dân chúng trong xứ. Từ đầu máy xe lửa, máy-bay, ô-tô, đến vô tuyến truyền hình, ra-điô, máy may v. v. người Nhật đều có thể làm lấy, và có thể xuất cảng ra để cạnh-tranh được với mọi nước khác. Một lý-do làm cho hàng hóa các nước khác khó cạnh tranh được với hàng Nhật là nhân công Nhật rất có khả-năng chuyên-môn mà lương lại rẻ. Lương một người thợ máy lành nghề ở Nhật mỗi ngày tương-đương đối với hai Mỹ-kim, trong lúc đó ở Mỹ, lương một nhân-viên như vậy lên đến 5 Mỹ-kim trong một giờ. Tuy nhiên, không phải vì vậy mà nhân-công Nhật bị bóc-lột. Ngoài thực-phẩm ra, hàng hóa ở Nhật rất rẻ. Hằng năm, nhân công lại được chia lời của các công-ty. Người Nhật lại có tục lệ rất hay là mỗi khi nhân-công về hưu, hãng sẽ tặng một số tiền lớn, tùy theo thời-gian làm việc với hãng. số tiền này có thể lên đến hàng triệu yên, đủ để mở một công-đoanh nho nhỏ.

III Chuyên hướng chánh trị : Trong lúc một số đông thanh-niên còn uất ức vì nước họ bị thua trong trận thế chiến vừa rồi, những người đứng tuổi và lịch duyệt đều cho rằng sự chiếm đóng của Mỹ đã đem lại một ảnh hưởng tốt cho nền chính-trị Nhật-bản. Thời trước và trong lúc chiến tranh, tuy nước Nhật sống dưới chế độ quân chủ lập

hiển, bao nhiêu quyền hành đều ở trong tay một nhóm tài phiệt hay quân phiệt thiểu số hết cả. Những chính sách đối ngoại, những đường lối và tổ chức kinh tế đều nhằm mục đích gây lợi cho một thiểu số đại tư bản. Sức sản xuất của Nhật-bản lúc đó tuy có cao, nhưng đều để phụng sự hoặc chiến tranh hoặc nhóm chủ nhân vừa nói trên. Đời sống của đa số quần chúng vẫn lam lũ và thiếu thốn không kém gì dưới thời quân phiệt. Bây giờ thì khác hẳn. Các quyền dân chủ được bảo đảm chắc chắn. Các đảng đối lập được tự do tổ chức. Hôm tôi đến, ông Kishi, Thủ tướng đương thời đã vi phạm luật bầu cử trong một lúc đi cò động cho ứng cử viên đảng ông vẫn bị cảnh sát ngăn cấm và dân chúng phản đối như đối với tất cả mọi người khác. Nền kinh tế cũng được dân chủ hóa. Ngay sau khi chiến tranh chấm dứt, nhờ sự can thiệp của chính phủ Mỹ, một chương trình cải cách điền địa rộng lớn được thực hiện, địa tô và tiền lãi được hạ xuống, các hợp-tác-xã nông-nghiệp được thành lập, sự phân phối lợi tức toàn quốc được quân bình hơn. Đồng thời các ngành sản xuất kỹ nghệ cũng được hướng về mục tiêu phụng sự phần đông dân chúng, như sản xuất máy cày nhỏ khoảng một hay hai mã lực, sản xuất xe chuyên chở ba bánh rẻ tiền cho nông dân dùng. Ở Tokyo và các tỉnh tôi đặt chân đến, những phương tiện chuyên chở công cộng như xe lửa, tàu điện, ô-tô-buýt nhiều vô kể, còn xe du lịch thì trái lại rất hiếm. Nhiều hợp-tác-xã nông-nghiệp còn đảm nhiệm việc phân phối điện lực và điều hành hệ thống điện thoại để cho xã viên dùng. Một phần lớn khả năng của chính phủ được dùng để giáo dục dân chúng, qua các cơ quan khuyến nông, cải thiện sinh hoạt gia đình v. v. với một số

MỘT THÁNG Ở NHẬT-BẢN

nhân-viên đủ để hoạt động khắp hang cùng ngõ hẻm.

IV. — Tinh thần tồn cổ : Mặc dù người Nhật cố gắng duy tân hẳn đời sống ngoài xã hội và sự sinh hoạt kinh tế, họ vẫn cố gắng giữ những tập quán cổ truyền khi nào có thể được, và bảo tồn các di tích lịch-sử của họ. Những đền đài danh tiếng ở Nikko, Kyoto v.v. được tu bổ quanh năm, và vẫn giữ được vẻ nguy nga tráng lệ như mới vậy. Ngay cả đến những vết tích nhỏ nhất, người Nhật cũng cố gắng vun quén, gìn giữ chống lại sự xâm lăng của nền văn-minh cơ giới. Ngay tại trung tâm Tokyo, gần nơi tôi trú ngụ có một mảnh vườn nhỏ cổ kính và trầm lặng khác hẳn quang cảnh náo nhiệt của cả khu phố. Trong vườn rải rác vài cây cổ thụ, mấy vuông cỏ phẳng phiu dẫn đến một đỉnh trâm lớn, và sau cùng hai ba gian nhà tranh giản dị được chăm nom cẩn thận như một báu vật. Hối ra thì là thảo lư của Nãi-Mộc Tướng Quân, vị lục tướng nổi danh trong trận Nhật Nga chiến-tranh đầu thế kỷ. Tinh-thần tôn-trọng di sản cổ truyền Nhật-Bản còn được biểu lộ rõ rệt trong các cuộc thăm viếng của dân chúng có lẽ không có dân chúng nước nào nô nức

thăm viếng các di tích lịch - sử của nước mình như dân Nhật. Bất cứ ngày nào những ga xe lửa cũng đông nghịt những đoàn người thuộc các hội, các hợp tác-xã, các hiệu đoàn, mỗi nhóm có một lá cờ riêng biệt đề đề tụ họp. Họ đi thăm đền đài các vị chúa công ở Nikko, cung điện nhà vua ở Tokyo và Kyoto, tượng đức Phật ở Kamakuru v.v.

Người ta nói rằng nền văn-minh cơ giới dừng ngay ở ngưỡng cửa nhà người Nhật. Câu nói đó không đúng hẳn, vì trong nhà Nhật bản, radio, máy điện thoại, và gần đây, vô-tuyến truyền-hình không phải là hiếm. Tuy nhiên, khi ta đã cởi xong đôi giày, và cửa phòng khách thông ra đường đã khép lại, ta như bước vào một thế-giới hoàn-toàn khác hẳn, một thế-giới của thời nào còn sót lại. Từ cách bày biện trong gian phòng, với tấm thảm bằng chiếu che kín nền, với chiếc bàn tròn thấp đặt giữa phòng và những chiếc gối để ngồi, đến vài bức tranh thủy mặc treo trên vách giấy và bà chủ nhà im-lặng trong bộ áo Kimono, tất cả đều tỏa ra một phong vị cổ kính, thanh nhàn, khác hẳn với vẻ ồn ào náo nhiệt bên ngoài. Ngay cả người chủ nhân ngồi tiếp chuyện với ta cũng thay đổi hẳn.

- * Có nhiều người có khả năng tiến bộ mà ta không biết. Không đến nỗi có nhiều người vô dụng quá như ta vẫn tưởng. Khi ta cho một người nào là vô giá-trị, đó thường là bởi ta chưa khám phá ra được giá-trị của người ấy (Courtois).
- * Bạn hãy đặt cùng một số người dưới quyền chỉ huy của hai vị cầm đầu. Vị biết làm cho số người ấy phấn khởi, xác tín sứ mệnh cao cả phải thật hiện, tất sẽ khiến được họ trở nên tận tâm với sứ mệnh, và chắc chắn vị ấy sẽ thành-công. Còn vị luôn miệt mài phàn nàn kẻ dưới quyền làm việc không đặc lực hết trách mắng người này lại làm thói chí người kia, chắc chắn sẽ đi tới thất bại (P. Delsuc).

Ở ngoài phố, ông ta hấp tấp, nhanh nhẹn thật đúng là con người của kỹ - nghệ và thương - mại. Giờ đây, trong bộ áo cổ truyền, bên chén rượu sa kê, ông ta như sống bằng một bản ngã khác, bản ngã Nhật bản cổ truyền.

Tuy nhiên, tinh-thần tồn cổ Nhật - bản không phải bao giờ cũng dành cho du-khách những thú-vị. Ai đến Nhật cũng phải khó chịu lúc đi tìm địa-chỉ người quen, vì công việc này vừa mất thì giờ, vừa . . . tốn tiền taxi. Ở Nhật, người ta vẫn giữ cách gh địa chỉ thời xưa là đánh số nhà theo thứ-tự thời gian xây cất, và nhiều đường phố cong queo, cách quãng nhau mà vẫn mang cùng một tên. Nhiều khi có đến hàng trăm nhà cùng mang địa - chỉ hoàn toàn giống nhau. Có một lần tôi đến đúng khu phố một người

quen, và thật sự chỉ cách nhà người đó độ hai trăm thước. Vậy mà hỏi loanh - quanh từ anh lái taxi, đến sở cảnh-sát khu phố, và dân chúng xung-quanh không ai biết cả. Sau cùng đành phải trở về khách - sạn gọi đây nói mời ông ta lại chơi đề dẫn mình về nhà.

Tuy nhiên, ngoài những sự hơi khó chịu và . . . tốn kém như trên, Nhật-bản vẫn gây trong lòng du - khách một cảm-tình tốt đẹp đối với một dân-tộc đã cố-gắng hết sức áp-dụng nền văn-minh khoa-học và kỹ-thuật để nâng cao mức sinh-hoạt của dân chúng mà đồng thời vẫn bảo tồn được những màu sắc và hương-vị cổ truyền làm cho nếp sống đầy thi vị của thời xưa không hoàn-toàn bị hy-sinh cho những tiện-nghĩ tân-thời vậy.

QUÝ-BẢO

- ★ Muốn giúp cho một người tự phát giá-trị, không những cần phải kêu gọi những đức tính hiển nhiên của họ mà còn phải khám phá ra những khả-năng tiềm ẩn của họ nữa (Courtois).

Tiết hạnh

Tiết hạnh của người đàn bà được người phương Đông gìn giữ rất mực trân trọng ; họ quan niệm nó bao gồm và thu tóm tất cả danh-dự của nữ phái. Người phương Tây cũng quan niệm không khác. Boileau có câu thơ :

« *L'honneur est comme une île escarpée et sans bords ;
On n'y peut plus rentrer dès qu'on en est dehors* ». Trình tiết ví như một hải đảo hiểm trở và không bờ bến; Phàm ai đã ra khỏi thì không trở vô được nữa. Tuy nhiên, về trình tiết, người Đông-Phương có một hình ảnh tế nhị hơn : trình tiết tựa như sương mai, giá mỏng, hễ đụng tới thì tan rã ra ngay.

Spring



Thuốc thơm điển đại :
"MÙA XUÂN"

HƯƠNG-VỊ HUÊ-KỲ

**GIÁ
BÌNH DÂN
10%**

DUỆ THU 60

Thành-tích năm mươi năm khoa-học (1900-1950)

(Xin xem B.K. từ số 81)

PHÂN-TÍCH TÂM-LÝ (*Psychanalyse*)

KHOA Phân - Tích Tâm-lý bắt đầu từ năm 1895 với công trình nghiên cứu của Sigmund Freud và từ đó càng ngày càng bành-trướng với một sức mạnh phi thường. Nhiều nhà bác-học có giá trị cũng mê mải với ngành này. Nhưng trong lúc đó, cũng có nhiều người, học-lực kém cỏi thấy thời-thượng ngả về phân-tích tâm lý, nên cũng theo, lợi dụng khoa này, mục đích chỉ để trục lợi những người nào quá tin. Những hạng này không thể coi là những nhà tâm lý học chân chính, nhưng không phải vì thế mà chúng ta dám chê Phân-tích tâm-lý là một môn học bịp-bợm hay « lang băm ». Nhờ có những sự khám phá

của ngành phân tích tâm lý mà bây giờ chúng ta mới được biết quan hệ của sự hoạt-động về tinh thần của « vô-ý-thức » (*inconscience*). Vai trò rất quan trọng của tính-dục (*sexualité*) và của các kỷ niệm để lại trong thời trứng nước, ảnh hưởng rất lớn đến nền « vô-ý-thức » đó và đến nay ai ai cũng đều phải công-nhận. Lý-thuyết của Freud về sự thành hình những mặc-cảm (*Complexes*) vì đè-nén về tinh thần (*refoulement*), đã giúp nhiều thầy thuốc chữa được một số bệnh thần-kinh (*névroses*). Trái lại, về nhiều điểm khác, các quan-niệm của Freud có vẻ hơi liễu-lĩnh, táo-bạo và đôi khi có tính cách « siêu-hình » (*métaphysi-*

que) là đảng khác ! Thi-dụ : Freud định giảng-giải sự lo-âu, khô-muộn (angoisse) của một số người, bằng cách dẫn chứng rằng con người ta lúc mới sinh ra, đã bị « tổn-thương » (traumatisme). Ngoài ra, Freud cũng còn đề-nghị một giả thuyết về cách « đoán mộng » (interprétation des Rêves). Giả thuyết này khởi thủy bằng những lý-luận cực kỳ lý-thú và tài tình ; nhưng dần dà, Freud càng ngày càng đi sâu vào sự « tán rộng » đưa đến những lập luận kỳ-cực, ngông cuồng... Cũng vì những lý thuyết quá táo-bạo của Freud, cho nên chính trong môn - phái của ông, đã phát sinh ra mấy trào-lưu khác để phản đối lại. Trong đám người đứng ra đối lập, ta có thể chia làm 3 nhóm khác nhau : một nhóm có tính cách cải-lương (réformateurs) một nhóm có tính cách bất-phục (dissidents) và nhóm cuối cùng chủ-trương một lý-thuyết có thể coi như là một « tà-thuyết » (hérésiarques). Những người nổi tiếng nhất trong nhóm đối lập, ta phải kể đến Adler. Adler cho rằng chính tự-ty mặc-cảm (complexe d'infériorité) mới là động-cơ chi phối mọi hành động, trái lại với học thuyết của Freud cho cái gì cũng là do ở sự thèm muốn nhục dục mà ra (pansexualisme : phiếm-tính-luận). C. Yung thì cho rằng ý thức của con người đều là do ở chỗ « vô-ý-thức » (inconscient) mà ra cả. Ông Yung cũng là một nhà tâm lý học có danh tiếng. Năm 1941, ông Spitz đã nhận xét ra rằng người mẹ rất cần cho sự chổng lớn của con nít, và sự « hiện diện » của bà mẹ có ảnh

hưởng lớn đến đời sống tinh thần lẫn vật chất của đứa trẻ.

Ngoài phái « Phân tích tâm lý » do ông Sigmund Freud (người nước Áo) chủ trương, ta còn phải kể đến một môn phái khác, thành lập và bành trướng nhiều nhất ở bên Mỹ. Tức là phái theo học-thuyết « Hành-động tâm-lý » (Behaviourisme). Đứng đầu là Watson. Năm 1913, Watson đứng lên tuyên bố là ông theo lý thuyết « phản-xạ duy vật » (réflexologie matérialiste) của nhà sinh-lý học Nga Pavlov và Bechterev. Ông phủ-nhận ý thức (conscience) ông cũng phủ-nhận cả phương-pháp nội-tĩnh (introspection). Ông chủ-trương rằng tâm lý-học học chỉ cần phải chăm chú đến sự nghiên cứu mọi thái-độ, mọi hành-động mà thôi. Watson cũng như một người mới quy-y tín-ngưỡng mới, muốn phá đổ công trình của phái « phân-tích tâm-lý » và cũng vì lẽ ấy, càng đi đến chỗ độc-đoán và cuồng-tín. Lập-trường của học phái Watson vì đến độ thái quá, nên lại bị một nhóm khác đánh đổ. Đó là nhóm « Tâm-lý học hình thức » (Psychologie de la forme, - Gestaltisme) do mấy nhà tâm-lý học bên Đức chủ trương như Wertheimer, Koehler và Koffka—Cả ba người này đều là môn đệ của Stumpf...

Nói tóm lại nhờ ảnh hưởng của 3 phái : phân tích tâm lý, hành động tâm lý, và hình thức tâm lý mà nền tâm-lý học đã tiến được một bước khá dài. Nhưng ta cũng nên nhớ rằng ngoài một số học-giả nghiên cứu tâm lý con người, còn có nhiều nhà tâm-lý học khác tin rằng cần phải đặt vấn

để nghiên cứu tâm lý loài vật lên trước nhất. Vì vậy có những người như Keeble, Gamble, G.Bohn đã mất công học về trí nhớ của loài ruồi, Von Frisch năm 1924, cam đoan rằng loài ong trao đổi cho nhau tư-tưởng bằng những cử-động đã lập thành quy-tắc hẳn hoi. Nhiều nhà bác học như Boutan, Drescher, Meyerson, đề tâm học về loài khỉ giống hình người (*Singes Anthropoloides*). Ở bên Mỹ tại phòng thí-nghiệm của Bác Sĩ Yerkes, trường Đại Học Yale cũng chuyên khảo về loại khỉ này. Nhóm bác-sĩ Yerkes tin rằng loài khỉ cũng biết dùng các dụng-cụ giản dị, cũng biết học tập và cũng có ít nhiều trực-giác (*intuition*).

Trong 9 tháng, từ hôm 26-6-1931 đến hôm 28-3-1932, hai vợ chồng nhà tâm-lý học người Mỹ tên là L.A.Kellog đã nuôi chung với đũa con giai của họ tên là Donald mới 10 tháng rưỡi, một con khỉ cái tuổi 7 tháng rưỡi. Con khỉ cái này họ đặt tên là Guá. Trong khi hai vợ chồng ông Kellog nuôi nó cùng với con giai của họ, họ không cho khỉ mẹ được đến gần. Trong 9 tháng liền, họ dò xét xem giữa khỉ và con giai của họ, có những sự gì giống nhau và khác nhau. Họ nhận thấy rằng sau 9 tháng đó, đũa con giai của họ có phần tiến hơn con khỉ cái, nhưng không phải là trong đủ tất cả các phương-diện...

Lại còn nhiều nhà bác học khác, như Koffka, Cooley, Piaget, Wallon,

chuyên tâm nghiên cứu vấn đề tâm-lý trẻ con (*psychologie de l'enfance*, còn gọi là *paidologie*) và tâm lý bọn thanh thiếu niên (*psychologie de l'adolescence*, còn gọi là *Hébélogie*). Công cuộc khảo cứu của các nhà bác học đó đã được dùng làm giường cột cho các phương pháp giáo dục trẻ con và thanh niên hiện thời. Ông Piaget là người đã khám phá ra nhiều điều mới lạ về tâm-hồn của trẻ thơ. Về bọn thanh niên trong thời kỳ đang nhớn, các nhà tâm lý học đã tốn công để thăm dò mọi biến chuyển về xác thịt cũng như về tinh-thần, nhất là trong lúc dậy thì (*puberté*), để phát sinh nhiều chứng biến-trạng tinh thần (*Hébéphrénie*) còn gọi là Phá-Qua Bệnh). Ngoài ra, ngay từ thời Freud, người ta đã nói đến sự dò xét tâm lý của một bào thai (*Foetus*) Nhưng từ dạo đó, chúng ta chưa được tin tức gì mới lạ cả... Có nhiều nhà bác học đề ý đến việc nghiên cứu tâm lý của những dân-tộc thường vẫn bị gọi là bán khai, hay dã-man (*primitifs*). Ngành tâm-lý học này lệ thuộc vào Nhân loại học, và Nhân-chủng học, mà chúng ta sẽ có dịp nói đến sau. Những người như Margaret Mead và Ruth Benedict đã chịu khó tự mình đi thám-hiểm vào những nơi hoang-vu nơi các bộ-lạc của các dân tộc chưa văn minh, nung nấu, để « khảo cứu tại chỗ » (*Recherches sur le terrain*) chứ không như một số nhà nhân chủng học chỉ

ĐÃ PHÁT HÀNH MÃI SỐ 7 NGÀY 10-10-1960

bo bo sông ở giữa những đô-thị lớn và khảo sát những tài liệu do người khác gửi từ xa đến. Phương pháp « khảo cứu tại chỗ » đến nay đã được các giới hoan nghênh vô cùng.

Khoa tinh-thần bệnh học, còn gọi là thần kinh bệnh học (Psychiatrie) nhờ công cuộc khảo cứu của nhóm « phân tích tinh thần », nên đã có khả năng chữa được vài bệnh tinh-thần (*maladies mentales*). Nhờ đó mà các thầy thuốc đã có ít nhiều tài-liệu để chia môn loại các bệnh tinh-thần và chỉnh-đốn lại ngành học này. Một vài chứng bệnh đã được nghiên-cứu kỹ càng hơn như bệnh « *paranoïa* » (pa-ra-nô-i-a, Thiên-chấp-cuồng), bệnh Hư-câu, hay

Hư-Trương (*Mythomanie*, bệnh của những người hay bịa chuyện hoang-đường) bệnh tinh-thần phân liệt « hay bệnh si-ngốc (*schizophrénie*). Những người bị bệnh tinh - thần phân liệt phần nhiều sống trong mộng, và mất hết tiếp - xúc với đời sống thực - tại. Ngoài ra lại còn một số bệnh được các nhà y-học kê vào loại bệnh « tinh-thần thân-thể » (*maladies psychosomatiques*) như chứng « ít-si-tê-ri » (*hystérie*) là một chứng loạn-óc điên cuồng, đàn bà hay bị nhiều nhất. Ở bên Việt-Nam ta, những bà thích « đóng bóng » cũng có thể bị liệt vào hạng bệnh Hystérie này, theo lời một vài nhà tâm - lý - học và xã - hội - học . . .

N.T.H.

CÔNG - TY

ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SAN XUAT VÀ BÁN

1— CÁC LOẠI ĐƯỜNG:

- Đường miếng lọc
- Đường cát trắng ngà
- Đường cát trắng tinh
- Đường cát trắng Hiệp-Hòa

2— CÁC LOẠI RƯỢU:

- Rượu đốt 90°
- Rượu thơm 90°
- Rhum Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại:

- Các tiệm tạp-hóa
- Văn-phòng **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**
193 và 203 Trần-hưng-Đạo — Sài-gòn
Đ.T. số 24.454
- Kho 6 Bến Vân-Đồn (Đ.T. số : 21.360)

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

Chận đứng : Mệt mỗi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ :

THIỆU MÁU
MỆT MỎI
YẾU SỨC
BIẾNG ĂN
GAY CÒM
LÀM VIỆC
QUÁ SỨC



TỔNG PHÁT HÀNH : Việt-Nam Dược Phẩm Cuộc

NGUYỄN-CAO-THANG, Dược Sư
34 Đat-lô Nguyễn-Huệ—Saigon

tập thơ «**TỒ ẨM**»

của Anh - Tuyển

★ CÁT-SĨ

CÁCH đây không lâu, trong một cuộc diễn-thuyết về thi-ca Việt-Nam, một thi-sĩ có cho biết hiện thời những tập thơ xuất-bản rất nhiều, song không bán được, vì rất ít người mua. Và theo diễn-giả, đó là tại phần đông thi-sĩ Việt-Nam hay làm thơ bí hiểm, khác với lối diễn-giả của truyện Kiều và phong-dao.

Nhưng nabĩ kỹ, đó chỉ là cách nhận xét bên ngoài, về hình-thức của thi-ca ; nếu đi sâu vào vấn-đề, người ta sẽ thấy nhiều nguyên-nhân về xã-hội, chánh-trị, nó đưa đến một tình-trạng tâm lý và xác-định thị-hiểu của một thời-kỳ. Thử đặt lại truyện Kiều vào buổi Lê-mạt, Nguyễn-sơ, và dưới thời thực-dân, chúng ta sẽ hiểu vì sao tác-phẩm ấy được hoan-ngheh, tán-thưởng. Sở dĩ quyền Lục-Vân-Tiên được phổ-thông trong dân chúng miền Nam, phải chăng vì tập thơ ấy đã phản-chiếu cái sĩ-khí, nho-phong, giữa buổi thiên-hạ loạn-ly, luân-thường đảo ngược ?

Không thấy rõ hiện-trạng của xã-hội, không cảm-thông với nguyện-vọng của đồng-bào, thi-sĩ sẽ tìm những đề-mục lãng-mạn, viển-vông, chỉ thỏa-mãn một nhóm người mơ-mộng, an-nhàn. Anh sẽ thấy mình như lạc lối, bơ-vơ giữa đám đông người và rồi cuộc, tỏ ra một thái-độ kiêu-kỳ, anh tự giam mình trong cái tháp ngà cồ-kính, tưởng rằng như thế sẽ ngồi trên quần-chúng và thấy xa hơn mọi người. Đó là trường-hợp của nhiều thi-sĩ ở xứ ta hiện nay. Trách nào những tác-phẩm thi-ca không ứ-dọng trong các nhà bán sách !

*
* *

Tập thơ «Tồ ẨM» của Anh-Tuyển có lẽ là một lệ-ngoại đối với những điều nhận-xét trên đây. Tôi không dám nói Anh-Tuyển đã nhìn thấy thực-trạng của xã-hội hiện-thời và tôi không cho rằng tập thơ «Tồ-ẩm» là tổng-hợp những ước mong, khao-khát của dân-tộc Việt-Nam. Nhưng Anh-Tuyển đã

quan-sát kỹ-càng, đã tả đúng cảnh sinh-hoạt hằng ngày và diễn được tâm-tình của phần đông trong chúng ta từ gia-dình ra xã-hội.

Ta thấy nơi thi-sĩ một người bạn hiền hiểu biết chúng ta, sống gần-gũi chúng ta, chia vui sót khổ... Bấy nhiêu đó cũng đủ phân biệt Anh-Tuyển với nhiều thi-sĩ đồng thời: người ta không tìm thấy trong thơ Anh-Tuyển những cảnh huyền-hoặc, mơ-hồ, nó lôi-cuốn tâm-hồn xa sự đời, xa thực-tế. Hãy đề cho Hàn-Mạc-Tử đời giường bệnh lên Đà-Lạt ngắm trăng; xin nhường cho Thế-Lữ theo các nàng tiên đến Thiên-thai nghe sáo! Có lẽ sau mấy năm loạn-lạc, chúng ta thích nghe Anh-Tuyển kể lại đời sống thanh-bình ở thôn-quê: một nhà lá ba gian rợp bóng dừa mát-mẻ, chung quanh trồng rau cải, bông hoa. Ngoài vườn bà lão đang đưa vông ru em, trong nhà ông lão ngồi uống trà lẳng-lặng. Ta hãy đến mừng cho anh ba Nghĩa mới vừa mua được "con trâu, Pháo" và đang chống nạnh nhìn trâu sung-sướng mím cười. Ta hãy đi thăm một người bạn nông-dân và thử dùng với bạn một "bữa cơm nghèo" chỉ có cà, canh, và rau muống luộc...

Rời từ thôn-quê ta trở về thành-thị và theo thi-sĩ qua xóm Bàn-cờ đến chợ Vườn-chuối là nơi ta sẽ gặp đủ hạng người trong giới cần-lao. Vào những buổi mưa đêm, đường trơn, gió lạnh, thi-sĩ còn cho ta thấy một cô gái nhỏ bán chè khoai, mang trên vai một gánh đầy, cất giọng rao trong-trẻo, nhưng nghe dường thắm hơi ướt-át...

Một chỗ khác biệt nữa trong thơ Anh-Tuyển là không có một bài nào ca-ngợi tình yêu. Đừng kiếm nơi đây một hình bóng mỹ-miệu hay những câu nồng-nàn, đắm-

đuối, để quyến-rũ những óc non tim yếu. Các độc-giả của Xuân-Diệu, Thế-Lữ, Lưu-Trọng-Lư thời tiền chiến có lẽ ngày nay đã kinh-nghiệm nhiều, đã hiểu đời nhiều, đã chán đọc những bài: gặp-gỡ, đợi chờ, tương-tư, đau khổ... Họ sẽ thích trở về với Tò-ấm để tìm trong ấy những tình yêu thắm-thía, thiêng-liêng: một người con gọi bóng mẹ hiền trong khi nằm giường bệnh "trưa nhà thương" vắng-vẽ. Một người anh nhớ đến người em bé đi xa, trong khi mẹ già mỗi buổi tối nhìn tấm ảnh đọc kinh cầu nguyện. Ai sinh trong cảnh nghèo, có chị là con trưởng, mà không thương người chị đã tận-tâm lo-lắng cho đoàn em? Ai có gia-dình mà không biết những phút "xé ruột đứt gan" khi nghe tiếng rên khê của người yêu trong phòng bảo-sanh im-lặng? Đó là những tình-cảm thông-thường mà ăn sâu trong nhân-úch, nó đã làm cho chúng ta thích đọc *Les Feuilles d'Automne*, *Les voix intérieures* của V. Hugo trong ấy cũng nói đến người mẹ hiền-từ và người vợ gương mẫu

Ra ngoài vòng gia-quyến, thi-nhân không quên tỏ tình thương đối với bằng-hữu, quê hương: một bạn xưa đến chơi nhà, ở một đêm rồi vụt ra đi miền biên-ải, đã được thi-nhân nói đến với một giọng buồn-ngùi. Mặc dầu được an vui trong cảnh mới, thi-nhân vẫn nhớ đến "người bạn nghèo" ở xóm lao-động mà mình đã chung sống mấy năm. Anh đã từng thả hồn đến chốn Hậu-Giang để noi theo con "đường làng" về "quê cũ" viếng "đồng xanh" cho giải lòng thương nhớ...

Có biết bao tập thơ chan-chứa cảm-tình mà tác-giả có lẽ đã dùng nhiều danh-từ, nhiều nghệ-thuật hơn Anh-Tuyển đề

đập mạnh vào tâm não chúng ta. Nhưng khi đọc qua, rồi xếp sách lại, chúng ta không nghe một tiếng ngân, tiếng dội trong lòng. Ta cảm thấy rằng tác - giả chỉ là người thợ sắp chữ, ráp vần, cố nặn ra lời thơ bi - thảm, mà chính mình lãnh - đạm, thân-nhiên...

Thơ Anh-Tuyển không có giọng rên-rỉ, náo - nùng, nhưng đọc qua nghe bồi - hồi, cảm-động. Phải chăng vì tác-giả đã sống trong những cảnh *hiện-thực* mà mình đã gọi lên ? Tình-cảm do đó càng chân-thật, tự nhiên, lại càng khêu được lòng độc-giả.

*
* *

Nói như thế không phải là cho rằng thơ Anh - Tuyển chỉ có một nghệ - thuật quá giản-dị, bình thường. Nghệ-thuật lắm khi là ở chỗ không phô - trương nghệ-thuật. Đọc suốt những bài đặc - biệt nhất trong « Tò-Ấm », chúng ta không thấy tác - giả có dụng công xếp - đặt một khung - cảnh nào để cho ngoại giới ảnh - hưởng đến tâm-hồn của nhân-vật, cũng như Nguyễn-Du đã khóa cô Kiều trong lầu Ngưng-Bích quanh-hiu. Thế mà tình-cảm được diễn ra rất dễ-dàng, càng lúc càng rõ-rệt, khiến cho người đọc cảm thấy như chính mình đang ở trong cảnh, hay đang nghe tác-giả nói lên tâm-trạng của mình. Đó là nhờ tác-giả cố tránh những kỹ-xảo rườm-rà, khéo *phân-tích* những *kỷ-niệm thực*, mà mỗi người trong chúng ta có thể đã sống qua như tác-giả. Muốn kể lại mối cảm-tình sâu đậm đối với người « bạn nghèo » xưa kia, tác-giả không cần phải tưởng-tượng một đêm mưa dầm, ngồi dưới bóng đèn mờ nhớ đến số phận những người lao-động v.v.. Anh chỉ chắc ngay đến năm tân-cur

phải bỏ nhà ở tỉnh chạy lên Sài-gòn, sống trong một căn nhà lá gần « anh xe ngựa », chính là người bạn tốt của anh :

..... Anh đánh xe, tắm ngựa, rửa
chuồng heo,

Chị bông con, cắt cỏ, thổi cơm chiều ;
Nhà nho nhỏ, nhưng thân tình ấm-
cúng.

Tôi yêu anh, một gia-dình lao-động ;
Tôi đã nghèo anh chị lại nghèo hơn !

Rồi tác-giả cho biết bạn anh vốn người dễ dãi, thật-thà, có một tấm lòng hiền-lương, rộng-rãi, đã giúp đỡ anh nhiều lần trong bước khó, chẳng một chút so-đo. Tuy bây-giờ anh đã dời nhà ở xa, đã giao-thiệp nhiều bạn mới, nhưng xem lại không ai bằng anh xe ngựa :

Hồi tưởng lại, nghe buồn lên rười-rượi.
Xóm xưa nghèo, tôi đã dời đi xa ...
Qua phố-phường thay đổi mấy lần nhà,
Giao tình mới đã thêm nhiều bạn mới.
Nhà đã dời, cuộc đời nay cũng dời,
Bạn láng-giềng, đôi ba kẻ xa-hoa;
Tình xã-giao nghe thiếu vị mặn-mà,
Nghĩa lân-lý thiếu chút gì ấp-ủ.
Chút gì đó, phải chăng... tình tối lửa,
Láng-giềng nghèo, ta chia xẻ cho nhau ?
(Anh, trang 71, 73)

Còn rất nhiều bài khác trong đó tác-giả vừa kể việc, vừa phân ứch, để làm nổi rõ tâm-lý của người trong cuộc. Có cô gái nào sau khi về nhà chồng mà không nhớ lại giờ phút « vu-qui » ? Cô sẽ thấy thi-sĩ tả đúng nỗi lòng mình, từ lúc đầu cô bối-rối khi họ đang trai đã đến sân, cho đến

lúc cô hồi-hộp ra đứng sánh vai với
« chàng » trước bàn thờ trang-nghiêm,
« cặp nến hồng sáng rực ». Rồi cô nghe
lòng mình thồn-thức khi cùng chàng bước
chân lên xe hoa sắp lìa mái nhà thân:

Buồn vui sao lẫn-lộn ?

Theo đà bánh xe quay !

Lòng em nghe phoi phới,

Sao lệ tràn ướt tay !

Quay nhìn sau lần cuối,

— Em có chồng, từ đây ...

(Vu-qui, trang 54)

« Vu-qui » của Anh - Tuyền có lối
tự - sự bình dị, êm - đềm, nghe phảng-
phất như bài « Chùa Hương »
trong đó Nguyễn Nhược - Pháp
cũng diễn-tả tâm-trạng của một cô gái ngây-
thơ vừa buổi đầu gặp một văn-nhân đẹp ý.

Nghệ-thuật kín-đáo mà tinh-vi của Anh-
Tuyền càng thấy rõ trong những bài tả
chân. Như chúng ta đã biết, thi-sĩ không
trông-tượng, mơ-màng, mà chỉ xem-xét,
tìm hiểu. Ngọn bút tỉ-mỉ đã tạo nên những
bức họa, hay đúng hơn, đã bày ra dưới
mắt chúng ta những cảnh sống động khác
thường trong đó mỗi người, mỗi vật nổi bật
lên với những nét rõ-ràng, đích-xác. Có lẽ
nhiều văn-nhân thi-sĩ đã cư-ngụ, hay ít nhất
cũng biết qua xóm Bàn-cờ ở thủ-đô, nhưng
chưa thấy ai nói đến vùng ấy trong văn thơ
của mình. Đây ta hãy nghe Anh-Tuyền tả
« xóm nghèo » nơi đó anh đã sống mấy
năm :

Cù-leo at ò lá giữa đô-thành !

Ngõ hẹp tư mùa chuối trổ xanh,

Xan-xát chen vai nhà khít-khít !

Lối mòn trăm ngã, rẽ quanh quanh..

Từ sáng mờ sương chữa tắt đèn,

Nhà nhà bốc khói thở hơi lên...

Tiếng cười, tiếng nói nghe nao-nức,

Dậy sức cần-lao ngổ tồi đen !

Nói đến nghệ-thuật tả chân của Anh-
Tuyền, không thể bỏ qua bài « Con trâu
Pháo » :

Con trâu Pháo mập-u, vừa dậy cồ,

Hai cái sừng cong vút, nhọn, đen mung,

Vành tai to vênh-vênh, mắt hung hung,

Nghinh-nghinh mõm, mũi phì phì thở bọt,

Thằng Sáu Ngọ vỗ mông trâu, khen tốt!

— Ông Năm Già đếm xoáy, gục-gật đầu :

— Trâu cồ tơ ăn đứt hẳn trâu tao,

Hơn tất cả một bầy trong xóm thồ !

Con trâu Pháo lại là tượng-trưng cho
bao-nhiều hy-vọng của bần-nông ở xứ ta.
Nó mở ra một viễn-ảnh vui tươi trong ấy
anh chị Nghĩa thấy mình cấy xong sẽ cho
trâu cày mướn. Nếu may ta trúng lúa, lại
trồng thử một mùa dưa, rồi « sang năm
tới bắt thêm con Pháo nữa ».

Anh chị Nghĩa trong lòng hoa nở đỏ...

Con anh Ba xuống bếp thồi cơm chiều,

Vợ anh Ba trái chiếu dựa chuồng heo,

Và ngồi xuống, vá chiếc mùng đã cũ,

Chiếc mùng cũ anh may hồi cưới vợ,

Chị tháo ra sửa lại chiếc mùng trâu,

Trong khi anh cắt cỏ dưới giàn bầu...

Con trâu Pháo lạ chuồng khua lộp-cộp,

*
* *

Lòng anh chị đã nghe lên, hồi-hộp,

Gió được mùa, lúa trổ sắc vàng hoe ;

Hai con trâu mập cùi đứng trên đê,
Sừng nhọn hoắt, lắc-lư đầu, gặm cỏ...
Anh chị Nghĩa trong lòng hoa nở đỏ...
(« Con trâu Pháo », 89)

Phải có sống gần với nông-dân mới cảm thông nỗi vui mừng và ước mong của họ và mới hiểu rõ vì sao họ săn-sóc con trâu đến đổi lấy chiếc mũng cũ đã may ngày cưới vợ sửa lại làm « chiếc mũng trâu ». Bài thơ của Anh-Tuyển thật là độc-đáo trong loại tả chân mà ngụ ý gây cảm-tình cho nhân-vật. Trong các nhà thơ hiện-đại tôi chỉ thấy có nữ-sĩ Ái-Lan với bài « cảnh đẹp của nông-dân » và « người lao-động » là đã được nổi tiếng trong loại này.

✱

Trong những bài tả cảnh, thi-sĩ không tìm những hình-ảnh lớn-lao, những màu sắc rực-rỡ, mà chỉ đề ý đến những nét tế-nhị trong thiên-nhiên : một tia nắng hiền, một làn gió nhẹ, cũng đủ làm rung-cảm tâm-hồn. Ở đây cũng vẫn là nghệ-thuật tả chân, nhưng có thêm cái gì thanh - thoát, dịu-dàng, chỉ có con mắt của thi - nhân mới nhận thấy. Thử đọc bốn câu này của Anh-Tuyển tả cảnh xưa nhìn xuyên qua cửa sổ một nhà thương :

Qua cửa sổ một mảnh trời trong suốt.
Xuyên tàn cây, vài tia nắng lung linh...
Cơn gió trưa, trở giấc dậy trong cành,
Một chiếc lá rừng mình rơi xuống đất !
(Trưa nhà thương, tr. 78)

Và đây cũng là một « buổi trưa » nhưng ở vào trong cảnh khác :

Thiu-thiu mặt nước êm-dềm.
Lũng-lơ đớp bóng, cá tìm bọt rêu.

Mơ-màng rụng cánh hoa bèo,
Lung - linh sóng gợn loang đều cánh
 cung...
Lúa vàng trong nắng trổ bông,
Một con cò trắng rĩa lông trên bờ...

Nhà ai thở khói xanh lơ,
 Bâng-khuâng xóm nhỏ trong mơ thả hồn...
 (Trưa, tr. 14)

Cảnh thông-thường, xác-thực ở thôn-quê, nhưng trong đó có điểm thêm chút ít màu sắc, chút ít hình bóng rung-rinh, những cái đã gây thú-vị cho bài « Thu điếu » của Nguyễn-Khuyến.

Do theo những bài tả cảnh kể trên và nhiều bài khác trong « Tò-ấm », chúng ta thấy rõ tình-cảm của thi-sĩ đối với thiên-nhiên. Thi-sĩ không ưa mùa thu, gió heo, lá rụng, hoặc những đêm buồn, mây phủ, trăng mờ ; mà chỉ thích cảnh nắng lên, lúa vàng, trái chín. Phải chăng vì thi-sĩ sanh trưởng nơi miền Nam đất Việt, có bao giờ biết được mùa thu ? Lại nữa một thanh-niên khoẻ mạnh, đầy đủ tinh-thần, tại sao phải đeo buồn, thương mây khóc gió ? Có lẽ thi-sĩ thấy đó là những tình-cảm hão-huynh diễn ra bằng những lời thơ giả-dối. — Thiên-nhiên ở đây, dẫu bốn mùa không thay đổi, cũng có thể gây cảm-hứng cho tao-khách, văn-nhân. Thơ Anh-Tuyển vừa tránh được chỗ khô-khan, vừa tả đúng thực-tại, là vì anh biết tìm nét xinh tươi trong cảnh vật bên ngoài. So với các thi-nhân hiện-tại miền Nam, tôi chưa thấy ai có một tình-cảm chân-thành như thế. Đông-Hồ đã tỏ ra say-mê với non nước Phương-Thành ; nhưng đó là một thắng - cảnh đã

ường được ca-tụng từ xưa, nhất là do các nhân-viên trong Chiêu-anh-các. Chỉ có cảnh đồng bằng ruộng rẫy, nắng đổ mưa chan, là mới lần đầu tiên được một thi-nhân hạ-cổ.

Tất cả những yếu-tố hợp thành thú-vị của thơ Anh-Tuyển đều kết-tinh trong bài « Đường làng » có thể xem là một bài thơ toàn-bích, có lẽ tác-giả đã mượn cảm-hứng trong bài « Lời con đường quê » của Tế-Hanh. Nhưng xét về nghệ-thuật, ta thấy hai bài thơ khác hẳn. Bài của Tế-Hanh là những lời tự-thuật, những lời của con đường quê tự tả lấy mình, cốt cho mọi người vừa thấy chỗ xinh tươi, vừa cảm vì ai phải trải thân với mưa thu nắng hạ. Còn bài của Anh-Tuyển là miêu-tả con đường đất trong làng, chạy quanh co qua cánh đồng, đám rẫy, rồi chui vào xóm nhỏ, lại « thoát ra đi giữa rặng lau... » Toàn bài chỉ nhắm vào thực-tế, mà cũng ngụ ý cho ta thấy nhiệm-vụ của con đường đất là « nối tình quê khắp mọi miền... » Cách tả cảnh rất rõ-rệt, tự-nhiên, mà không kém phần bóng-bẩy, linh-động. Đây tôi xin trích ra hai đoạn cuối cùng :

*Đường thoát ra đi giữa rặng lau,
Tiến đưa bờ chuối phất-phơ chào...
Bên đình thông-thả dừng chân ngắm,
Một cánh sen vàng nở mặt ao.
Đường lại ra đi dưới nắng hiền,
Hoa ngàn cỏ nội đẹp thiên-nhiên;
Trải lòng đất trắng qua thôn xóm,
Đề nối tình quê khắp mọi miền...*

(« Đường làng », tr. 91)

*
* *

Tiếc thay, chúng ta không tìm thấy trong « Tò ăm » nhiều bài được hoàn-toàn như

thế. Tôi xin phép kể ra đây một vài khuyết-diểm và nhân tiện xin đề-nghị sửa-chữa cho câu thơ được ổn hơn. Trước hết về từ-ngữ ta thấy có nhiều chữ dùng không đúng hoặc có hơi vụng-về :

Như trong bài « Xóm nghèo » trang 65, tác-giả viết : « Xan-xát chen vai, nhà khít-khít ! » Lẽ thì nên viết : *San-sát* nghĩa là khít, liền nhau (chữ xan-xát không có trong tiếng Việt). Thế thì chữ khít-khít là đồng nghĩa và thừa trong câu. Nên đề : nhà *nhỏ-nhỏ* là đúng hơn, vì xóm Bàn-cờ trước kia có nhiều nhà lá nhỏ cất gần sát với nhau.

Cũng trong bài ấy trang 66, câu : « Bấc Tư phở bấc bấc tay thật ». nghe hơi lạ tai. Nên sửa : *tay bấc thật* là đúng hơn. — Trong câu kể :

« *Thơm nước hương-lân bát súp gà...* », bốn chữ « *thơm nước hương lân* » trong truyện Kiều có nghĩa thanh-nhã hơn ; còn đây muốn chỉ mùi thơm của cháo gà mà lại dùng bốn chữ ấy, sợ e có ý mỉa-mai. Vả lại người ta thường nói « bát cháo gà », ít nghe nói « bát súp gà ». Nên sửa : *thơm nước từ trong bát cháo gà*. Nhưng ở đây ta còn vấp phải một chỗ khó nữa : khi đọc :

*Bấc Tư phở bấc tay bấc thật
Thơm nước từ trong bát cháo gà,*

Người ta thấy câu dưới bỏ nghĩa cho câu trên ; như thế phở bấc làm sao lại có mùi cháo gà ?

Trong bài « Đường về quê cũ » trang 75, tác-giả viết ở đoạn chót : « gang-tắc mà ra... Vạn-lý thành ». Chữ *thành* dùng không đúng, vì ít nghe người ta nói Vạn-lý-

hành. Và lại đã cho biết đi trên con đường cũ mình nhớ nhà, nhưng về không được; cho nên đường tuy gần mà thấy rất xa. Vậy nên đề: *gang tặc mà ra vạn lý trình*, là đúng hơn.

Trong tập thơ Tồ-ấm có rất nhiều điệp-tự hoặc những tiếng trùng nghĩa với nhau. Thí-dụ tác-giả viết:

Bạn láng - giếng chia xẻ tấm tình tròn
Nghĩa lân-lý đậm-dà tình ... tối lửa!
(Anh, tr. 71)

Chữ *tình* ở câu trên và chữ *tình* ở câu dưới là điệp-tự, bạn láng giếng, nghĩa lân-lý là trùng nghĩa với nhau. Rồi tác giả lặp lại "nghĩa lân-lý" trong đoạn chót bài thơ:
"Nghĩa lân-lý, thiếu chút gì ấp ủ".

Trong bài "Long-Xuyên", tr. 25, tác giả vừa viết câu đầu: Long-Xuyên! Long-Xuyên! châu-thành thân mến, kể lặp lại chữ *thân-mến* trong câu thứ ba:

Một tấm lòng thân mến cũ xa-xôi,
Hai điệp-tự ấy làm cho câu thơ nghèo nàn ý-nghĩa.

Nên đề-ý: các điệp-tự trên đây không có dụng ý như trong bài "Con trâu Pháo" tác-giả dùng ba lần "trong lòng hoa nở đỏ" để nhấn mạnh chỗ ước mong của anh chị Nghĩa. Đây là một kỹ-xảo rất công-biêu trong văn-chương.

Ngoài ra, có nhiều câu nghe tối nghĩa hoặc có nghĩa mâu-thuẫn với nhau. Thí-dụ tác-giả viết:

Bâng-khuâng vẫn nhớ cô-đào vô
Mặt trắng, môi hường, lịch-sự trai!

Cô đào vô là cô đào mặc đồ vô tướng như Phạm-Lê Huê, Lưu-Kim-Đỉnh chẳng hạn làm sao lại lịch-sự trai?

Trong bài "Long-Xuyên" tr. 26, sau khi thuật lại đêm trăng chơi thuyền và ca hát trên sông Hậu-giang tác-giả tự hỏi:

Đây là đâu, bến Tầm-Dương có phải?
Hay đây giòng sông-Hát? Bến Mê-linh?

Nhắc đến bến Tầm-Dương có thể được, nhưng sao giữa cuộc vui lại nhớ đến dòng sông Hát, bến Mê-linh? Chỗ sinh trưởng và nơi gieo mình của bà Trưng có liên-quan gì với việc này? Có lẽ nên đề:

"Hay sông Hương lơ-lững chốn Thần-Kinh"? Như thế là hợp-lý hơn.

Cũng trong bài ấy, tác giả viết hai câu chót:

Giòng Hậu-giang lặng-lẽ dưới trời
sương,

Tiếng sóng vỗ âm-thầm trong đêm lạnh.

Ở câu trên đã nói *lặng lẽ*, sao ở dưới còn nghe tiếng sóng vỗ? (mặc dầu là âm-thầm).

Nên đề: Dòng Hậu-giang mờ trải dưới trời sương, cho được đi với *tiếng sóng vỗ*, mà lại có nghĩa cụ-thể hơn.

Có nhiều chữ tác-giả dùng hơi kém thi-vị và nghe như có vẻ tản-văn. Thí dụ trong bài "Chị tôi", tr. 34, tác-giả viết:

Tuy không son phấn mà tươi thắm,
Mơn-mởn như là một đóa hoa.
Em khóc chị thường vẫn dỗ em.

Mấy chữ: *như là, thường vẫn dỗ em*, đọc nghe rất thường và giống như văn xuôi.

VAI NHẬN XÉT...

Và lại chữ *thường* và chữ *văn* đồng nghĩa với nhau.

Cũng nghe *thường* và kém thi-vị, câu :

« *Lúc ấy trời chiều đã nhá-nhèm* », trong bài « *Nó* » tr. 60. Nhất là chữ *lúc ấy* ít thấy dùng trong thi-phú.

Về thi-pháp tôi thấy trước hết *cách gieo vần* có nhiều chỗ hơi sai. Thường người trong Nam đọc những âm cuối không rõ; nên khi làm thơ họ hợp vần một cách tự-nhiên những chữ có âm : an ang, ao au, ai ay v.v... Cách hợp vần ấy ít thấy trong các thi-nhân ngoài Bắc, vì họ phát âm đúng hơn. Tuy vậy Nguyễn-Du trước kia đã viết :

Người lên ngựa, kẻ chia bào,

Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san.

Và Trần-tế-Xương :

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc sang:

Đưa thì mua trước đưa mua quan..

Nhưng có lẽ đó là những trường-hợp ít thấy nơi mấy bậc thi-hào.

Trong tập *Tổ-ấm* rất có nhiều chỗ gieo vần như vậy : song điều ấy có thể miễn-thứ được, chỉ trừ nhiều chữ vần hơi cưỡng ép, như : *om* vần với *ôn*, *uôn* v.v...

Thí dụ :

Tôi đến thì vừa đúng bữa cơm.

Anh mời, tôi lại ghế ăn luôn.

(« *Một bữa cơm* », tr. 11)

hoặc ai vần với *ây* :

Thần-lăn tặc lười tiếc thương ai...

Tí-tách đồng hồ đếm phút giây...

(« *Giận nhau* », tr. 51)

Nhiều câu thơ đọc nghe hơi *lạc vận*. Thí dụ :

Lòng tôi khoan khoái lúc trông theo

Vượt gió, tung trời, rún-rầy đuôi

(« *Điều giầy* », tr. 41)

Có những câu tám chữ, vì sai bình, trắc, mà thành ra *khô-độc*. Thí dụ :

Một bát canh nóng khỏi vị vừa nêm !

Lửa ngút trời, súng đạn toi-bời bay.

(« *Long-xuyên* », tr. 25, 27)



Các khuyết-diểm nói trên đều thuộc về hình-thức.

Một vườn hoa, mặc-dầu tươi đẹp, làm sao tránh khỏi những bông dại, cỏ hoang ? Khách ngắm hoa, vì có dạ mến yêu, nên buộc lòng chỉ ra những gì có thể hại đến khu vườn thơm ngát.

ĐÍNH CHÍNH

Trong *Bách Khoa* số 90, bài « *chìm Xuống* » của ông Nghiêu-Nhật, có đề sót những lỗi sau, mong các bạn đọc sửa giùm :

— Trang 85, cuối cột 2 thiếu những chữ in ngả : « *tuy tôi đã khép chặt cánh cửa, nhưng tim tôi vẫn như trước nhảy thót ra bên ngoài thế giới* ».

— Trang 87, thiếu những chữ ngả : « *Hai mươi ba tuổi chính là lúc phải gắng công Thiệu quang của buổi thanh xuân quý báu vô cùng* ».

Mong các bạn sửa giùm ; chúng tôi xin trân trọng cáo lỗi, B.K.

Những ai đã đọc qua các bài trong « Tò-ấm » chắc cũng đều có một cảm-tưởng như thế. Tác-giả vốn không phải là một thợ thơ mà là một nhà thơ chân - chính. Do những cảnh thực-tế đã trình bày, do những mối cảm-tình thâm-thiết diễn ra bằng lời thơ thanh tao, ta thấy thi-sĩ có một nhãn-quan sắc-sảo và một tâm-hồn rất dồi-dào. Đó là những thiên-tư cần-thiết cho sự sáng-tạo hiện-thời và nó cũng cho phép ta đặt nhiều hy-vọng nơi thi sĩ. Tập thơ « Tò-ấm » đã tránh khỏi các dấu vết lãng-mạn thời xưa và cố tìm ra một con đường mới cho thi-ca tả thực. Ta sẽ thấy một nhà thơ không còn « rung với gió, mơ theo trăng và vơ-vẩn cùng mây », mà là người biết quan-sát đời sống của đồng

bào, biết cảm-thông với nỗi vui buồn của dân-chúng. Ước-mong Anh-Tuyển sẽ ra khỏi vòng Tò-ấm để mở lòng đón tiếp những tình thương rộng-rãi, bao-la nhất là cảm thông bản chất của hiện thực nhiều hơn. Bởi vì, qua Tò Ấm, người ta chưa thấy được hết cái xao xuyến, cái rung động mới mẻ của nông thôn hiện tại. Người ta mới chỉ tìm thấy những hình ảnh của một đời sống nhàn tản phảng phất dư-vị của một thời xưa. Và nhưng tin chắc rằng thi-sĩ sẽ thành-công với những tác-phẩm quan-trọng hơn, trong đó thi-sĩ sẽ vững-vàng về quan-niệm thi-ca và sẽ già giặn về nghệ-thuật diễn-tả.

CÁT-SĨ.

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

吸請 金字烟

Cigarettes **JOB** *Surfines*

COFAT CHOLON

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS —

Hàng-Hải

RISQUES DIVERS

Linh-Tinh

Đại - Lý

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE-TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

IMPRIMERIE NOUVELLE

D'EXTRÊME - ORIENT

(INDEO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON

Tél : 20.821 — Boite postale : 276

1, Duong Nguyễn-Sieu — SAIGON

IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES,
CATALOGUES, TOUS IMPRIMES DU COMMERCE,
REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES,
ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES,
CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS
MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES
DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN
D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR,
TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO **"DOREL"**

VĂN - HỮU số 8 và 9

- Phần đặc biệt bàn về Bộ-Môn Điện-Ảnh gồm có 16 bài biên khảo công phu, giá trị.
- Phần sáng tác Văn-ngệ với sự cộng-tác của các bạn : Vi-Huyền-Đắc, Phạm-Cao-Củng, Hoàng-Trọng-Miên, Toàn Ánh, Chung-Tràm-Tưởng, Tru-Vũ, Thiết-Trượng, Tường-Linh, Thượng-Sĩ, Sĩ-Trung...
- Đầy đủ tin tức và tài liệu văn-hóa trong nước, ngoài nước.

250 trang — giá 15\$

ĐÃ PHÁT HÀNH :

VĂN-HÓA Á-CHÂU

TẬP III, SỐ 6

- Những vấn đề chính-trị liên-quan đến vận mệnh Á-Phi.
- Những bài khảo-luận đứng đắn về văn-hóa dân tộc và Á-Châu.
- Những tài-liệu hiếm có về văn-học Việt-Nam.

VOYAGEZ PAR QUADRMOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS, RÉSERVATIONS
65, RUE LE-THANH-TON - SAIGON

TÉL. : { 22.102
SGN. 34



Lồng đèn Ông Sao

Phương-Long PHẠM-LÊ-PHAN

QUẦY xong ca hô nấp, anh Mạnh dẫn con :

— Coi nhà cho ba đi mua giấy nghe con.

Thằng Soan vui sướng gật đầu. Mạnh ra đèn cửa, nó hỏi lại cho chắc chắn :

— Hôm nay ba làm đèn cho con há ba ?

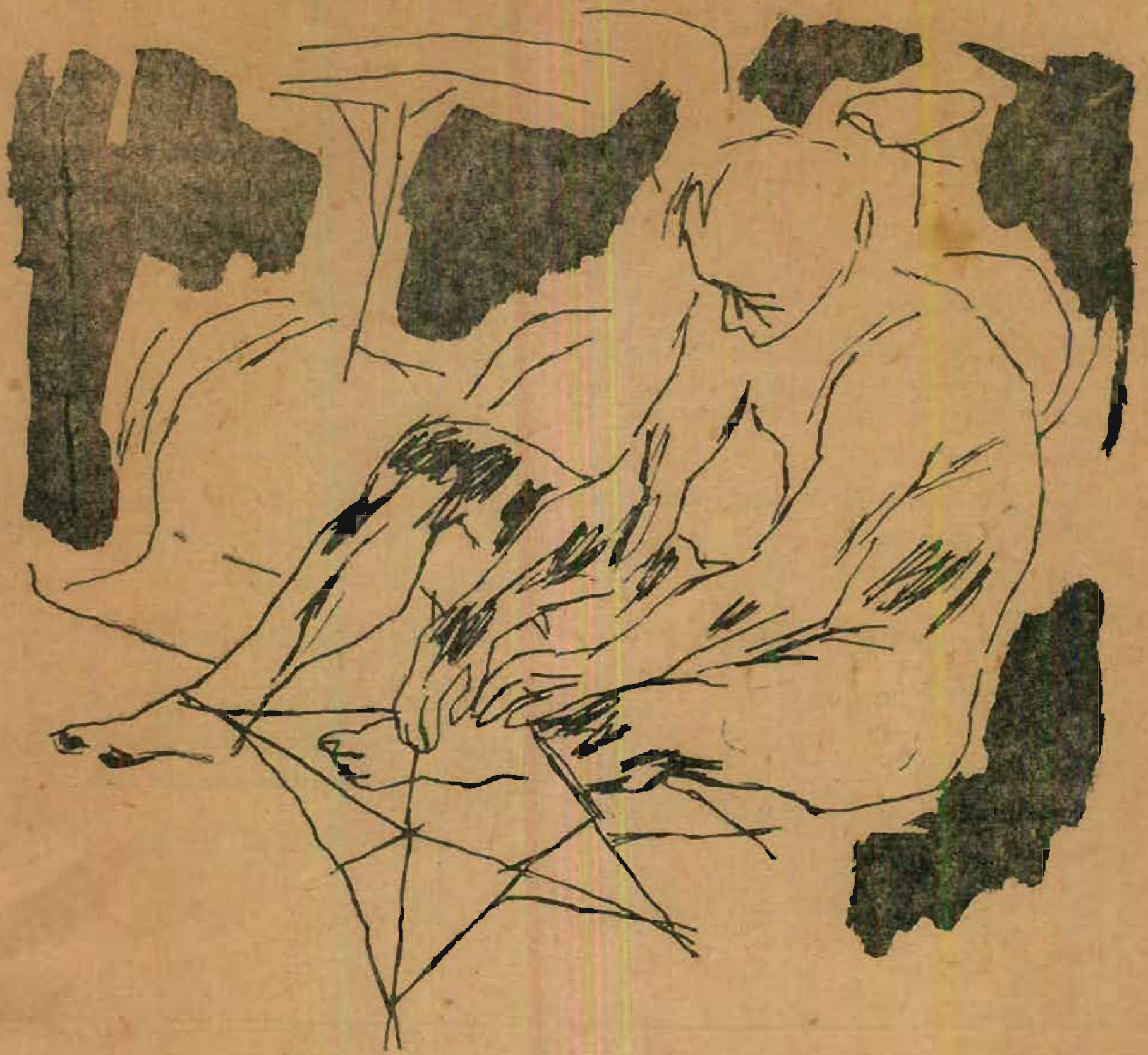
— Ừ. Nhớ trông nhà, đừng đi chơi.

— Vâng.

Mạnh vừa đi vừa tính nhẩm trong óc : làm đèn con cá, tàu bay hay đèn

kéo quân thì hơi lâu, sợ không kịp cho nó chơi ngày mai lại mất nhiều thì giờ ; đèn quả chám, đèn trông thì thường quá ! Thôi để làm cho nó cái đèn ông sao, vừa dễ vừa đẹp. Mua 1 cây hóp nhỏ làm nan, 6 tờ giấy mầu : 5 cánh 5 mầu, giữa một mầu ; chạy một đường viền nhỏ chung quanh ; kết năm dải tua nhiều mầu, trên mỗi tua phủ một bông hoa... Mạnh hình dung ra cây đèn rực rỡ trước mắt, chắc thằng Soan sẽ hãnh diện với lũ trẻ lối xóm lắm !

Cả năm — Mạnh nghĩ tiếp — có một ngày Trung-Thu, ba ngày Tết, dù



nghèo túng đèn dầu cũng phải cò sấm sửa cho nó được bằng con người ta. Ngày xưa còn bé mình cũng đã hiểu những ước muốn của con nhà nghèo, trong mỗi dịp mừng năm ngày Tết. Bây giờ không thể để nó tủi thân như mình hồi ấy được.

Những ý tưởng nung nấu trong lòng Mạnh từ một tháng nay, hôm nay đã 14 rồi, Mạnh quyết định nghỉ hẳn một buổi làm xe để kết đèn cho con.

Sáng sớm, theo lệ thường, chị Mạnh xách đồ thuốc lá lên đầu đường bán lẻ. Mạnh ở nhà lo gởi đưa con gái nhỏ — con Thúy mới lên 2 — sang bà ngoại nó, để rảnh tay làm việc. Để ở nhà có lẽ nó sẽ phá không chịu nổi !

Mạnh đi qua nhiều hiệu bánh, hiệu đèn, anh thấy họ bán ít đèn ông sao, lại làm bằng giấy bóng kính, đèn tối thấp lên trông rõ cả cây nến bên trong, chẳng nổi mầu mè gì ! dở thật. Nhưng đèn của họ vẽ nhiều hoa lá

LỒNG ĐÈN ÔNG SAO

bên ngoài, lại có cả chữ nho trắng, Mạnh chắc làm nổi 1 cây đèn như thế, họ sẽ bán đắt tiền lắm!

Một người hàng bánh đội mũ vải trắng mời Mạnh mua thử một cân bánh nướng, nhân mỡ, họ sẽ bán quảng cáo với giá hạ. Mạnh mỉm cười lắc đầu, anh muốn dành công việc ấy cho vợ, đàn bà họ thành thạo và khéo léo hơn trong sự mua bán không sợ hờn nữa!

Rẽ vào chợ, tìm đèn dây bán tre nửa, Mạnh ngắm nghía một cây hộp lớn rồi hỏi người bán hàng:

— Cây này bao nhiêu ông?

— Dạ xin ông 10 đồng.

Mạnh nhăn mặt:

— Gớm... làm gì mà nói thách thế! 3 đồng đi.

Người bán hàng mỉm cười lắc đầu:

— Dạ, ba đồng thì ông lấy cây nhỏ này, già và dài lông hơn.

Mạnh tặc lưỡi một cái rồi trả tiền và dặn:

— Ông cho gửi đây, tôi lại đàng này một lát nhé!

— Dạ được.

Mạnh qua dãy hàng xén chọn giấy mẫu, mua 6 tờ 6 đồng rồi trở lại lấy hộp. Người bán hàng nói thêm 1 câu chiều ý khách:

— Thưa ông, cây hộp này làm khung đèn tốt lắm... hể hể...

— Vâng tôi cũng mong thế...

Về đèn gần ngõ, Mạnh gặp bà Năm 1 người hàng xóm, thầy anh vác cây, cầm xấp giấy mẫu bà reo lên:

— Chà... dựng ba làm đèn hả?

— Dạ

Một quân vương không có quyền khóc!

« *Vous êtes roi, vous pleurez et je pars* ». Thân danh một quân vương mà ngài lại khóc! Vậy tôi xin cáo biệt Ngài! Đó là câu công chúa Marie-Thérèse nước Tây-Ban-Nha nói với vị quân vương trẻ tuổi Louis XIV khi nàng theo lệnh Mazarin sửa soạn làm lễ thành hôn với vị này. Nàng nói để cự tuyệt một kẻ tỏ ra không xứng đáng làm chồng của nàng, bởi quá mềm yếu. Racine cũng đặt vào miệng nàng Bérénice một câu nói tương tự với Titus: « *Vous êtes Empereur, Seigneur, et vous pleurez* », Tâu Ngài, Ngài là Hoàng-đế mà Ngài lại khóc.

— Chèng dec ời! thằng Soan sườn dũ a...

Mạnh dựng cây hóp lên mái lá, vào như không thấy con, anh tưởng nó bỏ đi chơi. Lăn xuống bếp tìm dao, anh thấy thằng Soan đang thò tay vào ca hồ bốc lên ăn lồm lồm.

— Trời ời! Mạnh kêu lên, thằng bé giật mình, mảy ăn hết hồ thì lấy gì mà dán đèn!

Thằng bé nhìn cha, mắt e dè:

— Nhưng... con đói quá!

— Thê à? sáng giờ con chưa ăn gì sao? Anh móc túi lấy ra đồng bạc đưa cho con: này, ra mua sồi.

Thằng Soan cầm tiền chạy đi, Mạnh cảm thấy hơi sót sa trong lòng. Một lát nó cầm gói sồi trở về ngồi chồm hồm vừa bóc ăn vừa nhìn bồ pha nan.

— Ba làm đèn tàu bay hả ba? nó hỏi.

— Con thích đèn tàu bay à?

— Không, con thích đèn con cá như của thằng Bông ấy.

Dù chưa biết đèn của thằng Bông ra sao, Mạnh cũng nhăn mặt phê bình:

— Ừ hừ... cái đèn ấy thì đẹp gì! Ba sẽ làm cho con một cái đèn ông sao 5 cánh, nhiều màu, lắm tua... đẹp lắm!

Nghe nói đèn đẹp, thằng bé mừng rơn, hỏi lại:

— Đẹp hơn cái đèn của thằng Bông hả ba?

— Ừ, hơn thừa đi (ây chứ lị!) Nhưng con vào lấy cho ba miếng giẻ đi

— Làm gì hả ba?

— Thì con cứ lấy cho ba đi, rồi ba bảo.

Thằng Soan đặt nắm sồi xuống sàn nhà, te te chạy vào. Mạnh đã chế xong cây hóp ra làm nhiều mảnh, anh nghĩ thầm: có thể làm cho con Thúy một cái đèn quả chám nữa cũng đủ.

Thằng Soan cầm cả nắm để bắc nồi đưa cho bồ:

— Dê này ba.

— Chà... con định để ba quần kín cả người kia hả? Xé một mảnh nhỏ, Mạnh quần vào ngón tay và giải thích: một miếng này thôi, quần vào ngón tay trở để vót nan, không sợ đứt tay hoặc đâm xóc vào thịt.

— Thê hả ba?

— Ừ...

Mạnh bắt đầu vượt những thanh nan nhỏ, trong óc anh hình dung ra nhiều lý thú nếu cái đèn hoàn thành như ý. Nhưng không quen với việc làm tỉ mỉ, lại bị cây hóp non, nên Mạnh thường thường cắt bỏ rất nhiều những đoạn bị lẹm vát hoặc quá mềm.

— Cái thằng bán hóp chỉ nói phét, mềm như bún thê này thì làm gì được! Mạnh nói lớn.

Thằng Soan đã ăn hết nắm sồi, nó kéo áo lên chùi mép rồi hỏi bồ:

— Ba có làm cho em Thúy một cái không hả ba?

— Hồng mẹ nó cả rồi đây này... hỏi mãi! — Mạnh bực mình gắt, — mòng dính lại mềm như khoai lang thê này thì làm ăn chó gì được!

Thằng Soan ngồi im, anh Mạnh bỏ dao đứng dậy :

— Mày chịu khó trông nhà nghe con. Tao phải ra tề cho thằng bán hóp này một mẻ mới được !

— Vâng ạ...

Mạnh sầm sầm ra ngõ, gặp Khiết đạp xe về, anh hỏi :

— Khá không ?

— Cũng đỡ. Ủa, bữa nay nghĩ hà ?

Mạnh cười gật đầu :

— Ừ, nghĩ để sắm tề cho con.

— Cha... sướng quá ta ! Khiết vừa cười vừa đạp xe đi. Mạnh vội vàng xuống chợ, anh rẽ ngay vào hàng bán hóp lúc nãy.

— Này ông, Mạnh nói với người bán hàng, cây hóp vừa rồi ông bán cho tôi tôi quá ! mỏng như giấy lại mềm sèo thì làm đẽch gì được !

Người bán hàng phân trần :

— Thưa ông thì hóp bao giờ nó chả thê ! Bây giờ ông mua thanh nửa này về làm, tôi lấy rẻ 5 đồng thôi.

Mạnh bực mình :

— Thôi... cảm ơn, tôi không mua của ông nữa !

Người bán hàng cười ngượng ngịu nhìn Mạnh đi nhanh sang hàng bên cạnh.

*
* *

Lúc vợ Mạnh thu hàng về thổi cơm, anh mới vớt xong chục cái nan

cánh. Vì không chuyên môn, Mạnh đành phải làm theo lối cổ điển ; nghĩa là phải buộc từng góc từng cạnh một, rồi chồng 5 góc lên.

— Đủ rồi đây. Ngừng một lát, Mạnh bảo con — Này Soan !

Thằng bé ngược lên nhìn bố chờ đợi.

— Con chạy ra đầu ngõ mua một khoanh thép nhỏ về đây, ba buộc cho.

Thằng Soan ngần ngại một lát rồi cầm tiền chạy ra, Mạnh dặn với :

— Coi chừng xe cộ. Nhớ mua thép nhỏ nghe con !

— Vâng...

Mạnh hí hoáy xếp nan theo hình ngôi sao bằng nhau, rồi ngắm nghía, mỉm cười một mình...

— Mình làm đèn ông sao hờ ? Chị Mạnh bẽ bẽ Thúy về hỏi chống.

Mạnh ngược lên nháy một bên mắt trả lời vợ. Bé Thúy thấy giấy xanh đỏ vui mắt, nó sà xuống bò lại gần. Mạnh kêu lên .

— Ê... đừng phá nghe bố ! Bê nó cho tôi làm chứ: Xé hết bây giờ đây này !...

Chị Mạnh vội bế con lên và nựng !

— Thôi, đi đây với má, để ba làm. Lát nữa ba làm cho con một cái nghe...

Bé Thúy thất vọng nhìn mẹ khách khách vài tiếng, chị Mạnh vội bế nó xuống bếp sửa lại nồi cơm.

Thằng Soan đã mua thép về, Mạnh khen :

— Giỏi lắm !

Nó sừng thâm trong bụng, ngồi xếp tề he, chồng hai tay về phía trước, sít sít hai lỗ mũi. Mạnh tiếp tục buộc nan tre vào nhau, miệng hát vu vơ...

Lát sau, khung đèn đã hoàn thành với 5 khúc nan ngắn, chồng ở 5 góc, Mạnh khoanh lại vòng thép ở đáy để cắm nền. Anh dờ khung đèn lên hỏi Soan :

— Đẹp không con ?

Nó lắc đầu :

— Ba không dán giấy trông chả ra cái gì cả !

— Bỏ mảy, thông thả rồi sẽ dán chứ ! Mảy vào bảo má cho ba mượn cái kéo đi.

Thằng Soan chạy vào một lát rồi lại trở ra tay không chị Mạnh bẽ bẻ Thúy theo sau nó, chị nói với chồng :

— Nhà làm gì có kéo. Để tôi sang bà Tám mượn vậy.

— Thề hả ? cũng được. Đi nhanh nhanh lên nhé ! xong cá rồi đây.

Chị Mạnh ngán ngừ một lát rồi hỏi :

— Thề không nghỉ tay cho con nó ăn cơm, để tôi còn ra hàng nữa chứ !

— Có cơm rồi, cơ à ? Mạnh ngạc nhiên hỏi tiếp : ờ, thề mà trưa rồi đây nhỉ ? Không khéo lại mất luôn buổi tối. Thôi được, cứ mượn kéo về đã rồi... ăn cơm.

Trong bữa ăn, Mạnh luôn miệng tả cho vợ con nghe về cái đèn tương lai

của anh : 5 cánh năm màu; năm tua lớn và dài, mỗi tua đều có hoa úp bên trên. Chị Mạnh thỉnh thoảng lại cười nhẹ như ngợi khen, như khuyến khích. Thằng Soan lại thêm bớt những hình thù, chi tiết theo óc tưởng tượng của nó rồi cười mầu mè...

Ăn xong, Mạnh lại tiếp tục công việc. Chị Mạnh thu rửa chén đĩa xong lại đem con sang gửi mẹ để lên hàng. Thằng Soan quanh quẩn một lát rồi trèo lên chõng nằm chơi với con mèo. Mạnh đo giấy, tính rồi cắt luôn một lượt 18 miếng hình tam giác cân bằng nhau, anh có vẽ hài lòng về sáng kiến này lắm, nhất là những cánh lót hông lại liền nhau đôi một ở đáy.

— Phải để hở 2 cạnh trên cho thoát lửa và thấp nén... Dán xong, đi một đường viền nữa là kín hết các mép giấy, khung tre. Mạnh lầm nhảm nói một mình.

Nhưng lúc dán giấy vào khung, Mạnh mới biết mình dại; vì không cạnh nào bằng cạnh nào cả. Giấy đã lỡ cắt ra rồi; miếng thì lớn quá đối với cạnh này, nhưng lại nhỏ quá đối với cạnh khác. Mạnh thối trách mình quá dại dột vụng về...

— Ai làm cái trò này bao giờ mà biết ! Mạnh tự an ủi : thôi, mua thêm vài tờ khác, để những miếng hư này làm tua.

Ngước lên định dặn con trông nhà thì Soan đã ngủ khi. Mạnh khép hờ cánh cửa rồi đi mau ra phố mua vội ba tờ giấy khác. Bà hàng xén cứ khen anh là chịu khó và thương con.

Lúc về nhà, Mạnh thấy con chó hàng xóm đang ngang nhiên dẫm bừa lên giày má và chúi mõm vào ca hồ liềm tòm top... Giận quá, anh có cẳng đá một cái thật mạnh, con chó khôn nạn tru lên hoảng hốt rồi vùng chạy ra ngoài.

— Thề là hết mẹ nó ca hồ rồi! Bực mình không chứ!

Thằng Soan giật mình mở mắt, nghe bồ nói, nó vội thanh-minh:

— Không con đang ngủ mà, con có ăn nữa đâu...

Anh Mạnh phì cười, mắng yêu:

— Bồ mày, ai bảo mày ăn.

Thằng bé thấy mình vô can, nó yên trí nhắm mắt tiếp tục giấc ngủ...

Thầy con sắp ngủ nữa, Mạnh dặn nói:

— Trông nhà dùm ba, ba đi mua bột một lát.

Thằng Soan vẫn nhắm mắt:

— Vâng, ba cứ đi đi...

Anh Mạnh lại ra mua bột, lại trở về lóc cóc nhóm lửa, quây hồ...

— Thề có bực không, nếu nó không hộc của mình thì xong rồi!

Bây giờ sẵn kinh-nghiem khi nãy, Mạnh cứ đo đèn đâu, cắt dán ngay đèn đầy, khỏi sợ hụt, sợ thừa.

Dán kín ba mặt xong, Mạnh lại dơ lên ngắm nghía. Lần này trong óc anh nảy ra một nhận xét ngộ nghĩnh: trông như thằng người không mặc quần áo, lại chẳng có râu tóc gì cả.

Mạnh khẽ cười thầm, thì nó còn thiếu tua mà!

Mạnh lục lại mớ giấy hư, tiếp tục cắt nhỏ. Nhưng đột nhiên, Mạnh ngừng tay, anh vừa nhớ đèn khoanh nửa tròn dán giấy chung quanh cái đèn cùng kiểu bán ngoài phố. Mạnh nghĩ thầm: « hay mình cũng làm thề cho tiện, trông cũng gọn ghẽ đây chứ! »

Phân vùn một lát, Mạnh chép miệng:

— Cứ ý mình mà làm, việc gì phải theo ai, gọn quá cũng chẳng đẹp. Cứ làm tua trông nó cổ, nhưng trang nghiêm hơn.

Mạnh xóa bỏ ý định đổi kiểu bằng cách tiếp tục cắt gấn đứt những mảnh giấy làm tua.

— Đêm nay là nó có đèn chơi rồi!

Nghĩ đèn nét mặt vui sướng của con, Mạnh cảm thấy phần khởi trong lòng. Nêu khá giả anh sẽ bày cho nó một mâm cỗ, có bánh dẻo, bánh nướng, ngũ quả và một cái đầu sư tử nhỏ. Nhưng nghèo, thề này cũng hách chán, tụi trẻ xóm này cũng đèn như con anh là hết nước. Lát nữa sẽ dặn má nó mua cân bánh, mai ăn cho có về ngày tết một chút.

Vừa nghĩ vừa làm. Trời đã về chiều từ lúc nào Mạnh cũng không biết. Thằng Soan ngủ đây giấc đã lồm cồm bò dậy, trông cái đèn gấn hoàn thành, nó reo lên:

— A ha... gấn xong rồi hả ba.

Anh Mạnh cười sung sướng:

— Ừ, con vào tìm xem má để chỉ ở đâu lấy ra đây, ba sơn mấy cái tua này

treo vào nữa là xong. Đêm nay con đã có đèn chơi rồi !

Thằng bé háng hái vào nhà, nó lục đồ may của mẹ, lôi ông chỉ đem ra

— Chỉ đây này ba.

— Giỏi lắm, con để đây cho ba.

Khi cái đèn ông sao 5 cánh 5 mầu; 5 tua dài buông rủ dưới 5 đài hoa đã hoàn tất, tính nhẩm lại phí tổn, Mạnh nhận thấy tiền hộp nữa, giấy hồ, giấy thép đã lên đến gần hai chục bạc. Anh nghĩ rằng ngoài phở họ cũng bán với giá ấy, hoặc cao hơn. Mạnh quên không tính tiền công một ngày nghỉ xe thiệt hại mấy trăm bạc.

— Mình làm được bao giờ cũng đỡ tốn và tốt hơn...

Mạnh buộc cây đèn vào que cần thận rồi trao cho con, Thằng Soan mừng quýnh xách ra ngoài, chừng nó đi khoe với lũ bạn nhỏ hàng xóm.

Mạnh đang thu dọn, quét trước nhà cửa thì vợ về. Chị Mạnh nói với chồng :

— Thôi nghỉ đi, còm còm cả ngày, để đó tôi hốt cho.

Mạnh bỏ ngay chổi xuống, hỏi vợ :

— Đã thấy cây đèn tôi làm chưa ? đẹp đây chứ ?

Chị Mạnh nói một câu chẳng ăn nhằm gì vào câu hỏi có ý khoe khoang của chồng :

— Tôi thấy ngoài phở hôm nay họ bán có mười đồng một cái, trông cũng đẹp đáo để...

— Thề hả ? Mạnh ngạc nhiên hỏi, nhưng anh lại vội an ủi ngay : nhưng chắc không tốt bằng cái của mình, nan cứng toàn cật ; buộc giấy thép ; dán giấy bóng mờ sáng đều và bền lắm ! Nếu nó khéo giữ gìn, sang năm còn chơi được 1 tết trung thu nữa.

Như chưa hài lòng với những lời an ủi trên- Mạnh nói thêm :

— Cũng như mình nghỉ ở nhà một hôm cho khoẻ. Vả lại, làm được thì làm lấy cho con nó chơi vẫn sướng hơn, phải không Soan ?

Mạnh quay lại muốn nhận một cử chỉ đồng ý của con, nhưng thằng Soan đã vác đèn đi khỏi từ bao giờ..

9-60

PHƯƠNG-LONG P.L.P

ĐỂ SỐNG MỘT ĐỜI SỐNG TỰ DO,
HÀNG NGÀY CÁC BẠN HÃY ĐỌC

NHẬT BÁO

TỰ - DO

THƠ ĐOÀN - THÊM

VÔ - ĐỀ

Nắng dãi song thưa lọt kẽ màn
Trưa hè lặng lẽ quá đêm thanh
Sầu ve ru ngủ cây ôm bóng
Cánh sê vù bay gió động cành
Lả gối trôi mơ dòng nước bạc
Trạnh lòng thoáng tiếc lũy tre xanh
Mười lăm năm chẵn chim lìa tổ
Đề giọt mưa dào khóc mái tranh.

Đ. T.



HUẢ

LUI

PỔSAT (I)

KIM-TUẤN

Hlào ẽa ro hơng kơng rưng
đai atah at doa nao xem hơdoah
pơ-ano pơmơdu pơmơng rơhah prong
mơ.

Lui kơtuc lưc rơnuk rai anā mơnuh
at nao xem hơboai kơtoai doah talai
pơjuat cōbat.

*Như nguồn suối rừng xa tìm chảy về đồng bằng,
tìm chảy về trùng dương vô-tận.*

Suốt đời con người vẫn đi tìm tình thương.

TRUYỆN NGẮN :

HA I ngày sau, khi con trâu của Ksor-Slaopơ bị hạ xuống để tế thần Yă - Hbrai (1) thì Pơ mới về đến làng. Buổi chiều hôm đó y bỗng nhiên đứng dừng lại bên kia vùng mộ, dãy núi đằng trước mặt y lúc bấy giờ tím sẫm. Màu nắng ủa sắp tàn hoàng-hôn nhàn-nhật dị thường. Lớp nắng đó đã phủ đầy lên đằng sau lưng y, những làn khói mỏng còn sót lại trong đồng cúi un chỉ tỏa lên lơ-mờ ở trên khu đồi vắng. Điệu chiêng đồng từ một

giòng họ ma chạy nào trong làng, vọng lại âm vang thật buồn. Điệu nhạc tế hồn đó như là lời than-thở của những người đã chết, lũ ma thiêng bị đẩy từ miền sỏi đá xa xôi của nữ thần Yă-Hbrai đang đưa nhau về mua lửa để dò đường kéo tới Dêh-Atăo (3), nơi họ sẽ đi vào sự sống ở âm-ti đời-đời...

Ksor-Slao-Pơ cúi đầu nhìn chăm vào vùng đất âm. Con đường nhỏ dẫn về phía xa kia, nơi đó là làng của y, nơi y

bắt đầu sự sống từ thuở lọt lòng mẹ, đêm đêm y nằm nghe tiếng gió lùa qua bếp lửa, tiếng than củi đốt cháy bên trong nhà sàn. Lúc Ksor-Slao-Pơ lớn lên, khi y đã bắt đầu biết theo cha phát khu rừng làm rẫy trồng lúa vụ mùa, đời y bỗng nhiên như bị buộc liền với giãy núi phía bên kia làng. Ksor-Slao-Pơ tin nơi quyền uy của thần núi (Yang Chư), vị linh thần suốt đời bao-bọc, đem cơm gạo và sự sống yên-lành đến cho làng y, biết yêu gia-đình y, nhưng y không thể yêu được cha y, y coi cha y như không có chút liên-lạc gì với y trong cuộc đời, cha y như dòng suối, không biết thương y, gã đã giết con trâu y để tế-thần, Ksor-Slao-Pơ chỉ có một nỗi băn-khoăn riêng như vậy. Mẹ y chết đã gần 3 năm rồi, linh-hồn bà bây giờ chắc đã về âm-phủ để sống đời đời ở đó. Nghe điệu nhạc tế hồn đột nhiên y nhớ mẹ y, Ksor-Slao-Pơ chảy nước mắt, y buồn vì cuộc sống bơ-vơ của y lúc này. Đời y như con nai con cô-đơn trong rừng vắng, như núi cao bị trời đêm che khuất không còn bóng hình.

Ksor Slao-Pơ vụt chạy lên khu đồi mộ. Buổi chiều nắng hoàng hôn đỏ ối, mặt trời gần lặn sau rặng núi xa. Một bầy diều-hâu tiếc mỗi thịt sống, còn bay chòn-vòn qua đầu núi, tiếng oang-óac của lũ chim gọi nhau như giọng kêu buồn thảm của hung-thần Driang đang dẫn bầy nô-lệ bay ngang vòm trời (4). Những đợt khói nhỏ trong đồng lửa tàn bay cao, những miếng ghè (5) vỡ nằm ngổn ngang sau tiệc rượu cần. Ksor Slao-Pơ rùng mình, y vừa trông thấy những đợt

xương dài còn dính thịt bầy-nhảy rỉ máu, miếng da trâu hôi thối đầy đặc những ruồi, vùng đất tế thần còn lại mấy vũng máu đông đặc cứng, tiếng gió lùa trên vòm cây xào-xạc, như lũ ma thiêng theo nhau gọi thăm.

Khi Ksor Slao-Pơ đi ngang qua vùng tế lễ, lúc đó đồi núi mờ tối sương mù. Đột nhiên y đứng phắt lại. Tay y buông thõng, y đứng im như vậy thật lâu, đầu y cúi xuống, mắt y nhìn chăm vào vùng đất lửa, chiếc đầu lâu của con trâu già còn treo trên cây nêu ngọn cao vỏi-vỏi. Hai mắt con trâu đó mở to ra, dương lên thao-láo nhìn y, miệng nó nhe răng trắng như cười với y, như thăm trách y rất nhiều. Ksor-Slao-Pơ quỳ phục nơi vùng đất lửa, một tay y nắm chặt lấy đao (thứ đao dài người Thượng Jrai dùng để tự vệ), một tay y nâng cao chiếc đầu lâu con trâu già lên ngang tầm mắt của y, mớ tóc dài của y rủ xuống lòa-xòa ngang mày trông như một con quỷ dữ. Ksor Slao-Pơ khóc rống lên thăm-thiết, y gục đầu trên chiếc đầu lâu của con trâu già. Lũ quạ đen vẫn bay qua đầu núi, nắng buổi chiều chìm hết bên kia rặng đồi thấp-thoáng xa xa, bóng tối tràn-lan âm-thảm như không biết đến nỗi đau buồn của y. Thời gian thường vẫn vô tình.

*
* *

Hàng năm, buổi lễ tế thần Yă-Hbrai thường được đặt trên vùng mộ khu đồi. Sau hồi trống đục, sau điệu nhạc chiêng đồng, chúa làng tự múa nhanh một vòng đao và vụt đến chặt đứt

nhượng sau của con trâu già, bị cột bên đồng lửa cháy rừng-rực giữa đồi. Tiếng rống của con trâu kêu lên lê-thê, buồn thảm. Tiếng cò võ của lũ thanh-niên nam nữ ồn-ào trong hồi trống đục nôn-nao. Ngọn đao trên tay chúa làng vẫn quay tít từng vòng loang-loáng qua ngang ngọn lửa, tiếng thét thị oai âm-vang, đôi mắt con trâu đỏ mở to, lưỡi lè ra, rống lên vô vọng, nước mắt chảy ra hai dòng (con trâu của người Thượng xưa nay vẫn không dùng cày bừa, con vật đó chỉ dùng để tế thần trong các dịp lễ lớn). Năm nay con trâu của Ksor Slao-Pơ bị chúa làng (6) chỉ định đem ra tế thần. Con trâu mà từ ngày mẹ Ksor Slao-Pơ chết đi, y vẫn sống âm-thầm bên nó như bóng với hình. Những năm nhọc-nhắn trôi qua. Dãy núi xa xa buổi chiều in bóng, con đường mòn hăng bao nhiêu năm, con trâu ấy đưa y đi về mây buổi, điệu nhạc mõ cột vào cổ trâu rung lên

đều đều. Những âm-thanh quen thuộc vui tai, những tiếng long-cong kêu lên trong khung chiều vắng, đã khiến y quên được bao nhiêu nỗi khổ-sở trong đời của y, quên được bao nhiêu đoạn đường dài, xa-xôi hun-hút núi rừng. Ksor Slao-Pơ quen với cuộc sống đều-đặn của y rồi. Y có cảm - tưởng trong suốt cuộc đời của y, xóm làng không ai để ý đến y, họ cô chia y ra thành sự sống riêng biệt. Ngay cả đến cha y cũng thế, cha y xem y như là kẻ sống thừa bên rìa sự sinh-hoạt của xóm làng. Ksor Slao-Pơ tự biết lấy thân-phận của y, đời sống của y chỉ là đời sống đơn côi, lặng-lẽ bên con trâu già. Ksor Slao-Pơ thương con trâu đó như tình ruột thịt. Nên khi con trâu đó chết, y đã quyết thể với thần núi rằng: Y chỉ sẽ trở về làng y khi nào cây đao của y có vấy máu kẻ đã giết chết trâu y, y xem lời thể đó thiêng-liêng vô hạn. Ksor Slao - Pơ ngược mặt nhìn lên

ĐAKAO CÓ GÌ LẠ ? ?

Phòng trà Ca nhạc TỬ-HẢI

(Ở TRƯỚC TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐAKAO)

Số 44 — 46 Đại lộ Đinh-Tiên-Hoàng

Nơi tập-hợp của nhiều ca-sĩ duyên-dáng, trong một khung cảnh đầm ấm.

Mỗi tối từ 20 giờ 30 đến 23 giờ 30, trình-bày ca nhạc với sự cộng-tác của nhiều ca-sĩ hữu danh thủ đô

Nhận đặt tiệc (món ăn Âu Tây, hoặc Việt-Nam).

Suốt ngày : bán giải-khát và khai-vị, giá bình-dân.

Tiếp-đãi niềm-nở, giá cả phải chăng.

khoảng ánh sáng mỏng-mạnh của phần ngày ở phía tây chân đồi, điệu nhạc gong đưa hồn buồn vang trong gió, y gọi thầm những lời thương tiếc vu-vơ, những nỗi khổ m sâu kín mà y giấu mãi trong lòng...

*
* *

Hôm đó là ngày thứ ba Ksor Slao-Pơ bỏ làng ra đi. Trời về đêm lơ-mờ đầu núi xa-xôi. Đồng lửa đốt giữa nhà sàn vẫn cháy, ngọn lửa to soi bóng Ông Huê, cha của Slao-Pơ lên vách mập-mờ. Tàu thuốc trên môi lão ta vẫn cháy, những tơ khói mỏng che mờ khuôn mặt già nua, khắc khổ của ông ta. Khói thuốc làm cho ông ta thêm có vẻ trầm-sư buồn rầu.

Lúc bảy giờ vào khoảng 12 giờ đêm. Trận mưa đầu mùa vẫn còn rì-rào lùa qua mái lá một con chim cú kêu ở đâu xa vọng về ảo-não, cơn gió lạnh thổi tạt qua ngọn lửa làm rung-rinh hình bóng lão Huê trên vách nửa mờ-mờ.

Lão ta đã ngồi yên lặng ở ngưỡng cửa đó từ chiều, quãng thời gian yên lặng trôi qua trong đời của lão ta, khiến lão ta thấy nỗi buồn đó mênh-mông vô hạn. Lão tự-nhiên nhận ra rằng: trong suốt cuộc đời con người không thể sống mãi cô-đơn, không thể không đi vào tình thương thiêng-liêng của gia-đình. Hơn khi nào hết lão thương con lão, thương thằng Ksor Slao-Pơ mồ côi mẹ từ tấm bé, thương thằng con khôn-khổ không nhận được

chút tình thương nào của lão từ khi nó mở mắt trông thấy cuộc đời. Lão Huê bấu tay trên bờ thềm cửa, mắt lão đắm đắm nhìn vào đêm tối mênh-mông, bóng núi xa-xôi chập-chờn không còn thấy rõ, cơn gió về đêm thổi qua mái lá xạc-xào.

Đang ngồi như thế, đột nhiên lão hơi lùi lại. Tay lão chưa với chụp kịp cây đao treo trên vách đất, thì một bàn tay to lớn, sần-sùi đầy máu đưa ngang tầm mắt của lão, bàn tay đó cứ đưa cao lên mãi. Lão Huê lắng nghe, một thân người nặng-nề đang cõ bò lên chiếc thang bắt ở ngưỡng cửa nhà sàn. Hơi thở mệt nhọc của người lạ đập-dồn khiến lão Huê kinh-sợ, mồ hôi lão toát ra ướt đầm. Khi khuôn mặt người lạ hiện lên trên khung cửa, khi hai tay của người lạ đó quờ quạng như muốn chụp lấy lão thì bỗng lão thét to lên một tiếng, người lão xoay về phía trước, hai tay lão ghì chặt lấy thân hình người lạ. Mặt người đó nhìn vào mắt lão, đầu người lạ đầy máu lật ngược trở ra. Lão nói như tiếng nấc trong cổ họng nghẹn ngào:

— Pơ, mày sao thế này:

Tay thẳng Pơ bầu vào vai lão, mắt nó đờ đẫn vì mệt nhọc bởi máu ở những vết thương ra nhiều. Nó nói trong hơi thở:

— Cha tha cho tôi, Nó giết trâu tôi... tôi đâm nó chết, con nó rượt theo chém tôi, con nó bắn tôi bằng tên độc, tôi đâm luôn con nó chết rồi.

— Già làng.

— Ừ.

Lão Huêr buông người thẳng Pơ ngã vật xuống sàn, mặt lão trợn lên giận dữ, tay lão cầm chặt lưỡi dao :

— Tao đâm mày — Lão Huêr nói — Tao phải giết mày Pơ à, tao không giết mày thì cả làng sáng mai cũng giết mày Pơ. . . . Pơ coi đây này.

Lão Huêr quơ ngọn dao một vòng, khi mũi dao dí đến thịt thẳng Pơ, bỗng lão ngừng lại, lão buông rơi lưỡi dao xuống sàn, hai tay lão ôm lấy đầu nức nở :

— Tao không giết được mày. Có cái gì ngăn tao không giết được mày. Pơ. . . . mày hại cả đời rồi.

Ngọn lửa bùng lên vì cơn gió mạnh, mặt lão Huêr khắc khổ, mặt mờ bên ánh lửa hồng. Cơn mưa đêm lúc bấy giờ vẫn còn lùa qua mái lá âm thầm. Một con chim cú kêu ở đâu xa, tiếng kêu của nó náo nức như rơi vào không gian, như lạc lỏng trong một thế giới vô cùng của đất trời.

KIM-TUẦN

Chú-thích :

(1) Trong những ngày cùng anh Phạm - Ngọc - Thung đi tìm tài-liệu để hoàn-thành tập sưu-khảo «Những bước chân mờ trên dãy Trường-sơn». Tập sách nói về đủ mọi khía cạnh của các bộ-lạc miền cao-nguyên, chúng tôi có tìm thấy nhiều phong-tục. Những phong-tục đó chúng tôi sẽ xin trình bày dần trên tạp-chí này, ví dụ như tục lệ Huấ lui Posat (tục lệ bỏ má) hôm nay là một. Buổi lễ giết trâu này là lễ bỏ má của đồng bào Thượng, thường được cử hành sau ba năm phụng viếng má của người trong họ. Sau thời gian đó, khi đã tổ chức lễ Huấ lui Posat xong, người Thượng tin rằng linh-hồn người đã được giải-thoát, đã về đến âm-ti. Nơi đó sự sống đời đời khác lại tiếp-tục.

(2) Nữ thần Yá Hbrai, theo như truyền thuyết của người Thượng, là vị nữ thần quyền-uy nhất ở chốn âm-ti. Trong sự tin-ngưỡng do nơi thần quyền, đồng bào Thượng tin rằng, khi người ta chết đi linh-hồn phải đến trình-diện nữ-thần, để tùy tội nặng nhẹ nữ thần dày đi đến miền sỏi đá xa xôi, chịu mọi cực hình. Sau một thời gian, khi linh-hồn người chết mãn hạn ở sỏi đá muốn về miền Dêh-Atao, nơi sự sống tiếp diễn đời đời linh-hồn phải

đến mua lửa ở nhà nữ thần. Vì đường đi từ nhà nữ thần đến Dêh-Atao có nhiều cản-trở nguy-hiêm, hơn nữa đường xá tối-tăm. Bởi thế, khi người Thượng chết, họ-hàng có chôn luôn theo quan-tài một ít tư-sản để linh-hồn có tiền mua lửa ở nhà nữ thần.

(3) Dêh-Atao là âm-ti, nơi đó linh-hồn lại được tiếp-tục một đời sống khác, sau thời gian bị dày ở miền sỏi đá.

(4) Người Thượng tin rằng nếu ai chết vì tai nạn, vì sự không may (nghĩa là không phải chết vì già hoặc ốm) thì linh-hồn phải đến tòng-phục hung thần Driang. Một vị hung thần tay cầm búa luôn luôn hành hạ linh-hồn.

(5) Thứ lu nhỏ làm bằng sành, người Thượng dùng để làm rượu và là một trong những tài sản quý.

(6) Một người già nua được làng tin cần nhất, mọi sự quyết định đều do nơi vị này.

MƯA THU...

Mưa rơi rơi giăng mắc
Áp ủ những con đường
Dìu em đi bước một
Giữa phố nghèo quê hương
Tóc em cười nhấp nháy
Ngọc cài đầu mưa sương
Một trời thu chôn chặt
Trong mắt buồn tơ vương
Môi hồng tươi thắm nở
Tiếng thì thầm nhớ thương... ?

.

Mưa rơi rơi giăng mắc
Áp ủ những con đường
Mưa tâm tình kẻ lẻ
Mưa sùi - sụt giọt sương
Đường tình yêu vô tận
Đưa em về muôn phương
Siết tay tìm hơi nóng
Bỗng dưng ấm phố phường
Yêu nhau rồi, tan loãng...
Giữa muôn màu sắc hương

.

Mưa rơi rơi giăng mắc
Áp ủ những con đường
Anh làm mưa hôn nhẹ
Trên má hồng yêu thương

HUY-LỰC



NGUYỄN - VĂN - XUÂN

HƯƠNG

MÁU

Khối tình mang xuống tuyến đài chưa tan

Nguyễn Du

Tiền thiệp hà liễu sinh ?

Ngô Cơ

BÃI chém An-Hòa sáng hôm ấy tấp nập. Một số dân phu gánh đất đắp lại những chỗ sũng mà trận mưa trước còn đọng nước. Một số khác chặt tre vót nan để dựng một cái sạp cho quan khách trú. Lại có mấy người lực lưỡng đang ra sức lấy vồ đập tơi đầu những cái gốc tre già cắm chặt trong đất sâu làm thành một hàng nọc kiên cố chạy dài... Tất cả làm việc không một chút hứng thú, không phải bởi họ nghĩ đến một đồng đầu sắp rụng mà chính lòng họ còn bồi hồi lo sợ vì các cuộc biến động ở kinh thành.

Từ mấy mươi năm nay, lòng người dân ở đê đô, sau việc thất thủ kinh thành người chết như rạ, đã truyền tiếp cho nhau một mối lo sợ thường trực. Có dấu hiệu biến cố là họ đâm ra lo lắng rụng rời và phải lâu, lâu lắm mới lại dám có nụ cười trên môi.

Đám dân ở Bao-Vinh lo việc gánh đất, phát gai để chữa lại mấy lối đi vẫn lạng lè làm việc. Ông hương dịch phe phẩy chiếc roi khi thầy đội lệ sắp tới kiểm soát công tác và quát to lên khi thầy đội đi qua, bằng những tiếng ậm

ợc của một người rất hiểu đâu là bốn-phận có nề nếp nghìn năm của mình. Họ làm việc quần quật, chăm chú, lâu lâu lại liếc nhìn về phía xa xa, nơi một số người khác đang cắm cúi đào đất. Một thanh-niên lấy thuốc ra hút để chờ một ông lão leo đến theo sau. Khi ông lão đến gần, y đưa thuốc mời để lấy có khế hồi :

— Bác Hiên. Họ đang đào đất làm chi rứa ?

— Họ đào huyết.

— Để chôn à ?

— Có lẽ. Chém rồi mà không có ai nhận thấy thì chắc họ chôn ngay. Còn như bêu đầu thị chúng thì chưa biết ra sao.

— Chém những ai, bác có biết không ?

— Nghe đâu chém mấy tay trọng tội : ông Trần-Cao-Vân, ông Thái-Phiên, ông Tôn-Thất-Đề, Nguyễn-hữu-Diện. Mà thôi đừng nói chuyện nữa. Họ nghe rồi sinh và miệng bây giờ.

Người thanh-niên yên lặng và nhón nhác nhìn chung quanh. Y không được yên tâm khi thấy mấy bác quyền quay về phía mình và trao đổi điều gì với nhau.

Trong lúc ấy, viên quản cơ, sai nhân của bộ binh đi đốc suất việc sửa sang trường chém đang uể oải cong mình trên chiếc ghế đầu đặt cạnh gốc đa. Thấy nén hương cúng vái âm hồn còn lấp lánh tỏa làn khói thơm dưới một nhánh lá rậm. Viên đội Lệ huyện đã nhanh nhẩu sai trái một chiếc chiếu cạp điều và đặt mâm rượu nhỏ để tiêu khiển qua thời gian dằng dặc. Câu chuyện khi có chén vào càng lúc càng đậm đà. Dầu họ không muốn mà rồi nó cứ trở đi, trở lại mãi chung quanh vấn đề những kẻ tử tù. Họ nói với nhau về các người

phải thọ giáo hình không phải bằng cái giọng khinh thường. Dầu phải phục-vụ một chính-phủ cam chịu đầu hàng, những con người ấy, cũng như đa số hạng thường nhân còn chút lương tri khác, không bao giờ dám có thái độ ngông ngáo đối với lớp người chống chính-phủ Bảo hộ. Nhất là khi những kẻ kia thu phục được lòng cả một vị đế vương khiến bỏ Ngai Vàng để dẫn thân vào đường nguy hiểm. Nhưng tán thành thì họ cũng chẳng đại gì để phải tù rục xương.

Họ chỉ khôn ngoan là không phản đối mà chỉ đề cao, nhiều khi thần thánh hóa cả những kẻ tội đồ. Họ xem Trần-Cao-Vân như người trên thông thiên văn, dưới đạt địa lý và biết phép tàng hình. Họ xem Thái Phiên là người thông kim, bác cổ có những hành động lạ lùng và có tài hùng biện khác thường. Cũng như họ xem vua Duy-Tân là một người thông-minh tuyệt thế và họ kể câu chuyện nhà vua gặp Trần-Cao-Vân giả làm anh câu cá ở Hồ Tĩnh Tâm như một chuyện cổ tích cao cả và lãng mạn.

Viên đội lệ bỗng đặt chén rượu, lấy tay áo quạt qua đôi môi làm bớt những sợi râu lơ thơ trên mép, hơi hạ giọng :

— Bẩm thầy quản, mà việc này nghe đâu khám phá ra được là do một tên lính ở Quảng-Ngãi ?

— Ừ cũng là do sự nhẹ miệng, nhẹ mồm mà ra.

Và quay chung quanh một vòng, mặc dầu biết chẳng có ai, thầy quản vẫn hạ giọng :

— Cả Hoàng-Thượng cũng rứa.

— Dạ, rứa là sao ?

— Chú tôi là ông Cử An-Cự có kể lại rằng Hoàng thượng cũng nhẹ miệng. Trước ngày ngai xuất ngoại, có thiết triều thường lệ. Chú tôi đi chầu.

Hồi đó vào năm giờ sáng. Các quan thay phẩm phục xong, từ tả vu, hữu vu kéo ra thì cũng theo phẩm trật đến ngồi trên hàng chiếu trải từ trên điện xuống sân chầu. Theo lệ thường, Hoàng-Thượng đi ra với một ông thị-vệ. Ông thị-vệ này chỉ có việc đỡ Hoàng-thượng lên ngai vì ngài thấp bé quá. Khi các quan tung hô rồi thì ông thị-vệ lại chỉ có việc quay đôi hia của ngài vào trong để khi ngài leo xuống là cứ theo hướng ấy mà nhập cung. Nhưng hôm ấy, ngài lại không leo xuống ngay mà còn ngồi nán lại. Rồi giữa lúc quan đang đưa mắt hỏi nhau xem có việc gì (vì chẳng bao giờ triều-đình có việc gì) thì ngài truyền : « Các thầy xem lại cái hiệp-ước, coi thử người ta thi-hành có đúng không ». Cả triều-đình đều im phăng phắc. Ngài mặc mọi người kinh sợ ngơ ngác, thông thả leo xuống ngai rồi đi vào. Chú tôi có nói là giọng ngài nói như đọc bài vì chắc có ai mớm lời. Bây giờ thì người ta biết người đó là ai.

— Là ai ? thưa thầy quản ?

— Còn là ai nữa ? Ông không biết là ông Trần-Cao-Vân đã nhờ tên xó-p-phơ riêng của ngài làm môi giới, đã gặp ngài dâng sớ ở Hồ Tĩnh-Tâm rồi vào cung nằm ngay trên trần nhà để làm quân sư cho ngài à ? Mà câu nói của Hoàng-thượng phát ra buổi sáng thì buổi trưa, bên Tòa Khâm đã biết rồi (1).

(1) Tài-liệu kể bằng miệng của cụ Ưng-Trình (Huế).

— À !

— Mà thôi chớ, thầy đời. Chuyện mình nghe rứa thì hay rứa. Cũng chẳng nên cho ai biết mà lại mua lấy vạ vào thân.

*
* *

Đêm hôm ấy, trong một cửa hàng bán cơm gần cầu K.L... đã khuya lắm vẫn còn một người thức với ngọn đèn con. Nàng ngồi yên lặng một tay chống vào má, đắm đắm nhìn vào khoảng không như muốn nhớ lại một điều gì mà cánh màn dĩ vãng chập chờn che dấu. Nàng trạc hăm ba, hăm bốn tuổi, không lấy gì làm đẹp, nước da trắng muốt, mặt hơi rỗ hoa mà có vẻ phúc hậu. Nhìn qua, người ta biết ngay nàng hẳn phải xuất thân một gia-đình giàu có ở vùng quê.

Nàng ngủ hay thức ? Đôi mắt nàng vẫn mở trôn trôn thì đúng là nàng thức, nhưng cái vẻ bất động tuyệt đối kia lại chính là trạng thể của người đang ngủ. Mắt nàng ráo khô mà đỏ khé cứ đương vào trong khoảng không...

Thốt nhiên vai nàng nấc lên, nấc lên nhanh quá rồi một tiếng rít rùng rợn phát ra từ đôi hàm răng nghiền chặt của nàng. Sự thay đổi thái độ bất ngờ làm nàng trở nên hung dữ mà tuyệt vọng. Bất thành linh, nàng dấm một tay xuống rồi dấm luôn cả trán nàng trên mặt bàn gỗ. Khay trà, ấm chén bị dội mạnh, tung lên loảng soảng. Chiếc nắp ấm rơi xuống bể tan.

Tiếng động làm tỉnh giấc người nằm ở phòng đối diện. Đó là một ông già trên năm mươi tuổi, da trắng, dáng tầm thước mặc một bộ áo mã hồ bằng lụa bạch.

Ông đi nhẹ nhàng lại phía thiếu phụ, ngồi xuống cạnh nàng :

— Này con.

Ông dịu dàng gọi. Thiếu phụ vẫn triền miên trong những cơn đau vũ bão vò xé tâm can nàng :

— Băng ! Con !

Ông sẽ lay vai nàng. Thiếu phụ khẽ ngừng lên. Nàng nhìn cha lơ đãng đôi mắt hết sức xa xăm. Nàng không định khóc, nhưng một tràng thổn thức xé ngực nàng trào ra...

— Cha ! Chồng con đâu rồi ? Anh Phiền ! đâu rồi cha ?

Nàng ngã gục vào cánh tay cha, mềm lả, run rẩy như cái đuôi thạch sùng khi bị cắt rời khỏi thân mình. Nỗi đau khổ gợn trên cơ thể, truyền sự xúc động như kim châm da thịt người cha.

— Băng, con nên cố gắng mà bình tĩnh một chút. Cha con ta đang ở nhờ trong hàng quán người ta. Không nên làm kinh động mà người ta nhìn vào.

Ông hạ giọng :

— Chồng con nó có chết cũng là chết vì việc vua, việc nước... Nó cũng xứng đáng là kẻ...

— Con đau khổ lắm, cha ơi !

— Cha biết lòng con lắm. Nhưng mà số Trời không dung vua ta, nước ta thì tất là Thái-Phiền...

— Anh Phiền ơi ! Vợ chồng lấy nhau mới sum họp một ngày. Em ngó anh chưa tường con mắt. Rồi anh ra đi biệt suốt một năm trời. Bây giờ em sắp gặp lại anh thì...

Cái hình-ảnh rùng rợn này tự kêu gọi ra đột ngột quất mạnh tâm trí làm tê liệt giác-quan nàng. Nàng co rúm cả người lại và mê đi. Cha nàng lấy chai dầu bạc hà thoa hai bên máng tang nàng và kêu lên se se :

— Băng !

Thấy nàng bất động, ông hoảng sợ. Ông kêu lên như thường lệ người ta vẫn quen dùng trong những trường - hợp có kẻ chết giả.

— Ba hồn chín vía con ! Nguyễn-thị Băng ! Lai tỉnh đi con !

Ông lay gọi, cạy răng nàng đổ dầu vào. Một lúc lâu nàng mới cau mày rồi khẽ thở dài. Nhưng nàng chỉ mở mắt một cái rồi lại nhắm nghiền ngay, môi hơi mỉm cười.

Nàng đang lạc vào một kỷ niệm đẹp : một buổi chiều mát, nắng hoe vàng, nàng đi trên những con đường trắng trong vườn xanh nghìn nghít.

Chợt nàng thoáng thấy một chàng thư-sinh, tay xách cặp da đi vào nhà cùng cha nàng. Nàng vờ vin một nhánh dâu xuống, hái trái để nhìn chàng. Chàng không trẻ như nàng tưởng. Mặt chàng đã có những nét từng trải, nhưng nhờ nước da trắng mát và dáng người nhỏ thó nên trông chàng tưởng mới vào khoảng hăm lăm, hăm bảy. Chàng đi điệu bộ khoan thai và ôn tồn nói chuyện với cha nàng. Chợt chàng ngừng lên bốn mắt gặp nhau. Không biết chàng có xúc động không, chứ nàng thì toàn thân thể lạnh hân đi, và nàng biết rằng đôi mắt của chàng đã chiếm lấy hồn mình.

Nàng đi vòng ngả sau vào nhà rồi lên vào phòng riêng. Ở đó, qua màn trúc vẽ mai

hạc, nàng có thể nhìn ra phòng khách. Nàng hồi hộp khi lại thấy mặt chàng. Chàng đang mải biện luận với vài người khách đã chờ sẵn trong nhà. Tiếng chàng sao mà êm ái: chưa bao giờ nàng nghe ai có một thứ giọng trầm trầm, gọn gàng mà vang động đến thế. Lời của chàng nói tự nhiên không trau chuốt mà nghe lưu loát. Chàng hấp dẫn hết người nghe và khi tranh biện với một người đứng tuổi ngồi bên trái, giọng chàng hơi to mà vẫn hết sức bình tĩnh. Lý chàng đưa đánh thép mà khôn ngoan khiến cho người đối thoại, vốn có tiếng là tay « ăn nói », cũng phải vui vẻ khuất phục. Cái dư âm tiếng nói của chàng, nàng còn nghe vang trong phòng khách và mắt chàng, đôi mắt đen lạnh lạnh, nghiêm nghị và thấu suốt thì như còn vương cái nhìn trên da thịt nàng. Khi chàng ra đi một lúc lâu, nàng làm ra vẻ lãnh đạm hỏi cha :

— Ông khách nào mà cha tiếp chuyện thân mật vậy cha ? Ông ấy hình như vui chuyện lắm.

Cha nàng nói :

— Ông ấy à ? Sau này con đọc sử, sẽ rõ...

Cha nàng đột nhiên im lặng và nhìn nàng khiến nàng ửng hồng đôi gò má và vò mạnh một chiếc lá trong tay.

Giữa lúc ấy cha nàng cúi đầu ngồi yên bên cái thân thể gần như bất động của con. Ông bị dẫn vật bởi những mối thương tâm không bao giờ còn biết thổ lộ cùng ai. Ông tự thấy cái kết quả ngày hôm nay ông phải hoàn toàn chịu trách nhiệm. Là một kẻ thâu khoán, tại sao ông không cam tâm, như kẻ khác, chỉ cắm đầu trên những đồng tiền bạc vơ vét

bốn phương rồi tự mãn với cái tài bóc lột của mình ? Tại sao ông còn để cho tình yêu Quốc-gia len lỏi vào và làm thành đầu dây, mỗi nhợ để tự ràng buộc với thầy thông làm việc ở sở chè vừa lạnh lợi, vừa « điển trai » lại vừa có tài biện luận là Thái-Phiên ? Để rồi cứ mời Thái-Phiên về nhà, để bị chàng khuất phục bằng tấm lòng yêu nước tha thiết và cái tài, cái trí cao cả của chàng. Để cho người con gái ông vốn có tiếng kén chồng đã say mê chàng khi chợt thấy chàng, nghe tiếng nói của chàng ? Người cha đó càng thêm đau khổ vì ông cũng thừa biết Thái-Phiên không yêu con mình. Sở dĩ chàng lấy nàng cũng chỉ vì liên cảm tấm lòng cao thượng và vì món hồi môn quá lớn của nàng. Thái-Phiên đâu có tham tiền vì tham tiền ! Chàng và các đồng chí chàng đều nhận thấy muốn mưu đồ đại sự thì phải có một đồng tiền càng lớn càng hay. Và chàng đã được thỏa nguyện sau đêm động phòng hoa chúc. Con chim Bằng thế là từ đây cắt cánh bay luôn. Và Nguyễn-thị-Băng, người thiếu phụ tội nghiệp cũng thành góa phụ kể từ đêm hôm ấy.

*
* *

Mới bốn giờ sáng mà bãi chém An-Hòa đã rộn tiếng chân người. Họ từ bốn phương kéo về. Người ta đến vì công vụ, vì thân nhân; đa số vì hiếu kỳ. Công cuộc khởi nghĩa, có cả đức vua tham dự trong lịch-sử đã xảy ra mấy lần ? Mà những kẻ bị chặt đầu, tên tuổi sẽ gắn liền công cuộc giải phóng, đâu có phải người xa lạ. Họ đều đã từng len lỏi trong dân chúng, đã từng trú ngụ các đền chùa, đã lúc làm khách thương

khi thầy tướng số... Công việc hoạt động của họ, ngoài sự tổ chức rộng rãi, kín đáo lại có tính cách vô hiệp lý kỳ khả dĩ đủ sức khuấy gọi tấm lòng tò mò và đau thương và kính trọng của một đám dân mất nước.

Người ta bắt đầu chen nhau để xem, quay thành một cái vòng rộng quanh hàng cọc tre toí đầu. Binh lính từng đoàn, từng lũ kéo ra. Lính khố vàng với mũ vàng, khố vàng, xà cạp vàng. Lính khố xanh với cũng chừng ấy thứ màu xanh, lại đeo thêm khẩu súng trường thườn thợt. Lính khố đỏ mặc kaki vàng, nịt và các đồng đánh sáng choang đi cùng lính tây, nện gót sắt hùng hổ nhịp nhàng tiến vào. Họ nhanh nhẹn bọc quanh pháp-trường lười lê tuốt trần sáng loáng đủ sức bảo vệ một cái khán đài rực rỡ những cờ đuôi nheo, cờ ngũ hành và một pháp trường xử toàn trọng tội. Ngoài ra lại còn một đám thị vệ dáng điệu khùng khỉnh luôn mồm sai bảo các thứ lính tuần-sát, lính lệ chạy cời đầu.

Mặt trời lên thì bãi cỏ càng rộng ra và xanh thắm thắm. Người xem tổ mặt, ai ai cũng có thái-độ thăm kín và khẽ đưa mắt nhìn theo mọi cử động của những người hành sự.

Khi các cơ-ngũ binh lính đã chỉnh-tề, bọc trong bọc ngoài kín mít, người ta lần lượt dẫn tội nhân vào.

— Thái-Phiên !

Có tiếng ai nói và trở vào tội nhân đi đầu. Tất cả chen nhìn cho được con người năm thập trạc 36, 37 tuổi, đi một cách khó nhọc dưới một chiếc gông tạ do bốn người lính tuần sai dìu bốn góc. Thái-Phiên vốn gầy, bây giờ lại chỉ còn da bọc xương

nên trông bé hăn đi khiến những ai không quen chính sự đều tưởng mình trông lầm. Vì lẽ nào chàng thư-sinh bạch diện, tóc tơ rối loạn kia lại có gan sắt đá đủ làm kinh hồn, tán đởm cả một kinh thành ? Tiếp theo là Trần-Cao-Vân, cũng không lấy gì làm cao lớn, mặt hoi nở hoa, râu dài với chiếc áo dài rộng tay kiểu đạo sĩ không bao giờ rời nó làm cho người xem càng muốn đoán sâu, hiểu sâu thêm tư tưởng con người theo « vạn pháp qui tôn » kia đang biến chuyển ra sao ? Và ông có thể đủ phép thuật thần thông để thoát khỏi giờ phút hiểm nghèo không ? Rồi mọi người dù hết sức nghiêm trang, cũng không khỏi hơi mỉm cười nhìn kẻ tội đồ thứ ba : Tôn-Thất-Đề. Tuy bị giam cầm lâu ngày, ông Thị vệ tiếng tăm này vẫn phì nộn, to béo, tốt tươi, núc ních đi dưới chiếc gông tạ gỗ làm như đi dưới một thứ đồ chơi bé nhỏ...

Người ta lần lượt tháo gông cho các tử tù. Một anh gầy gò lấy kéo xấp cao mớ tóc rối loạn trên cổ họ để lát nữa lười gươm đi qua cho ngọt. Các tội nhân được đưa đi vĩnh biệt thân nhân.

Hội đồng thị chém đã đến đông đủ. Các tinh kỳ, các tàn vàng tán tía đua nhau rung chuyển màu sắc. Tiếng ngựa hí xen lẫn tiếng hô bằng súng làm cho pháp trường thêm vẻ uy nghiêm khiến khán giả phải dè dặt tiếng ho.

Các tử tù được lần lượt dẫn đến trước từng cây cọc gỗ dành cho số phận từng người. Một bọn lính tỉnh cầm sẵn dây liềm trời kéo họ vào đấy. Vị đại-diện bộ binh tiến lên một bước đọc bản án rồi ra lệnh hành hình.

Một đoàn lính nhung phục đồ đứng khoa những mã-tấu trước mặt tám người sắp

thành liệt sĩ. Thầy đội chuyên việc xử trảm lù lù hiện ra với một chiếc dây lưng đồ khế và một thanh quất sáng ngời lăm lăm nơi tay. Cả rừng người cùng nhón nháo nhìn và cùng hồi hộp theo dõi từng bước đi của thầy.

Chợt tiếng loa.

Chiêng trống nổi lên.

Tùng... bi li.

Soạt...

Chỉ một lát gươm đưa qua, đầu Thái-Phiên rụng xuống. Trong cái cơ thể bé nhỏ đã kiệt lực, kiệt khí huyết ấy chỉ có một vòi máu yếu ớt văng ra.

Thầy đội chém lúi lại một bước rất uy nghi để thở. Thốt nhiên, con người có vẻ can cường hùng ấy bỗng dơ hai tay ra. Nhưng kẻ đứng gần đều thấy mặt thầy trở nên xám xanh, xám ngất Thanh quất trong tay thấy rơi xuống. Rồi cả cái thân thể rắn chắc, vững vàng ấy cũng khuỵu gối ngã nhào xuống giữa pháp trường bỏ lại một đám đầu đang lạnh lùng ngược tới để được sớm rụng cho rồi.

Giữa lúc mọi người đang ồn ào hỏi nhau vì có gì thầy đội mới chém một cái đầu nhỏ nhoi đó bỗng ngã ra như sau một ngày tử chiến, người ta lại ngạc nhiên thấy từ quần chúng nhấp nhô như sóng thoát vọt ra một bóng người. Một người đàn bà. Một thiếu phụ mặc toàn tang chế. Nàng vệt quân lính, lú rú chạy trên đôi chân bé nhỏ, thẳng một mạch đến chỗ chiếc đầu lâu vừa rơi trên đồng cỏ. Nàng quì xuống, nâng nó lên trên đôi bàn tay trắng bệch. Nàng áp cái đầu đầy

máu me ấy vào ngực mình, như không một vật nào cao quý linh thiêng, yêu dấu bằng, như thể nó chính từ một bộ phận máu xương của cơ thể nàng bị đứt ra. Nàng rú lên, thét lên thê thảm đến cái bọn đầu trâu mặt ngựa đứng cạnh đó cũng phải mủi lòng. Nhưng pháp trường không bao giờ được náo loạn. Một tốp lính liền chạy đến, kẻ giật lại đầu lâu, kẻ kéo nàng ra. Con người mỏng mảnh đó vẫn chống cự đến kiệt lực. Trước khi người ta lôi được nàng đi, nàng đã xòa hết móng tóc đen như mun để chùi, để thấm, để bắt hết cái giòng máu ít ỏi đã từ cơ thể chồng nàng đổ ra trên áng cỏ còn lóng lánh sương mai.

Một xúc động mãnh liệt hiện lên trên nét mặt quần chúng. Nhiều người đàn bà rưng rức khóc và quay về. Ở phía Đông-Nam, một người có vẻ văn nhân nắm tay áo bạn :

— Thôi ta về đi.

— Nhưng còn cả mớ đầu kia mà.

— Không, tôi không thể xem được nữa. Tôi đến để dự kiến một trang sử oanh liệt của đất nước chứ không chờ để dự chứng một thiên tình sử bi thảm đến thế. Đêm nay làm sao mà ngủ được ?

Một pháp trường không thể thiếu đao phủ thủ. Nhà chức trách cho người nhón nhác chạy tìm. Kìa, một người tráng niên vẻ mặt vừa ngu độn vừa đánh ác đang lừ khừ đứng cạnh khán đài.

— Ngáo !

Một trăm cái miệng cùng reo lên :

— Ngáo ! Ngáo ! (1)

1) Tức sau này gọi cụ Ngáo ở Huế.

Lập tức, người ta mang đến cho lão một chai rượu và trao cho lão một thanh mã tấu. Vốn là kẻ sinh vô gia cư, tử vô địa táng, suốt đời chỉ biết ăn thịt chó, uống rượu, Ngáo có bao giờ chịu dừng trước một việc gì khi đã được uống ! Một chai rồi một chai nữa. Ngáo xách vũ khí ra pháp trường.

Tùng... Bi li...

Đầu óc loạng choạng hơi men, Ngáo đưa qua một lưỡi mã tấu trên cổ Trần-Cao-Vân. Thanh đao văng ngược lại như thể kẻ bị xử tử vận nội công... Nhưng không, nhà chính-trị đang sẵn sàng chờ chết. Lại một nhát nữa rồi một nhát nữa. Ngáo càng say, càng chặt bậy. Phải đủ bảy nhát mới chém nổi đầu một ông già chẳng lấy gì làm to lớn.

Đến lượt Tôn-Thất-Đề, Ngáo chém đến chín nhát mà vẫn trơ trơ. Quân lính phải tháo ông ra, để ông xuống cho Ngáo lấy dao cắt cổ.

*
* *

Viên thầy thuốc thông thả, mệt mỏi đi ra.

Dơ tay nhẹ nhàng khép tấm cửa buồng, ông bước lại phòng khách. Trong nhà không đến nỗi vắng người nhưng gần như không một tiếng động. Trước một cái chậu cá vàng, cạnh án thư, ông Học ngồi ra dáng ưu tư. Lâu lâu, ông dơ tay rút một cái lông công trên chiếc lọ cổ viết vắn vơ mấy chữ trên bàn tay sọc. Ông thầy thuốc đến ngồi trên chiếc đôn sứ cạnh chủ nhà, lặng lẽ búng những tí bã trên đầu hàng ngón tay ngà, dài, cong vút.

— Thưa thầy, xem cháu có hy vọng gì nữa không ?

Ông thầy thuốc khẽ lắc đầu, một cái lắc đầu dè nặng cả gian nhà.

Tôi đã đổ sâm cho cháu Một lát thì cháu nó tỉnh. Nhưng tôi tưởng cũng không lâu... Bệnh cháu không thành bệnh. Chỉ vì quá ưu tư, nó đau trong tinh thần nên lục phủ ngũ tạng ngày mỗi suy nhược. Ở địa vị kẻ khác, tuy vậy mà còn một chút hy vọng vì người ta muốn sống. Còn cháu tôi xem nó chỉ muốn...

Ông thầy ho một tiếng để khỏi buông lời nói gở.

Ông Học như đã đón chờ tất cả hung tin cho nên thái độ có vẻ bình tĩnh. Ông trầm ngâm một phút rồi nói :

— Không, tôi biết rõ lòng con tôi. Tất cả sự thể đến nỗi này đều do lỗi của tôi mà ra. Mà cái lỗi lớn nhất là để một thiếu-phụ đi dự cuộc hành quyết chồng mình. Tôi tưởng người ta dẫu gan sắt đá đến đâu cũng không khỏi tan nát, huống hồ nó chỉ có lá gan của một người đàn bà yếu đuối lại hết dạ thương chồng...

Có tiếng ho trong phòng bệnh - nhân. Ông thầy thuốc đặt một tay lên tay ông Học :

— Ông nên vào. Chắc cháu nó muốn gặp ông lần cuối cùng.

Ông Học cảm động, lặng lẽ đứng lên. Ông lách cánh cửa tiến dần về phía giường con bệnh giữa một không khí tràn ngập mùi thuốc bắc.

Ngồi vào chiếc ghế vuông kê sẵn bên giường con, ông không ngăn nổi một cái rùng mình : một mùi hôi thoang thoang xông lên. Ông cố dẫu sự khó chịu, dăm dăm nhìn con bằng đôi mắt chan chứa thương yêu.

— Sao? con có thấy trong người khá hơn không?

Bệnh nhân mặt trắng xanh, đôi mắt sâu có quầng đen, đôi má gầy hằn, khế mấp máy môi. Nàng định nói, nhưng đờm rùng rùng kéo lên chẹn lấy cổ. Ông đưa tay vuốt ngực con. Ông có cảm tưởng thấy tử khí chòn vòn trên màu da, trên khoé mắt của con.

Mãi nàng mới khẽ nói :

— Con thấy khoẻ. Song con chẳng còn sống mấy nổi nữa. Con cam tội bất hiếu với cha.

Hai dòng lệ sống từ từ ứa ra khoé mắt nàng. Người cha lấy khăn lau đi. Ông nhìn lên đồng tóc con. Bao giờ nhìn lên tóc con, trái tim ông cũng như thất lại. Mùi hôi nồng nồng chính từ đó phát ra, cái mùi hôi của chất máu bị bết trong tóc quện lấy mồ hôi đã ba tháng trời, mà con bệnh quyết giữ lấy khư khư, cùng ăn cùng ngủ với nó luôn luôn hít thở nó như kẻ nghiện thêm sống với khói phù dung.

Ông đã nhiều lần van xin, nhưng con ông nhất định không cho gội rửa. Ông cũng biết con ông có nhiều duyên có để giữ một kỷ niệm như thế. Nhưng lòng cha nào nỡ nhìn thấy con tự đầy đọa trong cảnh thảm thiết ấy nổi. Cho

nên hôm nay ông không cưỡng với lòng được. Ông cần nói rõ với con.

— Băng, con à.

— Dạ.

— Cha có điều muốn nói với con.

— Dạ.

Tiếng nàng yếu, song lời nhìn của mắt nàng chưa khiến ông thất vọng. Ông cố giữ bình tĩnh để khỏi lộ sự thốn thứt cắt quăng lời nói :

— Điều này từ ba tháng nay cha muốn nói với con. Mà hễ mở miệng là cha lo ngại : cha sợ con buồn tủi... Cha biết chồng con chết trong tình cảnh đó con thắm tóc vào giòng máu cuối cùng của nó để giữ chút hơi thừa cũng phải. Cha cần rằng, thất bại thương cảnh góa bụa bi-đát của con...

Ông quay mặt để chùi hai giọt nước mắt không giữ được nữa tuy ông biết con ông không còn đủ sức quay về phía mình. Mãi, ông mới lựa lời tiếp :

— Nhưng thầy thuốc khuyên là muốn chữa lành bệnh con, chất máu ấy cần phải gội sạch mới được. Chắc con cũng thừa biết tại sao. Vậy con nên nghe cha... Con nên thương cha... Con để cho cha gội tóc tơ con cho nó sạch sẽ...

★ Người cầm đầu quá sốt sắng, nóng nảy thường hay có khuynh hướng bao biện, muốn chính mình làm hết mọi sự, nhất là khi không được mãn nguyện với công việc làm. Đó là một sai lầm quan-trọng. Một người cầm đầu chân chính biết để cho người dưới được có sáng kiến tối đa và được xuôi chạy. Có được vậy, người dưới mới có cơ hội tự luyện và khai triển, thi thố tài năng của họ (Courtois).

Ông dừng lại vì một phản ứng bất ngờ !
bệnh nhân không nói gì nhưng thốt nhiên
dơ cả hai tay lên đầu ngón tay run run ấn
vào kẽ tóc. Nàng khẽ nhắm mắt và nuốt nước
bọt để nén cơn ho. Khi không giữ được
nữa, cơn ho rùng rùng kéo tới, đờm rào
rào trào lên. Lâu lâu nàng ứa nước mắt nói :

— Thừa cha, con thật đắc tội với cha.
Con chỉ còn biết lạy cha, xin cha
tha thứ cho con. Còn việc con đối với anh
Phiền con...

Nàng mệt nhọc, nói không ra lời, chỉ
khẽ gật đầu tỏ ý rất bằng lòng. Thốt nhiên
nàng dơ tay chỉ dưới chân. Người cha sợ
hãi, chợt biểu liền đi lại cúi xuống sờ : bàn
chân con ông đã lạnh.

Bệnh nhân phì phào nói tiếp :

— Còn đầu tóc con, con xin cha .. cứ
để nguyên như thế. Máu của anh con... sống
thì con giữ, chết... con mang theo. Cha
làm ơn... trải nó xuống đây...

Nàng mệt ngất đi, nhưng cũng vẫn gắng
gượng sờ mó được những sợi tóc đen dày
cộm lên từng chỗ, những dấu vết sống đau
thương thê thảm nhất của chồng nàng. Tóc
trải một lượt trên bộ ngực hom hem, và
nàng cứ lấy ngón tay mân mê nó, môi hé
một nụ cười héo hắt.

Nàng chết đi, tay vẫn dè trên đồng tóc
như thể sợ người ta sẽ nhấc tâm đem nó
đi để gội rửa cái chất máu hôi nồng, chất
máu đã làm cho nàng gần gũi với chồng lúc
sống và rời đây cả khi vĩnh viễn rời bỏ
cõi đời...

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

*Ở Việt-Nam đã có tờ báo nào đáng gọi là **Nhật Báo Đứng Đắn ?***

Đó là câu hỏi của một số lớn các bạn đọc khó tính.

*Nhưng nếu quý bạn ấy chịu khó tìm đọc tất cả các ác báo hàng ngày so
sánh thì sẽ thấy :*

*NGOÀI NHỮNG TIN TỨC MỜI LẠ,
NHANH CHÔNG, XÁC THỰC VÀ VÔ TƯ*

NHẬT BÁO NGÔN-LUẬN

*Còn có những bài thơ êm dịu, những thiên tiểu thuyết hấp dẫn,
những chuyện ngắn chọn lọc, những bài sưu tầm công phu. . .*

*Do một nhóm nhà văn nhà báo Yêu Nghề Góp Sức Xây Dựng Nhật
Báo NGÔN-LUẬN.*

HÀNG NGÀY CỐ GẮNG LÀM VỪA LÒNG QUÝ BẠN

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Chúng tôi đã nhận được :

Thăng Phần (Phạm-Văn-Bồng) —
Đây Huế, xứ cổ nhân; Trắng trên
Sông Hương (Ngô - Hoàng - Phi) —
Bóng lá vàng (Nhất-Chi-Giang) —
Giờ này (Nguyên-Nguyên) — Đôi
mắt con thơ (Bình-Tam-Lê) — Con
người với tôn giáo (L. M. Bích-
Quang) — Đồ sứ Đại tống và tranh
Đại tống (Nguyễn-Văn-Thu) — Mùa
thu về rồi, Thanh ơi ! (Uyên-
Uyên) — Đôi lúa (Huyền-Lam) —
Đền Chiêu Ừng (tiếp theo); Ma;
Tiên (Bửu-Kế) — Một chút buồn
(Mộng-Hoa - Huyền) — Những vấn
đề liên quan đến gia tăng dân số
(Nguyễn-Phúc-Sa) — Linh hồn tôi

(Doãn-Dân) — Kỷ niệm Đản nhật
Đức-Khổng-Tử (Nguyễn-Văn-An) —
Tên cá trong Ngũ-Việt (Nguyễn-Bạt-
Tụy) — Lỗi lầm (Lãng-Tử) — Thơ
cổ nhân (Hoàng - Hương - Trang) —
Biển cát (Phạm-Duy-Nhân) —

Xin trân trọng cảm ơn các bạn
tất cả những bài trên đây, nếu bài
nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn
chưa đăng (trừ trường hợp đặc-
biệt có thư riêng) thì xin các bạn
coi như là không đăng mà thông
cảm cho. Đa tạ.

Người bạn miền Trung. — mời bạn lại
tòa soạn nhận tập thơ chép trong
« H.N » bạn cho chúng tôi mượn
dạo trước. N.N.Í

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

- « **Đảo kho vàng** » (Treasure island)
của R.L. Stevenson, bản dịch của
Lưu-Bằng do nhà Học-Vui xuất-bản
và gửi tặng. Sách dày 62 trang,
giá 12\$00.
- « **Trước đèn** » (Tái-bản) của ông
Lãng-Nhân, do nhà Nam-Chi Tùng-
Thư xuất-bản và do ông Nguyễn-
Doãn-Vượng giám-đốc N.C.T.T. gửi
tặng. Sách trình-bày đẹp và trang-
nhã, dày 230 trang, giá 65\$00.
- « **Học-Sơn thập cảnh** », số 8 của ông
Thần-Liên Lê-Văn-Tất gửi tặng.
Sách dày 10 trang, giá 10\$00.
- « **Toán hóa-học** », lớp đệ Tam A và
B của ông Hà - Văn - Dương, soạn
theo chương - trình mới, do nhà
Yên - Sơn xuất - bản và gửi tặng.
Sách dày 134 trang, giá 40\$00.

- « **Phương-pháp luyện thi Anh-văn** »
của giáo-sư Quốc-Mỹ, do nhà Yên-
Sơn xuất-bản và gửi tặng. Sách
dày 92 trang, giá 28\$00.
- « **Phương-pháp chia diêm** » của giáo-
sư Trần-Thừa-Dụ do nhà Yên-Sơn
xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 16
trang, giá 15\$00.
- « **Chỉ dẫn Thủy-lâm** » Tài-liệu của
Bộ Canh-nông, do Nha Quốc-gia
Thủy-lâm gửi tặng.
- « **Tài-liệu của Bộ Canh-nông** » do
Nha Quốc-gia Khuyến-nông gửi
tặng.
- « **Sáu cuốn tài-liệu kế-hoạch Colombo** »
(Progress the Colombo 1959). Do
Nha Tổng Giám-Đốc Kế-Hoạch gửi
tặng.

Xin trân trọng cảm ơn các tác-
giả và ân cần giới thiệu với độc
giả thân mến.

GIẢI THƯỞNG VĂN-CHƯƠNG

TỰ - LỰC VĂN - ĐOÀN

Vì có rất nhiều người viết thư về hỏi thể-lệ, lại có nhiều người quên đề địa chỉ hoặc hỏi về nhiều điều thắc mắc, chúng tôi không sao có đủ thời giờ trả lời riêng được nên phải đăng thông cáo này trên các báo chí. Điều quan-trọng hơn hết là văn-phẩm dự thi phải có giá-trị nghệ-thuật. Về nội-dung: không cần theo chiều hướng nào. Về hình-thức: câu văn càng giản-dị càng hay. Nên tránh lối văn lập-dị, hoặc ngoại lai

Văn-phẩm dự thi phải là văn-phẩm sáng tác chưa từng xuất bản hay đăng báo. Tác giả có quyền xuất-bản hoặc đăng báo các văn-phẩm gửi dự thi một tháng sau khi đã được ban giám khảo biên nhận. Văn-phẩm trúng giải hoàn toàn thuộc quyền tác-giả. Mỗi giải thưởng là hai vạn đồng (20.000\$),



GIẢI THẠCH - LAM 1961

1/ Trong tác-phẩm dự thi phải ghi tên thật và bút danh (nếu có) căn kỹ tên thật cùng cho biết địa chỉ chắc chắn.

2/ Tác-phẩm dự thi phải gồm có ít nhất phải sáu truyện ngắn và phải dày ít nhất 100 trang đánh máy (cách hàng rưỡi).

3/ Xin gửi cho ba bản đánh máy (nếu bạn nào ở vào tình trạng đặc biệt không có phương-tiện đánh máy có thể gửi bản viết tay và chỉ cần gửi một bản. Một trang đánh máy tính bằng một trang giấy học trò viết tay, khổ 20 x 30)

4/ Hạn gửi kể từ khi có báo cáo trên các báo chí cho tới ngày 31 tháng Tám, năm 1961.

5/ Kết quả sẽ tuyên bố vào tháng 12 năm 1961 và giải thưởng 20.000\$ sẽ tặng trong vòng một tuần lễ sau ngày tuyên bố kết quả.

6/ Các tác-giả có thể lấy lại bản thảo sau ngày tuyên bố kết quả.

7/ Ban giám khảo: Nhất - Linh và Đỗ - Đức - Thu, nhân-viên Tự-Lực Văn-Đoàn.



GIẢI KHÁI - HƯNG 1962

Điều kiện như trong giải Thạch-Lam, chỉ khác:

1/ Truyện ngắn dày ít nhất 120 trang đánh máy,

1/ Hạn gửi kể từ bây giờ cho đến ngày 31 tháng

Tám, năm 1962.

3/ Kết quả sẽ tuyên bố vào tháng 12 năm 1962.

4/ Ban giám khảo sẽ định sau.



GIẢI HOÀNG - ĐẠO 1963

Điều kiện như trong giải Thạch-Lam, chỉ khác:

1/ Sách khảo luận dày ít nhất 120 trang — Tập thơ dày ít nhất 50 trang.

2/ Hạn gửi kể từ bây giờ cho đến ngày 31 tháng Tám năm 1963.

3/ Kết quả sẽ tuyên bố vào tháng 12 năm 1963.

4/ Ban giám khảo: sẽ định như sau.

Văn phẩm đưa tay hoặc gửi bảo đảm tới:

Ông Nhất-Linh Nguyễn-Trường-Tam 39 chợ An-Đông, Chợ-Lớn.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VON : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions

Capital : 1.500.000.000 Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HAI — RỦI RO

VON : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VON : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 F

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TÔNG CUỘC SAIGON :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Vietnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

Société Indochinoise de Documentation et de

Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

CALTEX (ASIA) LIMITE

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

REPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.

Hút thuốc thơm

Mã nhất tâm



Sang tinh thần

Văn -

- Nghệ -

- Sĩ

GIÁ HẠ

15\$



ВАСНҚНОАВАСНҚНОАВАСНҚНОАВАСНҚНОА

百科雜誌

Chủ-nhiệm : HUYNH-VĂN-LANG
Quản-nhiệm :

Tên soạn :
160. Phan-Đình-Phùng — Sài Gòn
Đáy : số 25.539

in tại nhà in VAN - H O A
412-414, Trần-Hưng-Dao - SAIGON

Giá	: 10\$
Công sở	: 15\$